

Những điều cần thiết cho cuộc sống ở Osaka

(Bản tiếng Việt)



Trung tâm giao lưu quốc tế Phủ Osaka



Bản cập nhật tháng 3 năm 2024

Những điều cần thiết cho cuộc sống ở Osaka Mục lục

Mục lục theo Index

I Ứng phó lúc khẩn cấp và nơi tư vấn . . . 1

1. Các số điện thoại liên lạc khẩn cấp của gia đình

2. Các tình trạng khẩn cấp (hỏa hoạn, cấp cứu, tội phạm)

Trường hợp hỏa hoạn, Trường hợp cấp cứu bệnh tật, bị thương v.v., Khi bị kẻ gian làm hại, Về việc điện thoại thông báo, Các bộ phận cơ thể

3. Phòng chống thiên tai

Bão, động đất, bão xây ra, Phương tiện nắm bắt thông tin dự báo thiên tai, Nơi lánh nạn. Danh sách đồ dùng mang theo khi khẩn cấp

II Sức khỏe và y tế . . . 8

1. Khám chữa bệnh (Sử dụng các cơ sở y tế)

Khám chữa bệnh ở Nhật Bản, Các cơ quan khám / chữa bệnh, Nhập viện, Bệnh viện có thể sử dụng được tiếng nước ngoài, Khi bị bệnh / bị thương vào ban đêm / ngày nghỉ, Thuốc

2. Bảo hiểm y tế (Bảo hiểm sức khỏe quốc dân. Bảo hiểm chăm sóc người già)

Bảo hiểm khám chữa bệnh ở Nhật, Bảo hiểm sức khỏe quốc dân, Chế độ y tế dành cho người cao tuổi, Bảo hiểm chăm sóc

3. Quản lý sức khỏe

Sở y tế, Các trung tâm Y tế của thành phố / huyện / xã

III Sinh hoạt và nơi cư trú . . . 16

1. Tìm nhà ở

Nộp đơn xin thuê nhà do phủ Osaka quản lý, Các nhà ở công khác, Tìm nhà cho thuê (tư nhân)

2. Khi chuyển nhà và về nước

Thủ tục tại nơi đang cư trú, Khi đến nơi cư trú mới., Khi về nước

3. Nước sinh hoạt

Xin cấp nước, Tiền nước, Chú ý trong mùa đông

4. Điện lực

Nguồn điện ở Nhật Bản, Xin cấp điện, Cách trả tiền điện, Hóa đơn sử dụng điện

5. Cách xin cấp gas

Các loại gas, Nếu gas bị xì, Hóa đơn / thông báo lượng gas và tiền gas đã sử dụng

6. Rác thải

Cách bỏ rác, Cách vứt bỏ loại rác khác

7. Sinh hoạt hàng ngày

Phép lịch sự trong sinh hoạt hàng ngày ở Nhật, Sinh hoạt mua sắm

8. Khi gặp khó khăn trong cuộc sống

IV Chế độ quản lý cư trú-Thủ tục đăng kí cư trú – kết hôn – ly hôn. . . 27

1. Thẻ cư trú

Đăng ký mới thẻ cư trú, Thủ tục ở thành phố huyện, xã Thủ tục ở Cục quản lí xuất nhập cảnh địa phương, Đăng ký Sổ hộ tịch cho công dân người nước ngoài, Thẻ Mã số cá nhân (My Number)

2. Thủ tục cư trú

Visa tái nhập cảnh (Khi tạm thời ra khỏi Nhật Bản), Gia hạn thời gian lưu trú, Thay đổi tư cách lưu trú, Xin phép cho những hoạt động ngoài tư cách lưu trú

3. Kết hôn

Kết hôn giữa người Nhật Bản và người nước ngoài, Người nước ngoài kết hôn với nhau, Thay đổi tư cách lưu trú, Thay đổi nội dung được ghi trong thẻ cư trú, Những thay đổi khác

4. Ly hôn

Khi ly hôn, Khi không muốn ly hôn, Tư cách lưu trú sau khi ly hôn, Thay đổi những hạng mục trong việc đăng ký

5. Khai tử

Báo khai tử, Mai táng

V Giao thông . . . 38

1. Phương tiện giao thông

Xe điện (JR/ xe điện tư nhân/ tàu điện ngầm), Xe buýt theo tuyến, Taxi, Đồ để quên trên các phương tiện giao thông

2. Xe đạp

Mua xe đạp, Cách để xe đạp, Khi xe bị mất cắp, Đùng nhặt xe đạp, Luật lệ giao thông

3. Bằng lái xe

Bằng lái quốc tế, Đổi bằng lái xe nước ngoài, Lấy bằng lái xe đầu tiên ở Nhật Bản, Phiên dịch bằng lái xe nước ngoài, Luật lệ lái xe ở Nhật

4. Biển hiệu và chữ hán hay được nhìn thấy ngoài đường

VI Mang thai / sinh con / nuôi con / giáo dục . . . 43

1. Mang thai / sinh con

Khi mang thai, Chi phí, Hỗ trợ trong khi mang thai, Sinh sản

2. Nhà trẻ

Nhà trẻ ở Nhật, Dịch vụ nhà trẻ tư nhân, Trung tâm trợ giúp gia đình (Family support center), Chế độ miễn học phí cho giáo dục mầm non, Chế độ trợ cấp nhi đồng

3. Chăm sóc sức khỏe và y tế cho trẻ sơ sinh

Y tế cho trẻ em, Tiêm ngừa, Khám sức khỏe, Phí chăm sóc y tế cho trẻ sơ sinh

4. Hệ thống giáo dục của Nhật Bản

Giáo dục bắt buộc, Sau những năm giáo dục bắt buộc, Hỗ trợ sinh hoạt cho học sinh / nhi đồng, Cơm hộp, Chế độ hỗ trợ học tập

VII Thông tin / liên lạc . . . 50

1. Điện thoại

Đăng ký lắp đặt điện thoại bàn, Cách trả cước phí, Tư vấn / Dịch vụ qua điện thoại

2. Điện thoại di động

3. Cách gọi điện thoại quốc tế

4. Truyền thông

Truyền hình, Đài phát thanh (Radio), Mạng internet, Báo / tạp chí, Thư viện có tạp chí sách báo tiếng nước ngoài

VIII Lao động / Tiền thuế / Gửi tiền ra nước ngoài . . . 57

1. Việc làm

Khi tìm kiếm việc làm, Du học sinh tìm việc làm sau khi tốt nghiệp, Tìm kiếm việc làm chuyên môn / kỹ thuật

2. Lao động

Điều kiện lao động, Những tiêu chuẩn cơ bản liên quan đến lao động, Cơ quan quản lý tiêu chuẩn lao động, Tai nạn lao động, Quầy tư vấn, Bảo hiểm thất nghiệp

3. Tiền thuế

Cách đóng thuế, Các loại thuế

4. Ngân hàng / Gửi tiền ra nước ngoài

Ngân hàng, Bưu điện, Gửi tiền ra nước ngoài

5. Trợ cấp hưu trí

Bảo hiểm trợ cấp hưu trí, Bảo hiểm trợ cấp quốc dân, Tiền hoàn lại tạm thời

IX Phụ lục . . . 64

1. Danh sách các cơ quan liên quan

Các thành phố / huyện / xã trong Phủ Osaka, Tòa hành chính thành phố / các quận / Cục thuế trong thành phố Osaka, Tòa hành chính thành phố và các quận trong thành phố Sakai, Các cơ quan nhà nước, Các hiệp hội quốc tế trong Phủ Osaka

2. Phòng tư vấn bằng tiếng nước ngoài

3. Sức khỏe và Y tế

Danh sách cơ sở y tế nhận ca khẩn cấp vào ban đêm / ngày nghỉ, Danh sách cơ quan bảo hiểm y tế trong phủ Osaka, Danh sách

các trung tâm chăm sóc sức khỏe trong thành phố Osaka

4. Lao động

Danh sách các cơ quan giới thiệu việc làm (Hello Work) trong phủ Osaka, Danh sách Cơ quan quản lý tiêu chuẩn lao động

5. Danh sách tổng lãnh sự quán (khu vực Kansai) / Đại sứ quán

Tổng lãnh sự quán và lãnh sự quán ở Kansai, Đại sứ quán và lãnh sự quán danh dự ở Nhật (trường hợp không có tổng lãnh sự quán ở Kansai)

Cách sử dụng sách hướng dẫn này

- Hướng dẫn này chủ yếu dành cho những người nước ngoài đang sống, làm việc và nuôi dưỡng con cái tại Osaka. Nội dung được ưu tiên đăng những hạng mục cần thiết nhất.
- Nội dung những thông tin này được cập nhật vào tháng 3 năm 2024.
- Nội dung trong hướng dẫn này chỉ giải thích một cách tổng quát. Xin hãy liên hệ đến những cơ quan có liên quan để biết thêm chi tiết. Những cơ quan khác không được nêu ra trong hướng dẫn này chỉ tiếp chuyện bằng tiếng Nhật. Xin hãy nhờ người biết tiếng Nhật đi cùng bạn khi muốn hỏi thông tin.



Chương trình này hoạt động từ nguồn chi phí quảng bá vé số
この事業は宝くじ普及広報事業費の助成を受けています。












■ Theo mục lục Index

Khi nào	Thủ tục cần thiết – việc phải làm	Nơi nộp đơn – thụ lý	Trang	
Khi bắt đầu sống ở Nhật	Gửi giấy thông báo nơi mình đang ở	Tòa hành chính thành phố, huyện, xã nơi bạn cư trú	28	
	Thẻ Mã số cá nhân (My Number Card) hoặc giấy thông báo Mã số cá nhân		30	
	Bảo hiểm sức khỏe quốc dân		10	
	Trợ cấp hưu trí quốc dân		63	
Chuyển nhà	Giấy báo dọn nhà-chuyển đến(Giấy báo chuyển địa chỉ)	Tòa hành chính thành phố, quận, huyện, xã nơi cư trú cũ và mới(Giấy báo chuyển địa chỉ cũng gửi tới đây)	18	
	Bảo hiểm sức khỏe quốc dân	Tòa hành chính thành phố, quận, huyện, xã nơi cư trú cũ và mới		
Khi rời khỏi Nhật	Tạm thời về nước	Visa tái nhập cảnh • chế độ cho phép tái nhập cảnh được công nhận	Cục quản lý xuất nhập cảnh	31
	Về nước	Tính thuế	Tòa hành chính thành phố, quận, huyện, xã nơi mình đang ở	18
		Giấy báo chuyển địa chỉ nước ngoài		
		Rút khỏi bảo hiểm sức khỏe quốc dân		
		Rút khỏi bảo hiểm hưu trí quốc dân		
Trả lại thẻ cư trú	Trả lại cho nhân viên kiểm tra nhập cảnh khi xuất cảnh			
Khi kết hôn	Có vợ hoặc chồng là người Nhật	Đăng ký kết hôn	Tòa hành chính nơi mình hoặc người Nhật đang sinh sống.	33
		Thay đổi tư cách lưu trú	Cục quản lý xuất nhập cảnh	
		Đăng ký tại nước mình	Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán của nước mình	
	Cả 2 vợ chồng là người nước ngoài	Đăng ký tại Nhật	Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán của nước mình	
		Thay đổi tư cách lưu trú	Cục quản lý xuất nhập cảnh	
Khi ly hôn ★	Có vợ hoặc chồng là người Nhật	Đăng ký ly hôn	Tòa hành chính thành phố, quận, huyện, xã nơi mình đang ở	35
		Đăng ký tại nước mình	Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán của nước mình	
	Cả 2 vợ chồng là người nước ngoài	—	Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán của nước mình	
Khi mang thai	Nhận sổ sức khỏe mẹ con	Tòa hành chính thành phố, quận, huyện, xã nơi mình đang ở	43	
Khi sinh con	Khai sinh	Tòa hành chính thành phố, quận, huyện, xã nơi mình đang cư trú	44	
	Nhận tư cách lưu trú	Cục quản lý xuất nhập cảnh		
	Đăng ký ở nước mình	Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán của nước mình		
Khi tử vong ★	Khai tử	Tòa hành chính nơi mất hoặc nơi đăng ký cư trú	37	
	Trả lại thẻ cư trú	Cục quản lý xuất nhập cảnh		
	Khai tử ở nước mình	Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán của nước mình		

★Trong số những người cư trú dài hạn thì người có tư cách cư trú là “người hôn phu hôn thê” theo diện đoàn tụ gia đình, diện công tác đặc định, có vợ hoặc chồng là người Nhật hoặc người có visa vĩnh trú nếu ly hôn hoặc tử vong trong vòng 14 ngày phải đến Cục quản lý xuất nhập và cư trú cảnh địa phương hoặc gửi đến bộ trưởng Bộ tư pháp thông qua đường bưu điện đến Cục quản lý xuất nhập cảnh và cư trú trụ sở chính Tokyo.

I Ứng phó lúc khẩn cấp và nơi tư vấn

I-1 Các số điện thoại liên lạc khẩn cấp của gia đình

Cảnh sát		110
Hoả hoạn		119
Xe cấp cứu		119
Bệnh viện thường hay đi		
Bệnh viện gần nhà		
Ga bị xì		
Công ty sửa ống nước		
Công ty điện lực Kansai gần nhất		
Đại sứ quán / Lãnh sự quán		
Trường học / nơi làm việc		
Hội tự trị v.v...		

[Return to Top](#)

I -2 Các tình trạng khẩn cấp (hỏa hoạn, cấp cứu, tội phạm)

1. Trường hợp hỏa hoạn (☎119, có thể dùng tiếng Anh)

Khi bị hỏa hoạn lập tức hô lớn cho những người xung quanh được biết. Nếu trong tòa nhà có thiết bị báo cháy(chuông khẩn cấp), phải lập tức bấm nút báo động. Nhanh chóng gọi điện thoại số 119 bình tĩnh thông báo việc có hỏa hoạn và nơi xảy ra hỏa hoạn. Trường hợp khói và lửa lớn, hãy chạy ra nơi an toàn.

Ví dụ cách nói trong tiếng Nhật

「Kaji desu.〇〇(địa chỉ)no△△ (tên)desu.」

(Hỏa hoạn.Tôi tên là〇〇địa chỉ△△)

「〇〇(địa chỉ)no(tên) △△desuga、Tonariga kaji desu」

(Tôi tên là〇〇địa chỉ△△,Nhà bên có cháy)

2. Trường hợp cấp cứu bệnh tật, bị thương v.v. (☎119, có thể dùng tiếng Anh)

Trong trường hợp mình đột nhiên bị bệnh hoặc bị thương mà tự mình không thể đi bệnh viện, bạn có thể gọi xe cấp cứu số 119. Dịch vụ này không mất tiền nhưng tốn tiền viện phí tại bệnh viện. Tuy nhiên, tùy theo bệnh trạng, địa điểm, thời gian, bạn sẽ được xe cấp cứu đưa đến bệnh viện thích hợp, Bạn không thể tự chỉ định nơi đi đến được.

Ngoài ra nếu khi bạn lỡ uống nhầm thuốc, đồ độc hại, thì bạn hãy mang theo hộp thuốc hay giấy hướng dẫn thuốc mà bạn đã lỡ uống nhầm đến bệnh viện ngay, hoặc gọi xe cấp cứu . Hoặc bạn có thể gọi số <119> để hỏi cách xử lý sau khi uống nhầm thuốc

(Hướng dẫn cách gọi xe cấp cứu cho người nước ngoài)

<https://www.fdma.go.jp/publication/portal/post1.html>

Ví dụ cách nói trong tiếng Nhật

「Kyukyusha wo onegaishimasu. 〇〇(địa chỉ)no△△ (tên)desu.」

(Xin cho xe cấp cứu đến ngay.Tôi tên là△△, địa chỉ〇〇)

「〇〇(địa chỉ)no△△(tên)desuga、□□wo kega shimashita」

(Tôi tên là△△, địa chỉ〇〇Tôi bị thương ở □□.)

「〇〇(địa chỉ)no△△(tên)desu、□□ga itakute ugokeimasen」

(Tôi tên là△△, địa chỉ〇〇.Tôi bị đau ở □□, không cử động được.)

「〇〇(địa chỉ)no△△ (tên)desuga、Chi ga deteimasu」

(Tôi tên là△△, địa chỉ〇〇.Tôi đang bị chảy máu.)

3. Khi bị kẻ gian làm hại : (☎110,có thể dùng tiếng Anh)

Khi bị làm hại hay phát hiện người khác phạm tội, bạn hãy liên lạc gấp tới số 110 để báo cảnh sát. Khi bị kẻ gian đột nhập vào nhà, văn phòng, cứ để nguyên hiện trường và báo ngay cho cảnh sát qua số 110.

Ví dụ cách nói trong tiếng Nhật

「*Tasukete kudasai* 」（Cứu tôi với）

「*Dorobou desu* 」（Có trộm）

「*Surini ai mashita* 」（Tôi bị móc túi）

「*Nagurare mashita* 」（Tôi bị hành hung）

Ở Nhật có luật quy chế hành vi quấy rối, nhằm để chống các hành vi bám đuôi theo dõi, rình mò, đòi gặp mặt đòi quan hệ, chửi và đánh đập, gọi điện thoại nặc danh v.v... Khi bạn bị những trường hợp trên hãy xin tư vấn đến cảnh sát.

Số điện thoại cảnh sát Osaka 110 về hành vi quấy rối : ☎06-6937-2110

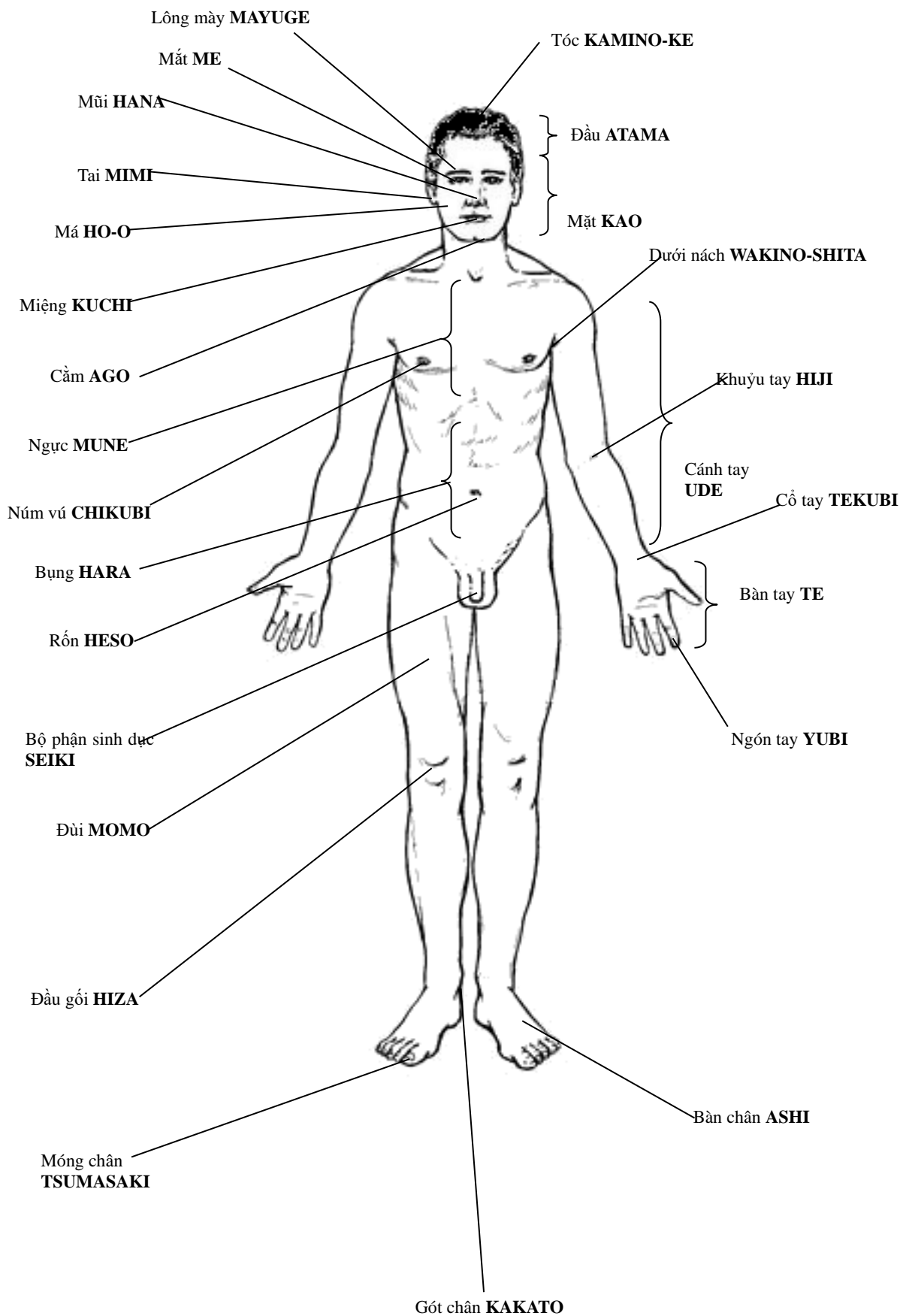
Ngoài ra Pháp luật cũng cấm các hành vi bạo lực vợ hay chồng và người yêu. Tại trung tâm tư vấn phụ nữ Osaka có tiến hành các biện pháp bảo vệ người bị hại trong một thời gian và tư vấn khuyên nhủ để tránh việc bạo hành.

Số điện thoại của Trung tâm tư vấn phụ nữ Phủ Osaka : ☎06-6949-6181

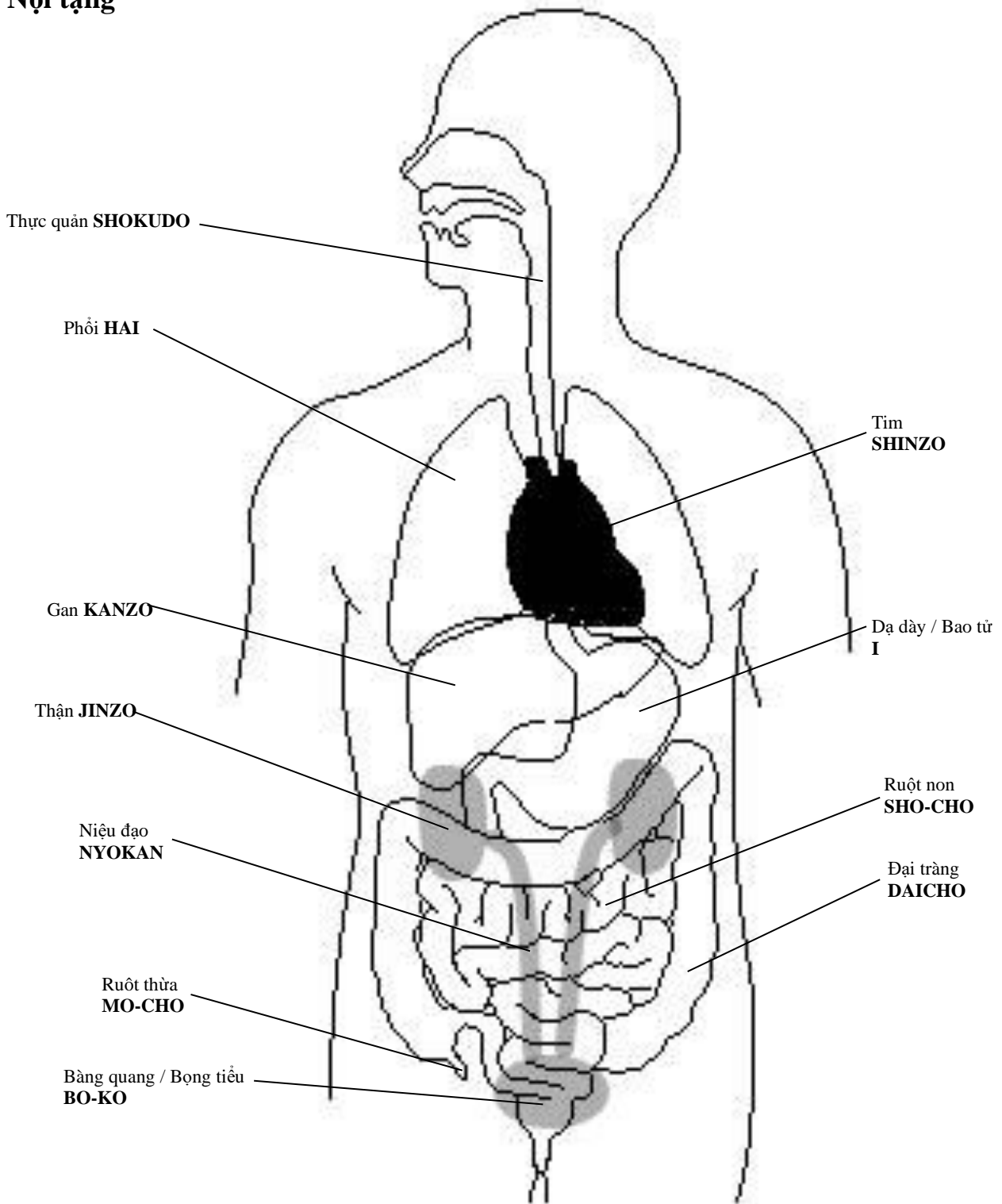
4. Về việc điện thoại thông báo

Bạn có thể dùng điện thoại công cộng gọi miễn phí cho cảnh sát số 110 và cấp cứu số 119. Cách gọi như sau : Nhắc ống nghe, bấm nút màu đỏ trên thân máy (có một số máy "không gọi được" hoặc "cách sử dụng khác") . Ngoài ra, từ điện thoại di động cũng gọi được, bạn hãy bấm gọi số 119 hay 110 và phải thông báo địa chỉ bạn đang ở và số điện thoại di động của bạn.

5. Các bộ phận cơ thể



Nội tạng



[Return to Top](#)

I -3 Phòng chống thiên tai

1. Bão

Hằng năm trong khoảng từ tháng 7 đến tháng 10, thường có những trận mưa gió lớn.

Những trường hợp có thể bị thiệt hại :

- Trường hợp gió thổi cuốn theo các vật gây ra thương tích cho người.
- Mưa làm sạt lở đất và lũ lụt.
- Thấm dột mái nhà.
- Cúp điện.
- Những nhà sử dụng máy bơm nước bằng điện nước sẽ không chảy ra được.

Qua tin tức khí tượng có thể dự đoán được cơn bão sắp xảy đến, do đó hãy chú ý theo dõi tin tức dự báo thời tiết.

Trang bị cho trời bão :

- Radio, TV, Internet thường xuyên thông báo tin về khí tượng, hãy cập nhật thông tin khi nào bão đổ bộ và đổ bộ ở đâu.
- Khi mưa gió lớn không nên đi ra ngoài.
- Chuẩn bị những đồ cần thiết như nước uống, thức ăn khô, đèn pin, radio cầm tay v.v.. bỏ sẵn vào túi.
- Bạn nên biết trước nơi lánh nạn gần nhất chỗ mình ở.

2. Động đất

Nhật Bản là nước có nhiều động đất. Khi xảy ra động đất mặt đất rung chuyển có thể gây ra rơi đồ đồ đạc, hư hại nhà cửa. Ngoài ra tùy trường hợp có thể có sóng thần.

Khi xảy ra động đất

- ① Khi ở trong nhà :
 - Tránh các đồ rơi xuống bằng cách chui xuống bàn hay các dụng cụ trong nhà để bảo vệ mình.
 - Khi độ rung chuyển giảm thì tắt toàn bộ lửa (gas, máy sưởi), hãy đóng van gas.
 - Mở cửa để đảm bảo có lối thoát ra ngoài.
 - Không được sử dụng thang máy.
- ② Khi ở bên ngoài : bảo vệ đầu khỏi những vật từ trên rơi xuống, không đứng dưới những nơi như dưới mái hiên nhà, cạnh hàng rào v.v... Lánh nạn tới nơi an toàn rộng rãi không có tòa nhà như: quảng trường.
- ③ Khi đang lái xe hơi: Không được hoảng loạn, hãy bình tĩnh cho xe đậu một cách an toàn vào lề đường. Và chú ý là sau khi hết rung lắc lần thứ nhất thì vẫn có thể còn dư chấn.

Phòng bị ngày thường

- Hãy buộc hoặc dùng những dụng cụ chống đỡ võ cho những đồ vật trong nhà, như giá sách v.v...
- Không để bình hoa hay những đồ dễ vỡ trên đầu khi ngủ.
- Hãy chuẩn bị túi chứa các đồ dùng khi khẩn cấp như nước uống, thức ăn khô, đèn pin, radio cầm tay v.v...

3. Phương tiện nắm bắt thông tin dự báo thiên tai

Đài FM COCOLO	76.5 MHz
Đài phát thanh NHK 2	828 KHz
Đài radio NHK 1	666 KHz
Đài truyền hình tổng hợp NHK	Kênh 1

Kênh tin tức thế giới đài NHK (BS1, BS premium)
 Internet
 NHK thế giới
<https://www3nhkor.jp/nhkworld/indexhtml>
 Mạng lưới phòng chống thiên tai Osaka
<https://www.osaka-bousai.net/pref/indexhtml>

4. Nơi lánh nạn

Nơi lánh nạn là chỗ để tránh nạn khi có tai họa. Hãy tìm hiểu để biết trước về nơi lánh nạn mình đang ở.

Chỗ lánh nạn khu vực của bạn là:.....

5. Danh sách đồ dùng mang theo khi khẩn cấp

Loại	Kiểm tra	Tên đồ dùng	Loại	Kiểm tra	Tên đồ dùng
Thực phẩm		Nước uống	Loại khác		Đèn pin
		Bánh mì khô, thức ăn dự phòng (đồ hộp, bánh mì khô, v.v..)			Radio di động
Đồ dụng sinh hoạt		Bao tay bảo hộ			Pin
		Khăn			Nến / Bật lửa (hộp quẹt)
		Bịch nylon			Dao đa năng
Đồ quý giá		Giấy vệ sinh / Khăn giấy ướt			Mũ (nón) bảo hiểm (khăn đội đầu Bosai Zukin)
		Tiền mặt (tiền xu)			Toilet (nhà vệ sinh) dã chiến
		Điện thoại di động			Dầu gội không cần dùng nước
		Sổ ngân hàng / con dấu			Giày
		Thẻ bảo hiểm y tế / Bằng lái xe/ thẻ mã số cá nhân			Hộp cứu thương / thuốc dự trữ
		Hộ chiếu			Bút, giấy viết
	Thẻ lưu trú (Zai-ryu Ka-do)			Quần áo / Đồ lót	

[Return to Top](#)

II Sức khỏe và y tế

II-1 Khám chữa bệnh (Sử dụng các cơ sở y tế)

1. Khám chữa bệnh ở Nhật Bản

Trình độ y học của Nhật Bản rất cao, tuy nhiên bác sĩ không giải thích về phương pháp trị liệu và thuốc. Nếu bạn cảm thấy cần thiết phải hỏi, xin cứ yêu cầu để được bác sĩ giải thích tường tận. Hơn nữa, thời gian khám bệnh cũng thường rất ngắn.

Chúng ta có thể hẹn trước với bác sĩ khi đi khám nha khoa, tuy nhiên khi đến các bệnh viện các bạn phải tuân theo thứ tự trước sau. Thời gian phải chờ để đến lượt khám có thể rất lâu. So với các nước, thuốc giảm đau không được sử dụng nhiều.

2. Các cơ quan khám / chữa bệnh

Khám bệnh, Nơi được (bác sĩ khám)

- Có những loại Phòng khám như : bệnh viện, y viện, phòng khám.
- Bệnh viện : là một tòa nhà to có thể nhập viện và có trang bị (kiểm tra cơ thể chi tiết)
- Y viện : trường hợp không biết bệnh gì hoặc triệu chứng nhẹ, đầu tiên bạn nên đến các phòng khám như trên để được khám bệnh và điều trị.

Thời gian khám chữa bệnh

- Có những bệnh viện chỉ nhận khám bệnh vào buổi sáng.
- Có những phòng khám nhận khám bệnh cả sáng và chiều, tuy nhiên cũng có khi nghỉ buổi chiều vào ngày nào đó trong tuần vào ngày thường.

Ngôn ngữ sử dụng

- Hầu như các Y bác sĩ có thể hiểu được ít nhiều tiếng Anh.
- Những phiếu chẩn đoán bệnh: (những câu hỏi về bệnh của bạn) thường được ghi bằng tiếng Nhật. Nếu bạn không hiểu tiếng Nhật, bạn có thể dùng những phiếu chẩn đoán bệnh bằng ngôn ngữ tiếng nước ngoài.

Phiếu chẩn đoán đa ngôn ngữ (được viết bằng nhiều ngôn ngữ) <https://www.kifjp.org/medical/>
(Tổ chức giao lưu quốc tế Hearty Konandai, Hiệp hội giao lưu quốc tế Kanagawa)

- Thông dịch viên : Hãy đi cùng người biết (tiếng nhật và người hiểu được ngôn ngữ của bạn)

Trình tự khám bệnh

- ① Tiếp nhận: Mang theo thẻ bảo hiểm đến quầy tiếp nhận. Lúc này xin điền vào phiếu chẩn đoán về triệu chứng bệnh, tiền sử bệnh .
- ② Chờ: Ngồi ở (phòng chờ) đợi đến khi được gọi tên.
- ③ Khám bệnh: bạn sẽ được khám bệnh ở (phòng khám), bạn sẽ được kiểm tra cơ thể hoặc tiêm chích khi cần thiết.
- ④ Thanh toán chi phí: Nhận thuốc và chờ để thanh toán chi phí. Nếu bạn nhận toa thuốc từ bệnh viện thì bạn có thể mang đi đưa toa thuốc cho các nhà thuốc, sau đó ngồi đợi gọi tên lấy thuốc rồi trả tiền.

3. Nhập viện

Bệnh viện ở Nhật chia làm nhiều dạng phòng, phòng riêng, phòng 2 giường, phòng chung (có khoảng từ 4 đến 6 người). Phòng riêng và phòng 2 giường thì chi phí bảo hiểm không chi trả được, bạn phải tự chi trả.

Thời gian nhập viện thường kéo dài cho đến khi chữa hết bệnh

Trong những bệnh viện lớn thường có chế độ chăm sóc toàn phần do y tá phụ trách, nếu không

phải là bệnh viện lớn thì có thể yêu cầu người thân theo chăm sóc. Trong những trường hợp như vậy bảo hiểm sẽ thanh toán các chi phí.

4. Bệnh viện có thể sử dụng được tiếng nước ngoài

Xin tham khảo thêm thông tin trên mạng của phủ Osaka ‘Hệ thống thông tin các cơ quan điều trị ở Phủ Osaka’ để biết cụ thể những nơi khám chữa bệnh có thể sử dụng tiếng nước ngoài. Ngoài ra bạn có thể liên hệ đến Trung Tâm Thông Tin Người Nước Ngoài hoặc Trung Tâm Thông Tin Y Tế Quốc Tế AMDA để được hỗ trợ. (Xem phụ lục IX-2)

Hệ thống thông tin các cơ sở y tế Phủ Osaka

[URL https://www.mfis.pref.osaka.jp/apqq/qq/men/pwtpmenult01.aspx](https://www.mfis.pref.osaka.jp/apqq/qq/men/pwtpmenult01.aspx)

5. Khi bị bệnh / bị thương vào ban đêm / ngày nghỉ.

Khi bị bệnh, bị thương vào ban đêm hoặc ngày nghỉ, bạn có thể đến trạm cấp cứu gần nơi ở nhất. Tuy nhiên có khả năng nơi ấy không hiểu được ngôn ngữ của bạn, bạn cần phải đi cùng với người biết tiếng Nhật. Chú ý là ngoài những ngày giờ quy định bạn cũng sẽ không sử dụng được những cơ sở này. (Xem phụ lục IX-3)

6. Thuốc

Thuốc thì được phân chia làm hai loại chủ yếu. Loại thứ nhất là thuốc kê đơn được dược sĩ bốc thuốc theo đơn thuốc của bác sĩ bệnh viện hoặc phòng khám. Loại thứ hai là thuốc không kê đơn có thể mua ở các nhà thuốc, cửa hàng thuốc. Thuốc được phân chia theo chủng loại quy định.

Ngoài ra, gần đây còn có loại thuốc Generic (thuốc tương đương thuốc gốc). Thuốc generi là thuốc được bào chế và bán ra sau khi hết thời hạn bảo hộ phát minh của thuốc gốc. Thuốc generic có cùng hiệu quả và độ an toàn tương tự như thuốc gốc và được cơ quan chức năng cho phép lưu hành và kê đơn thuốc. Giá cả của thuốc generic cũng rẻ hơn thuốc gốc.

Bạn cũng có thể tìm kiếm hiệu thuốc gần nhất trên mạng.

⇒ Hệ thống tìm kiếm hiệu thuốc có thể dùng thẻ bảo hiểm (Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Nhật Bản) [URL https://kensaku.okiss.jp/Pc/](https://kensaku.okiss.jp/Pc/)

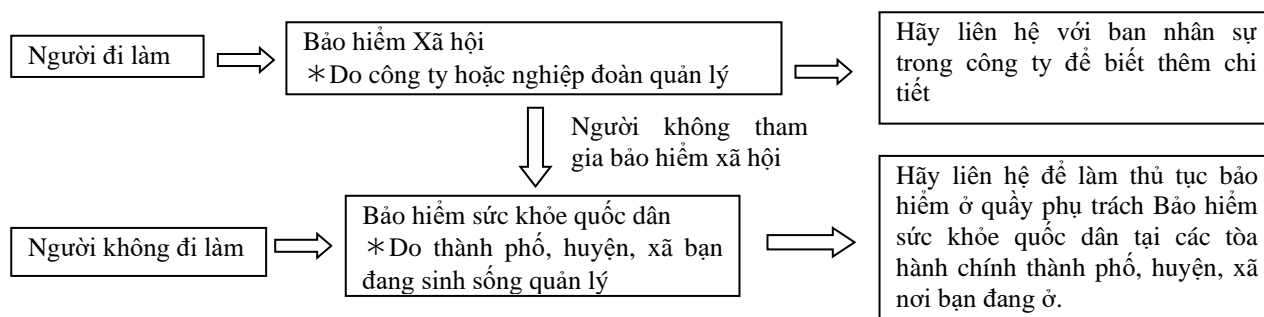
[Return to Top](#)

II-2 Bảo hiểm y tế

(Bảo hiểm sức khỏe quốc dân. Bảo hiểm chăm sóc người già)

1. Bảo hiểm khám chữa bệnh ở Nhật

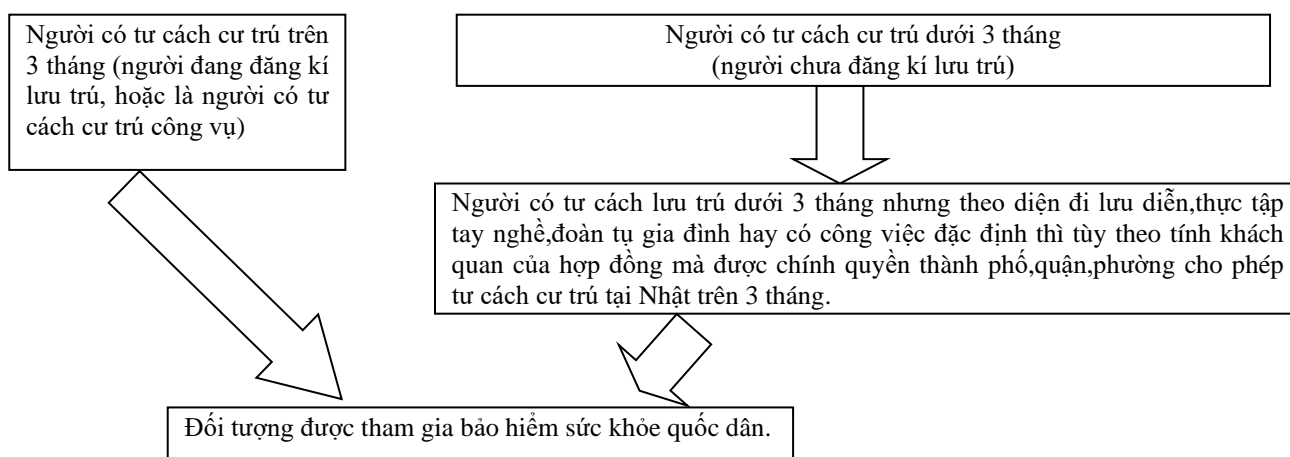
Bảo hiểm khám chữa bệnh ở Nhật được chia thành 2 loại. Pháp luật quy định rõ người dân phải tham gia một trong hai loại bảo hiểm này. Ở Nhật Bản chi phí khám chữa bệnh khá đắt, nhưng tham gia bảo hiểm, chi phí khám chữa bệnh sẽ được bảo hiểm chi trả phần lớn. Người nước ngoài đang đăng ký lưu trú nếu có tư cách cư trú trên 3 tháng có thể tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân.



Người trên 75 tuổi sẽ tham gia “Bảo hiểm cho người cao tuổi” (Tham khảo chi tiết tại mục 3. phần chế độ bảo hiểm cho người cao tuổi)

2. Bảo hiểm sức khỏe quốc dân

Dành cho đối tượng thuộc diện bảo hiểm sức khỏe quốc dân. *



Những trường hợp không nằm trong đối tượng:

- * Công dân các nước có hiệp định bảo đảm xã hội bao gồm bảo hiểm y tế với Nhật Bản và có mang giấy chứng nhận do chính phủ nhà nước đó cấp.
- * Người có tư cách cư trú theo diện công việc đặc định, người cư trú với mục đích chăm sóc cho người khám chữa bệnh.
- * Người có tư cách cư trú theo diện cư trú ngắn hạn hay ngoại giao.

(1) Thủ tục gia nhập

- Thời điểm gia nhập: Khi nhập cảnh, khi chuyển đến nơi khác, lúc sinh con, lúc ngưng không tham gia bảo hiểm xã hội nữa.
- Những giấy tờ cần thiết: Thẻ cư trú (trường hợp chưa đăng ký lưu trú thì cần có giấy tờ chứng nhận được cư trú trên 3 tháng)

(2) Những đãi ngộ dành cho người gia nhập (Những dịch vụ được nhận)

Về số tiền nhận được và cách làm thủ tục xin liên hệ chi tiết ở quầy phụ trách tại tòa hành chính thành phố, huyện, xã. (Phụ lục IX-1)

- Chi phí y tế mà cá nhân phải chịu: Người tham gia bảo hiểm chỉ chịu 30% chi phí y tế (người học theo giáo dục bắt buộc (đến hết lớp 9) 20%, người trên 70 tuổi và dưới 74 tuổi chịu 20%, (người sinh trước ngày 1 tháng 4 năm 1944 được trợ cấp đặc biệt của nhà nước sẽ chịu 10%, người có thu nhập trên mức qui định chịu 30%). Tiền ăn phát sinh khi nhập viện phải tự chi trả. Và có trường hợp phải chi trả riêng các chi phí khác không thuộc phạm vi bảo hiểm như chi phí chênh lệch khi nằm phòng bệnh riêng, v.v..
- Phí y tế cao: Trường hợp 1 người phải trả chi phí y tế cao hơn mức qui định bảo hiểm khi điều trị ở cùng cơ quan y tế trong một tháng thì phần vượt mức qui định đó sẽ được trả lại sau.
- Phí chu cấp sinh con và nuôi con: Người tham gia bảo hiểm khi sinh con sẽ được chi trả 1 phần chi phí qua bảo hiểm cho chủ hộ.
- Phí tang chế: Khi người tham gia bảo hiểm đã tử vong, một phần chi phí tang chế sẽ được chi cấp cho thân nhân.
- Những bệnh tật đặc biệt: Có chế độ hỗ trợ y tế cho những trường hợp có bệnh tật đặc biệt.

(3) Phí bảo hiểm (thuế)

Phí bảo hiểm không qui định một mức chung cho tất cả mọi người mà căn cứ vào thành phần gia đình, mức thu nhập trong năm trước của từng cá nhân. Thành phố, huyện, xã sẽ thông báo mức phí bảo hiểm. Vui lòng liên hệ với ủy ban hành chính thành phố, huyện, xã để biết thêm chi tiết. (Phụ lục IX-1)

Phí bảo hiểm được chi trả nhiều lần trong năm. Giấy báo nộp phí sẽ được gửi đến từng người qua đường bưu điện. Xin chi trả ở các quầy phụ trách hoặc ở các ngân hàng hay bưu điện, cửa hàng tiện lợi 24 giờ gần nhất. Bạn cũng có thể chi trả bằng chuyển tiền tự động từ tài khoản ngân hàng hoặc bưu điện của bạn. Chi tiết xin liên hệ đến các quầy phụ trách.

Ngoài ra đối với những hộ gia đình có bảo hiểm sức khỏe quốc dân đều trên 65 tuổi, chủ hộ có lương hưu trên 15.000 yên/ tháng và tổng cộng chi phí bảo hiểm quốc dân và chi phí bảo hiểm chăm sóc không quá nửa lương hưu, theo nguyên tắc phí bảo hiểm sẽ được khấu trừ từ lương hưu.

Khi bạn bị tai nạn dẫn đến thất nghiệp và không thể chi trả được phí bảo hiểm thì sẽ có thể miễn giảm phí bảo hiểm (chi trả 1 phần hoặc được miễn trừ). Xin liên hệ đến các tòa hành chính thành phố, huyện, xã để biết thêm chi tiết.

Khi bị tai nạn giao thông hoặc bị người khác gây thương tích, về nguyên tắc người gây tai nạn sẽ phải trả những chi phí này, tuy nhiên bạn làm đơn xin thì có thể nhận sự chăm sóc do bảo hiểm sức khỏe quốc dân chi trả. Sau đó bên bảo hiểm có thể yêu cầu người gây tai nạn thanh toán những phí tổn này. Vì vậy bạn cần phải tư vấn trước tại quầy phụ trách của tòa hành chính thành phố, huyện, xã trước khi bạn được người gây tai nạn bồi thường trực tiếp. (Tham khảo phụ lục IX-1)

Từ tháng 4 năm 2018, Phủ Osaka sẽ tiếp quản điều hành dịch vụ Bảo hiểm y tế quốc dân cùng với các Ủy ban thành phố, huyện, xã; nên các mức phí bảo hiểm, mức giảm trừ phí bảo hiểm đã có khác nhau tùy theo thành phố, huyện, xã sẽ được thống nhất theo mức chung của Phủ Osaka. Tuy nhiên, cần lộ trình 6 năm để hoàn thiện việc thống nhất hệ thống, nên trong thời gian này có thể phát sinh mức phí khác biệt tùy theo từng trường hợp bảo hiểm. Chi tiết vui lòng liên hệ Ủy ban thành phố, huyện, xã nơi cư trú.

3. Chế độ y tế dành cho người cao tuổi

Tại Nhật Bản người trên 75 tuổi sẽ được tự động chuyển từ chế độ bảo hiểm sang chế độ y tế dành cho người cao tuổi. Người nước ngoài có tư cách cư trú trên 3 tháng và có đăng ký lưu trú cũng tự động được hưởng chế độ này. Ngoài ra, trong trường hợp chưa đăng ký lưu trú, nếu được cho phép tư cách cư trú trên 3 tháng thì vẫn nằm trong đối tượng hưởng chế độ. (Nếu chưa đăng ký lưu trú thì tự động sẽ không được hưởng chế độ. Vì vậy, nên đến hỏi những phòng tư vấn về chế độ y tế dành cho người cao tuổi. Người thuộc đối tượng hưởng chế độ y tế dành cho người cao tuổi giống với chế độ bảo hiểm sức khỏe quốc dân. Chi tiết xin xem mục 2 bảo hiểm sức khỏe quốc dân)

(1) Thủ tục gia nhập

- Không cần bất kỳ thủ tục nào, trước sinh nhật năm 75 tuổi 1 tháng thẻ bảo hiểm sẽ được cơ quan quản lý gửi đến người đó.
- Người trên 65 tuổi và dưới 74 tuổi nếu được công nhận một thương tật nào đó cũng có thể làm đơn xin được hưởng chế độ y tế này. Xin liên hệ với ban phụ trách về chế độ chăm sóc y tế cho người cao tuổi ở thành phố, huyện, xã nơi bạn cư trú để biết thêm chi tiết.

(2) Những đãi ngộ dành cho người gia nhập (Những dịch vụ được nhận)

- Chi phí y tế cá nhân phải chịu
Chỉ phải trả 10% phí (những người có thu nhập cao hơn mức qui định sẽ phải trả 30% phí) khi khám chữa bệnh. (Những chi phí phụ phát sinh khi nhập viện có thể không được tính vào chi phí bảo hiểm chi trả).
- Chi phí y tế cao
Trường hợp phải trả chi phí điều trị cao trong 1 tháng, nếu làm đơn xin thì được trả lại phần chi phí vượt trội của cá nhân.
- Phí tang chế
Được chi trả phí tang chế khi tử vong.
- Chế độ hỗ trợ chi phí.
Có chế độ hỗ trợ cho những trường hợp có bệnh tật đặc biệt. (Ví dụ như giảm chi phí điều trị)

Thủ tục xin chi phí tang chế hoặc trợ cấp cho trường hợp bệnh tật đặc biệt xin liên hệ với các ban phụ trách về y tế cho người cao tuổi của thành phố, huyện, xã.

(3) Phí bảo hiểm

Tùy theo tình, phủ sẽ tính chi phí bảo hiểm. Phí bảo hiểm này khác nhau do căn cứ vào thành phần gia đình, mức thu nhập trong năm trước của từng cá nhân. Phí bảo hiểm được khấu trừ trực tiếp từ lương hưu trí nếu người tham gia bảo hiểm có lương hưu cao hơn 15,000 yên/ tháng và tổng cộng phí chế độ này và phí bảo hiểm chăm sóc không vượt quá nửa lương hưu. Ngoài đối tượng này, giấy thông báo chi trả bảo hiểm sẽ được gửi đến cho đương sự qua đường bưu điện. Hãy chi trả tại quầy phụ trách hoặc ngân hàng, hay bưu điện gần nhất.

Khi bạn bị thiệt hại do thiên tai dẫn đến thất nghiệp và tạm thời không thể chi trả được phí bảo hiểm, sẽ có chế độ tương ứng miễn giảm (chỉ trả 1 phần hoặc được miễn trừ). Xin liên hệ đến các cơ quan hành chính địa phương để biết thêm chi tiết. (Phụ lục IX-1)

4. Bảo hiểm chăm sóc

Ở Nhật, những bệnh lý do tuổi già cần được chăm sóc v.v... có thể được hưởng các dịch vụ cần thiết của bảo hiểm chăm sóc của thành phố, huyện, xã.

(1) Tư cách tham gia:

Người trên 65 tuổi sống ở Nhật Bản (nhóm được bảo hiểm thứ 1) và những người từ 40 đến 64 tuổi có tham gia bảo hiểm y tế công (nhóm được bảo hiểm thứ 2) đều được tham gia bảo hiểm chăm sóc (gọi là người được bảo hiểm). Người nước ngoài cư trú tại Nhật trên 3 tháng, có địa chỉ tại Nhật

cũng được tham gia bảo hiểm chăm sóc. (Trường hợp người có kì hạn cư trú dưới 3 tháng nhưng được cho phép cư trú thêm trên 3 tháng vẫn được bảo hiểm).

(2) Những người được hưởng dịch vụ

- “Những người trên 65 tuổi (nhóm được bảo hiểm thứ 1)”
 - Người được tòa hành chính thành phố, quận, huyện, xã công nhận đang tình trạng cần được chăm sóc thường xuyên (trạng thái cần chăm sóc) vì nằm liệt giường, giảm trí nhớ v.v...
 - Người không cần chăm sóc thường xuyên nhưng được tòa hành chính thành phố, quận, huyện, xã công nhận có khó khăn trong sinh hoạt hằng ngày. (trạng thái cần hỗ trợ)
- “Những người trong độ tuổi từ 40 đến 64 có tham gia bảo hiểm y tế (nhóm được bảo hiểm thứ 2)” và được tòa hành chính thành phố, quận, huyện, xã công nhận đang trong tình trạng cần chăm sóc hoặc cần hỗ trợ do bị bệnh trong 16 loại bệnh do cao tuổi như bệnh giảm trí nhớ trước khi cao tuổi, có bệnh ở mạch máu não v.v...

(3) Những dịch vụ được hưởng.

- Dịch vụ tại nhà : (Gồm cả những dịch vụ dự phòng dành cho người “cần hỗ trợ”)
 - Chăm sóc ghé thăm (Home help service): nhân viên chăm sóc sẽ ghé thăm nhà để giúp đỡ và chăm sóc thân thể.
 - Chăm sóc ghé thăm của y tá: y tá sẽ ghé thăm, xác nhận chương trình điều dưỡng và hướng dẫn, hỗ trợ khám bệnh.
 - Chăm sóc ban ngày (Day Service): được chăm sóc như tắm, ăn uống và rèn luyện chức năng tại trung tâm Day Service, sáng đến chiều về.
 - Đến ở để được chăm sóc trong thời gian ngắn. (Short stay)
 - Chăm sóc cho những người sống ở cơ sở đặc biệt v.v..
- Cơ sở dịch vụ:
 - Cơ sở phúc lợi chăm sóc người cao tuổi (Nhà chăm sóc đặc biệt dành cho người già): cơ sở dành cho những người già (người cần chăm sóc từ mức độ 3 trở lên) cần chăm sóc như: không thể sinh hoạt tại nhà thường xuyên đến sống và được chăm sóc cho các sinh hoạt hằng ngày, rèn luyện chức năng, được sự chăm sóc của y tá v.v...
 - Cơ sở chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi: Cơ sở dành cho những người già cần rèn luyện chức năng và chăm sóc với mục đích người đó có thể khôi phục trở lại sinh hoạt bình thường ở nhà của mình.
 - Cơ sở chăm sóc và điều trị lâu dài: Cơ sở tiếp nhận những người cần chăm sóc lâu dài để chăm sóc và rèn luyện chức năng.
 - Bệnh viện chăm sóc sức khỏe: Cơ sở chăm sóc sức khỏe và sinh hoạt hằng ngày dành cho người cao tuổi cần chăm sóc sức khỏe và điều trị y khoa lâu dài.
- ※ Những người thuộc diện “cần giúp đỡ” không thể sử dụng những cơ sở kể trên.
- Dịch vụ tại địa phương (Bao gồm dịch vụ đề phòng cho những người thuộc diện “cần giúp đỡ”)

(4) Cách đóng phí bảo hiểm

- Đối với người trên 65 tuổi (người được bảo hiểm nhóm thứ 1)
 - Những người lãnh tiền trợ cấp hưu trí / trợ cấp người già trên 15.000 yên/ tháng thì bị trừ từ tiền trợ cấp, những người thuộc diện khác thì đóng trực tiếp cho tòa hành chính thành phố, quận, huyện, xã qua hình thức chuyển khoản ngân hàng.
- Đối với những người từ 40 tới 64 tuổi có tham gia bảo hiểm y tế công (người được bảo hiểm nhóm thứ 2)
 - Tính cộng gộp tiền bảo hiểm y tế tham gia và đóng luôn một lần

(5) Chi trả phí sử dụng

- Khi sử dụng dịch vụ từ bảo hiểm chăm sóc, về nguyên tắc người sử dụng dịch vụ phải trả 10% hoặc là 20% (khác nhau tùy theo mức thu nhập) tổng chi phí. Trường hợp ở chăm sóc tại các cơ sở chăm sóc phải tự trả thêm tiền nhà và tiền ăn v.v...
- Chi phí mỗi tháng được giới hạn mức phí cao nhất phải đóng để giảm mức phí phải chi trả hàng tháng. Đặc biệt đối với người có thu nhập thấp thì mức phí cao nhất sẽ được giới hạn thấp xuống để không gặp khó khăn khi thanh toán, và tiền ăn, tiền nhà cũng đóng thấp hơn. Nếu phí mình phải trả với mức cao nhất, để không gặp khó khăn về phí phải trả thì trường hợp phí vượt quá mức nhất định, số tiền vượt quá đó sẽ được trả lại (chi trả tiền dịch vụ chăm sóc đắt tiền).

(6) Quay tư vấn cho bảo hiểm chăm sóc người cao tuổi tại thành phố, quận, huyện, xã

Xin liên hệ đến quay tư vấn bảo hiểm chăm sóc người cao tuổi ở các tòa hành chính thành phố, quận, huyện, xã nơi đang sinh sống để biết thêm chi tiết. (Phụ lục IX-1)

[Return to Top](#)

II-3 Quản lý sức khỏe

Ở Nhật Bản, các cơ quan hành chính, xí nghiệp tiến hành khám sức khỏe định kỳ để phòng ngừa bệnh, và phát hiện bệnh sớm. Phần lớn tiền khám là miễn phí, hoặc chi phí thấp. Việc phòng ngừa bệnh và phát hiện bệnh sớm cũng có lợi về chi phí, bạn nên tích cực đi khám nhé.

1. Sở y tế

Đề duy trì và phát triển sức khỏe cho mọi người, sở y tế tiến hành dịch vụ mở rộng và chuyên môn. Xin liên lạc để biết thêm chi tiết vì các sở y tế có lịch trình kiểm tra khác nhau. (Phụ lục IX-3)

- Kiểm tra các bệnh truyền nhiễm, v.v.. (HIV, bệnh về tình dục, bệnh lao, viêm gan v.v..)
- Tư vấn và hỗ trợ chăm sóc sức khỏe mẹ con
- Tư vấn và hỗ trợ các bệnh nan y
- Tư vấn những vấn đề tâm lý

2. Các trung tâm Y tế của thành phố / huyện / xã

Có cung cấp dịch vụ chẩn đoán cho người dân như : điều trị bệnh cho trẻ sơ sinh, tiêm ngừa, kiểm tra bệnh ung thư, các chứng bệnh ở người lớn v.v... Kiểm tra và chẩn đoán được tiến hành tại các trung tâm y tế hoặc cơ quan y tế. Tuy nhiên có sự khác nhau tùy thành phố, huyện, xã nên muốn biết thêm chi tiết , xin liên hệ đến các trung tâm. (Phụ lục IX-3)

[Return to Top](#)

III Sinh hoạt và nơi cư trú

III-1 Tìm nhà ở

1. Nộp đơn xin thuê nhà do phủ Osaka quản lý

Mỗi năm có thông báo nhận đơn xin thuê nhà tập thể vài lần cho người dân, nhà thuộc diện phủ Osaka quản lý. Thông tin mỗi đợt nhận đơn sẽ được in chi tiết trong tờ rơi phân phát rộng rãi tại các tòa hành chính thành phố, huyện, xã nơi cư trú trong Phủ Osaka, các trung tâm thông tin hướng dẫn cho người dân Osaka, các văn phòng quản lý được chỉ định, và tòa hành chính phủ Osaka v.v... Sau khi bóc thăm, người đủ điều kiện quy định sẽ được chọn cho thuê nhà. Nếu người nước ngoài hội đủ các điều kiện sau thì cũng có thể nộp đơn đăng ký thuê nhà:

- ① Phù hợp tiêu chuẩn về mức thu nhập
- ② Hiện tại đang khó khăn về nhà ở
- ③ Bản thân người làm đơn đang sống hoặc làm việc trong Phủ Osaka (hoặc có dự định sẽ làm việc tại Osaka)
- ④ Đang làm thủ tục đăng ký cư trú

Liên hệ Phòng dịch vụ nhà ở công Phủ Osaka

URL https://www.pref.osaka.lg.jp/s_jutakukeiei/

2. Các nhà ở công khác

Nhà ở của thành phố	Nhà ở do thành phố cung cấp cho gia đình mức thu nhập thấp dưới mức tiêu chuẩn.
Nhà ở cho thuê công cộng đặc biệt của phủ Osaka	Nhà ở do phủ Osaka trực tiếp cung cấp cho những người thu nhập trung bình. URL https://www.pref.osaka.lg.jp/jutaku_kikaku/boshujigyo/index.html
Tổng công ty công cho thuê nhà ở phủ Osaka	Nhà ở do công ty công lập cung cấp nhà ở phủ Osaka trực tiếp cho những người thu nhập trung bình. ☎06-6203-5454
Nhà ở UR	Nhà cho thuê dành cho những người thu nhập trung bình cho tổ chức (UR) đô thị quản lý xây dựng. ☎06-6968-1717

3. Tìm nhà cho thuê (tư nhân)

Trong trường hợp tìm nhà cho thuê, phải làm rõ các điều kiện về giá nhà, tiền đặt cọc, khu vực, diện tích nhà v.v... Có thể nhờ công ty bất động sản (công ty giới thiệu nhà thuê và nhà tập thể) tại khu vực đó giới thiệu nhà cho thuê. Bạn nói cho nhân viên biết muốn thuê nhà như thế nào và cũng nên biết đại khái giá thuê nhà trên thị trường. Có thể tìm nhà qua các tạp chí giới thiệu thuê nhà ở. Có thể tham khảo thông tin quảng cáo tại các trang website tiếng nước ngoài dành cho người nước ngoài về thông tin tuyển dụng và bất động sản v.v...

Sau khi quyết định chỗ thuê thì làm hợp đồng thuê tại công ty bất động sản (hợp đồng để thuê nhà tập thể v.v...). Trong hợp đồng thuê có ghi giá cho thuê, tiền công ích, tiền đặt cọc, các mục cần chú ý khi trả nhà, có cho phép nuôi động vật tại nhà hay không, các quy định khác. Cần đọc kỹ những nội dung trước khi ký hợp đồng (đồng ý và ký tên vào hợp đồng). Đặc biệt nên biết rõ thời điểm thông báo việc trả lại nhà (thông báo cho công ty bất động sản), số tiền bị trừ từ tiền đặt cọc và phải biết chi tiết nội dung để tránh rắc rối xảy ra về sau.

Trang web 「Hiệp hội hỗ trợ dịch vụ nhà ở Osaka Anshin Sumai」 cung cấp những thông tin cần thiết trong việc thuê nhà dân ở ngoài.

URL <https://www.osaka-anshin.com>

○ **Những tiền cần thiết khi hợp đồng thuê nhà.**

Tiền nhà	Trả hàng tháng, tháng này phải trả tiền cho tháng sau nên tháng đầu tiên phải trả tiền 2 tháng.
Tiền quản lý (hộ chung cư)	Mỗi tháng phải đóng tiền cho việc sử dụng thiết bị chung, nơi sinh hoạt chung và tiền dọn vệ sinh.
Tiền đặt cọc	Khi làm hợp đồng, người thuê nhà phải trả tiền đặt cọc cho chủ nhà. Tại vùng Kansai, tiền đặt cọc gấp 1-3 lần tiền nhà 1 tháng và khi dọn trả nhà, ít nhiều sẽ không nhận lại đủ số tiền đã đặt cọc trước đó, mà bị trừ từ 30% đến 50 % dùng cho việc sửa chữa lại nhà.
Tiền lễ	Khi làm hợp đồng phải trả tiền lễ cho chủ nhà, nhưng khi dọn nhà thì sẽ không được hoàn trả lại số tiền lễ đó.
Tiền giới thiệu	Tiền trả cho công ty bất động sản.

[Return to Top](#)

III-2 Khi chuyển nhà và về nước

1. Thủ tục tại nơi đang cư trú

Nếu là nhà thuê mượn thì cần phải thanh toán các khoản tiền nước, gas, điện. Gọi điện thoại báo trước tới các công ty về việc chuyển nhà để họ đến thanh toán. Nếu bạn làm thủ tục thông báo chuyển nhà cho bưu điện thì bưu phẩm sẽ được chuyển đến địa chỉ mới không mất tiền trong vòng 1 năm.

Ngoài ra, nếu chuyển nhà đến thành phố, huyện, hoặc xã cùng nơi mình đang ở thì phải đến nộp giấy báo chuyển nhà cho Tòa hành chính thành phố. Trong trường hợp chuyển đến thành phố, huyện, hoặc xã khác thì phải nộp giấy báo chuyển nhà và nhận giấy chứng nhận thay đổi địa chỉ. Ngoài ra còn phải nộp 'giấy báo mất tư cách' liên quan đến bảo hiểm sức khỏe quốc dân để trả lại thẻ bảo hiểm.

2. Khi đến nơi cư trú mới.

Liên hệ với công ty gas và công ty điện. Phải gặp nhân viên của công ty gas để mở van. Về phần điện, thông thường bạn sẽ sử dụng được điện ngay sau khi đóng cầu dao, nếu bắt đầu sử dụng thì cần phải liên hệ ngay với công ty điện. Về phần cấp nước thì có sự khác nhau theo từng nhà cho thuê, bạn nên hỏi chủ nhà.

Ngoài ra phải tiến hành làm thủ tục thay đổi địa chỉ tại Tòa hành chính thành phố nơi cư trú mới của bạn trong vòng 14 ngày từ ngày khi chuyển nhà đến. Đồng thời nếu có gia nhập bảo hiểm sức khỏe quốc dân thì phải làm giấy báo chuyển nhà và phải gia nhập bảo hiểm tại địa chỉ mới.

Nếu có bằng lái xe thì phải làm thủ tục đổi địa chỉ tại sở cảnh sát.

3. Khi về nước

- ① Thanh toán tiền thuê nhà. Ngoài gas, điện, nước. Ngoài ra còn phải thanh toán tiền điện thoại gọi trong nước và quốc tế.
- ② Nếu về nước giữa chừng trong năm, thì phải thanh toán thuế. Về thuế cư trú phải thanh toán tiền thuế trong năm đó tại Tòa hành chính thành phố, huyện, xã. Thuế địa phương được tính dựa trên thu nhập của năm trước, do đó cho dù không có ở Nhật năm đó nhưng vẫn phải đóng thuế.
- ③ Về thuế thu nhập, cần tìm người quản lý cho việc đóng thuế và khai báo thuế cho sở thuế sau đó sẽ nhận lại tiền hoàn trả thuế thu nhập trong thời điểm khai báo thuế. Hoặc tạm khai báo thuế thu nhập và thanh toán toàn bộ tiền thuế thu nhập của phần chưa đóng của năm đó trước khi ra khỏi nước Nhật.
- ④ Hãy nộp giấy báo chuyển địa chỉ ở nước ngoài cho Tòa hành chính thành phố, huyện, xã.
- ⑤ Hãy thanh toán tiền bảo hiểm sức khỏe quốc dân và làm thủ tục chấm dứt bảo hiểm sức khỏe quốc dân trước khi về nước khoảng một tháng tại các tòa hành chính thành phố, quận, huyện, xã.
- ⑥ Nếu có tham gia chế độ tiền hưu trí, thì có thể yêu cầu hoàn lại tiền hưu trí sau khi rời Nhật về nước. Lấy mẫu đơn tại sở bảo hiểm xã hội hoặc tại công ty của bạn.
- ⑦ Khi hoàn toàn rời khỏi Nhật Bản bạn phải trình nộp thẻ cư trú cho nhân viên quản lý nhập cảnh tại sân bay.

[Return to Top](#)

III-3 Nước sinh hoạt

Không chỉ riêng ở Osaka, mà trên toàn nước Nhật nước sinh hoạt đều có thể uống được. Khi chuyển đến nơi cư trú mới nếu muốn sử dụng nước thì phải đăng kí.

1. Xin cấp nước

Ở sảnh vào nhà có để thẻ gọi là : *thẻ đăng ký sử dụng nước*. Hãy liên hệ ban (cục) cấp nước của thành phố, huyện, xã để báo ‘ mã số sử dụng ’ của thẻ đó. Sau khi liên lạc nhân viên cấp nước sẽ đến mở van. Từ thời điểm liên lạc đến khi có nước lâu nhất là 4 ngày, vì vậy bạn nên liên lạc sớm. Nếu là chung cư hay nhà cho thuê thì có thể chủ nhà hay người quản lý thay bạn làm thủ tục.

2. Tiền nước

Chi phí tiền nước bao gồm chi phí cơ bản và chi phí sử dụng nước. Hóa đơn thu tiền nước thường sẽ được gửi đến nhà bạn qua đường bưu điện 2 tháng 1 lần, nghĩa là 2 tháng tính tiền một lần. Việc trả tiền nước có vài cách như: đăng kí tự rút tiền trong tài khoản của bạn, chuyển tiền qua ngân hàng hay bưu điện. Tùy theo thành phố, huyện, xã bạn cũng có thể trả tiền ở cửa hàng tiện lợi 24 giờ. Nếu trả trễ hạn có thể sẽ bị cắt nước, bạn nên chú ý.

Trong trường hợp có hệ thống cống rãnh, chi phí sử dụng hệ thống sẽ được thu cùng với tiền nước. Nếu là nhà tập thể thì chủ nhà hay tổ chức quản lý sẽ tính toán và thu phí nước theo số lượng sử dụng từng nhà.

3. Chú ý trong mùa đông

Ngày lạnh mùa đông có trường hợp ống nước đóng băng và vỡ. Vì thế bạn cần mở vòi cho nước chảy liên tục 1 lượng nhỏ vào ban đêm.

[Return to Top](#)

III-4 Điện lực

1. Nguồn điện ở Nhật Bản

Nguồn điện ở Nhật Bản ổn định ở điện thế 100 vôn. Tần số điện có khu vực 50 Hz (Đông Nhật Bản), có khu vực 60 Hz (Tây Nhật Bản). Ở Osaka là 60 Hz.

Các dụng cụ điện của nước ngoài có các tần số khác nhau, nếu dùng không đúng thì tính năng sẽ bị giảm hoặc hư hỏng bạn nên chú ý.

2. Xin cấp điện

Thông thường lần đầu tiên xin cấp điện, sau khi mở cầu dao chính phải gọi điện thoại cho trung tâm khách hàng trực thuộc Sở điện lực Kansai. Thường cầu dao chính được gắn ở trước cửa nhà hoặc chung quanh nhà bếp và cầu dao chính ở trong hộp điều khiển điện (là hộp chứa cầu dao an toàn và cầu dao tự chống rò rỉ điện) để sử dụng điện an toàn. Trên đồng hồ điện thường gắn theo giấy liên lạc với công ty điện lực Kansai, trên giấy này có ghi số điện thoại, có thể xin cấp điện qua điện thoại hoặc bằng cách gửi bưu thiếp.

3. Cách trả tiền điện

Hàng tháng dựa trên chỉ số đồng hồ điện, hóa đơn thu tiền sẽ được gửi đến nhà bạn, hãy trả tiền ở sở điện lực gần nhà, hoặc trả qua cơ quan tài chính hoặc cửa hàng tiện lợi 24h. Có thể trả tự động qua tài khoản ngân hàng.

4. Hóa đơn sử dụng điện

The image shows a Japanese electricity bill with the following labels pointing to specific parts:

- Số đặc định nơi cung**: Points to the top header area.
- Nội dung hợp đồng**: Points to the contract details section.
- Mã số khách hàng**: Points to the customer ID '0123 4567 89 0123'.
- Thời gian sử dụng tháng này**: Points to the current month's usage period '01/01 ~ 01/01'.
- Số lượng sử dụng cùng tháng năm trước so sánh với cùng tháng của năm trước**: Points to the comparison section showing '430kWh' and a change of '-30.2%'.
- Ngày chuyển khoản**: Points to the payment date '01/01'.
- Ngày đến hạn thanh toán**: Points to the due date '01/01'.
- Chỉ tiết số tiền hóa đơn**: Points to the total amount '0,000円'.
- Số tiền sử dụng tháng này**: Points to the current month's usage amount '300kWh'.
- Đơn giá điều chỉnh chi phí nhiên liệu (phần tháng này và tháng tới)**: Points to the fuel cost adjustment section.
- Thuế thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo (phần năm tương ứng)**: Points to the renewable energy promotion tax section.
- Số lượng sử dụng của tháng trước**: Points to the previous month's usage '121kWh'.
- Tiền điện phần tháng trước**: Points to the previous month's payment '000円'.
- Ngày kiểm tra phần tháng sau**: Points to the next month's check date '01/01'.
- Số điện thoại của sở kinh doanh điện lực Kansai**: Points to the Kansai Electric Power Co., Ltd. contact information at the bottom.

※Nếu có đăng ký địa chỉ e-mail thì tiền sử dụng điện và lượng điện sử dụng có thể kiểm tra trên e-mail này
 Cộng tác: Công ty cổ phần điện lực Kansai

[Return to Top](#)

III-5 Cách xin cấp gas

1. Các loại gas

Trong thành phố, gas được dẫn bằng ống đến từng gia đình, nhưng cũng có nhà sử dụng gas bằng bình gas. Tùy theo loại gas, các bếp gas sẽ khác nhau. Nếu sử dụng các dụng cụ gas không thích hợp sẽ rất nguy hiểm. Hãy xác nhận cẩn thận về loại gas bạn đang dùng với chủ nhà hoặc cửa hàng bán gas mà bạn đang dùng.

(1) Gas trong thành phố

Mỗi căn nhà trong thành phố, bên ngoài đều có gắn đồng hồ gas. Trên đồng hồ có đề địa chỉ làm hợp đồng xin cấp mới nếu lần đầu sử dụng, xin hãy gọi điện thoại liên lạc. Lúc đó bạn sẽ được hỏi địa chỉ, tên, ngày bắt đầu sử dụng, ngày đến lắp gas.

Sau khi liên lạc, nhân viên sẽ đến lắp gas, hãy có mặt lúc đó.

(2) Gas bình

Tại khu vực cung cấp gas bình, trên đồng hồ bình gas có giấy ghi nơi để liên lạc giống như gas trong thành phố. Khi bắt đầu sử dụng thì liên lạc và cửa hàng bán gas sẽ đem bình gas đến. Xin chú ý không thể sử dụng dụng cụ dùng gas của thành phố được.

2. Nếu gas bị xì

Gas là chất có mùi. Khi xì gas sẽ có mùi. Khi nghi ngờ gas bị xì, hãy khóa ga lại và lập tức liên lạc gấp đến công ty gas.

Khi đường ống ga thành phố bị xì xin liên lạc đến	
Điện thoại	
miền phí tại trung tâm Osaka	☎0120-0-19424
miền Nam phủ Osaka	☎0120-3-19424
miền Đông Bắc phủ Osaka	☎0120-5-19424

3. Hóa đơn / thông báo lượng gas và tiền gas đã sử dụng

(Trường hợp thanh toán bằng cách chuyển khoản ngân hàng)

1 大阪ガス ご使用量のお知らせ 大阪 太郎 様 ご使用番号 12-34-567-89-0120 ガス供給地点特定番号 12345678901234567		8 大阪ガス 口座振替済領収証 大阪 太郎 様 ご使用番号 12-34-567-89-0120 2021年 11月分 振替期間(日数) 10月7日~11月5日(30日間) 振替数量 31m ³ 前月適用単位料金 B) 137.39円/m ³ 金額 8,293円	
2 2021年 12月分 ご使用期間(日数) 11月 6日~12月 6日(31日間) 今回検針日 12月 6日 次回検針予定日 1月 8日		5 ①ご使用量 1)~2) 31m ³ 1) 今回メーター指示数 3060 2) 前回メーター指示数 3029 前年同月ご使用量 44m ³ (31日) 前年同月比(30日換算) 70.0% ②当月適用単位料金 B) 140.15円/m ³ 翌月単位料金表 (円/m ³) A)***** B)***** C)***** D)***** E)***** F)***** G)***** H)***** ※当月と翌月の単位料金の差: ***** 円	
3 請求予定金額 8,379円 (内訳) ガス料金 5,709円 (内ガス料金分消費税 519円) ・基本料金 1,364円81銭 ・従量料金(①×②) 4,344円65銭 らく得保証・住ミか(1件、税込) 1,518円 警報器・消火器リース(1件、税込) 547円 シビコ・ガビコ・MM・タイA B(1件、税込) 605円		6 金額 8,293円 ガス料金 5,623円 内ガス料金分消費税 511円 らく得保証・住ミか(1件、税込) 1,518円 警報器・消火器リース(1件、税込) 547円 シビコ・ガビコ・MM・タイA B(1件、税込) 605円	
4 ご契約 一般		7 口座振替予定日 12月16日 振替ができなかった場合、12月27日に再振替いたします。 13A 45 MJ (10,750 キロカロリー) 検針員/材カバコ	
10 ■お手続きはネットがオススメ! お引越しや口座振替・クレジットカード払い等のお手続きはネットがオススメ! 昼でも夜でも待ち時間無くご利用いただけます。 抽選でプレゼントが当たるキャンペーンも実施中! 大阪ガス 検索		過去の料金・使用量確認はマイ大阪ガスで! ポイントは共通ポイントにも交換できる 電話でのお問合せ等(月~土/9~19時、日祝/9~17時) ガス料金等に関して お客さまセンター 0120-0-94817 お引越しのお手続き等 テストガスセンター 0120-12-3456 06-1234-5678	
大阪ガス株式会社 お客さまセンター 0120-0-94817 ◎本証により弊社の係員が 集金することはございません。		印紙税申告納付につき東 税務署承認済	

- ① mã số sử dụng ② thời gian sử dụng ③ số tiền thanh toán
- ④ nội dung hợp đồng ⑤ số lượng sử dụng
- ⑥ Phí theo đơn vị tháng phù hợp với lượng sử dụng
- ⑦ ngày chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng
- ⑧ hóa đơn chuyển khoản tiền ga xong
- ⑩ Mã số đặc định nơi cấp gas

Cộng tác : Công ty cổ phần gas Osaka

[Return to Top](#)

III-6 Rác thải

1. Cách bỏ rác

Nhằm mục đích giảm lượng rác thải và tái chế nên rác được tiến hành phân loại.

Phân loại rác

- Rác cháy.
- Rác không cháy.
- Báo cũ, tạp chí cũ, lon, bình nhựa.

Nếu không giữ đúng qui định về cách vứt rác sẽ gây phiền phức, trở ngại cho người hàng xóm.

Những điều không được làm

- ① Bỏ rác không đúng ngày giờ qui định
- ② Bỏ rác không đúng chỗ qui định
- ③ Không phân loại rác trước khi bỏ rác.

Tùy theo thành phố, phường, xã có qui định khác nhau về việc phân loại rác, muốn biết cụ thể xin hỏi người hàng xóm, hoặc nhận thông tin tại trụ sở quận. Có trụ sở quận có bảng giải thích bằng tiếng nước ngoài.

2. Cách vứt bỏ loại rác khác

(1) Pin / chai uống nước

Trong pin có chứa chất độc hại, cần phải có kỹ thuật xử lý, do đó về nguyên tắc sau khi sử dụng xong, hãy trả về tiệm mình đã mua. Về chai bia, chai nước giải khát khi trả lại chai không về cho cửa hàng, sẽ được trả lại tiền chai. Xin xác nhận với cửa hàng bán nước giải khát.

(2) Bao bì dụng cụ bằng plastic

Gồm các bao bì, khay đựng sản phẩm bằng plastic v.v... và vứt vào ngày quy định.

(3) Rác có kích thước lớn

Về các dụng cụ gia đình, đồ điện gia đình (máy lạnh, tivi, tủ lạnh, máy giặt trong phần sau) muốn bỏ ra phải được thu hồi đúng ngày quy định của rác có kích thước lớn hoặc phải yêu cầu cơ quan hữu quan thu hồi. Tùy theo địa phương có nơi có thu phí.

(4) Máy lạnh, tivi, tủ lạnh, máy giặt

Khi bỏ máy lạnh, tivi, tủ lạnh, máy giặt, máy sấy quần áo ra khỏi nhà, phải liên hệ với các cửa hàng bán lẻ đồ điện nơi bạn đã mua (hoặc có ý định mua cùng loại hàng) trả họ một khoản lệ phí quy định để họ nhận đồ thải. Đồ điện vứt đi sẽ được nhà sản xuất thu gom lại tái chế sử dụng. Các cơ quan hành chính thành phố hoặc làng xã không có chứa năng thu hồi đồ thải.

Tham khảo trang web để biết thêm chi tiết

URL https://www.meti.go.jp/policy/it_policy/kaden_recycle/

III-7 Sinh hoạt hàng ngày

1. Phép lịch sự trong sinh hoạt hàng ngày ở Nhật

Quan hệ với người Nhật

Khi sinh hoạt tại Nhật trước hết nên chú ý lễ nghĩa, phép xã giao và tập quán sinh hoạt của người Nhật. Trong cuộc sống thường ngày nên cần chú ý dần.

- Khi có hẹn gặp người khác thì nên giữ đúng giờ. Nếu đi muộn hay không đến được thì phải liên hệ trước.
- Kiểu chào của người Nhật: uốn lưng và cúi đầu.
- Nếu quan hệ không thân thiết thì đừng hỏi chuyện quá sâu về người khác (như nghề nghiệp, thu nhập, chuyện gia đình...) vì việc này bị xem như hành động thất lễ.
- Khi nhờ vả người khác nếu mang tính ép buộc và mang tính quá cá nhân thì sẽ gây sự khó chịu cho người khác. Nên chú ý !

Chào hỏi với hàng xóm

(1) Chào hỏi

Chào hỏi người hàng xóm là điều quan trọng. Điều này sẽ tạo ra mối quan hệ tốt đẹp. Việc chào hỏi lẫn nhau, được coi là biện pháp hiệu quả để ngăn ngừa tội phạm.

(2) Tiếng ồn

Trong cuộc sống ở thành thị, có người nhạy cảm với tiếng ồn. Và cũng không mấy được khoan dung với tiếng ồn do trẻ em gây ra. Do đó cần phải chú ý khi sống ở nhà tập thể. Về cơ bản, sau 10 giờ tối, cần tránh gây ra tiếng ồn làm ảnh hưởng đến hàng xóm. Mặt khác, có người làm việc ban đêm, nên cần ngủ ban ngày.

Có trường hợp tự mình không gây ra tiếng ồn lớn, nhưng do cấu tạo của nhà cửa sẽ khuếch âm ra lớn hơn nhà bên cạnh. Đặc biệt là vào ban đêm cần chú ý tránh sử dụng máy hút bụi, máy giặt, đóng mở cửa ra vào v.v...

Trong trường hợp bạn bị ảnh hưởng do người hàng xóm gây ra, xin phản ánh với công ty bất động sản mà mình ký hợp đồng, hoặc thông báo cho ban quản lý nhà. Ngoài ra còn có thể hỏi ý kiến với hội tự trị. (hội của xã phường)

(3) Hội tự trị (Hội của xã phường)

Ở từng khu vực có hội tự trị gồm những người hàng xóm láng giềng, đó là một đoàn thể khu vực có nhiệm vụ chính trong hoạt động chống tội phạm, dọn vệ sinh, các hoạt động giao lưu hữu nghị xóm giềng v.v...Bình thường thì có nhiều hoạt động hữu nghị trong khu vực, làm vệ sinh công cộng v.v...

Việc gia nhập hội tự trị là hoàn toàn tùy ý, đặc biệt có lợi thế là dễ nhận được các thông tin hành chính thông qua hội tự trị. Nếu làm bạn được với những người xung quanh, thì rất có ích trong việc phòng chống tội phạm, nếu có thể được thì nên gia nhập hội tự trị.

(4) Bảng thông báo tuần hoàn

Hội tự trị sẽ phân phát bảng thông báo tuần hoàn. Bảng thông báo này là các thông tin nhận được từ trụ sở quận, thường được kẹp bằng kim kẹp. Khi đọc xong sẽ đóng con dấu hoặc ký vào. Sau đó đem đến cho người khác, khi bạn nhận, bạn nên hỏi kế tiếp sẽ đem đến cho người nào.

(5) Làm vệ sinh

Ở các quận, khu vực có qui định ngày làm vệ sinh công cộng như chung quanh nhà bạn ở, đường phố, công viên gần nhà bạn. Lúc đó, từng gia đình sẽ cử ra một hai người để cùng dọn vệ sinh, nhỏ cỏ. So với công việc hằng ngày thì việc gặp người hàng xóm sẽ tạo ra sự thân thiện, do đó các bạn nên tham gia.

2. Sinh hoạt mua sắm

Ngày nay, ngoài mua sắm trực tiếp ở cửa hàng, chúng ta có thể dễ dàng mua sắm hoặc ký hợp đồng mua hàng hóa qua dịch vụ hay qua mạng internet. Người tiêu dùng có thể ký kết hợp đồng điện thoại di động, hòa mạng internet, mua trả góp xe ô tô, ký kết hợp đồng bất động sản, v.v.. đều có thể thực hiện qua mạng internet. Tuy nhiên, người nước ngoài mua hàng hay giao dịch online ở Nhật có thể gặp một số rắc rối do cách thức giao dịch ở Nhật khác với nước mình và do không hiểu tiếng Nhật. Nếu gặp những rắc rối này, bạn có thể liên lạc hoặc đến tư vấn tại các Trung tâm hỗ trợ người tiêu dùng (Sho-hi-sei-katsu center) gần khu vực cư trú. Trung tâm hỗ trợ người tiêu dùng sẽ giải đáp miễn phí các vấn đề khi mua hàng hoặc dịch vụ, hoặc tư vấn hướng dẫn cho người tiêu dùng.

URL https://www.kokusen.go.jp/map/ncac_map27.html

[Return to Top](#)

III- 8 Khi gặp khó khăn trong cuộc sống

Để giúp đỡ những người khó khăn trong cuộc sống, có những chế độ như sau. Để biết thêm chi tiết, hãy liên lạc với ban phúc lợi của xã phường thành phố. (Xem phụ lục IX-1)

(1) Đòi sống dân sinh - Ủy ban Nhi đồng

Những người có hoàn cảnh khó khăn như : người già neo đơn không nơi nương tựa, người già nằm liệt giường, những người bị tàn tật v.v.. đều được các cơ quan chính phủ và phúc lợi xã hội quan tâm chăm sóc. Tại những nơi này bạn cũng có thể tư vấn về vấn đề của trẻ em và nhi đồng.

(2) Hỗ trợ sinh hoạt

Cho dù bạn có vốn làm ăn, có phương tiện kinh doanh hay có thể nương tựa vào những người thân trong gia đình, bất cứ khi nào gặp khó khăn bạn cũng có thể đến Cơ quan Phúc lợi An sinh và Trợ cấp Xã hội ở khu vực của mình để tư vấn xin giúp đỡ. Tùy theo mức độ khó khăn bạn sẽ nhận được sự giúp đỡ cần thiết từ các cơ quan này.

(3) Cho vay cải thiện sinh hoạt

Cơ quan phúc lợi an sinh địa phương có chế độ hỗ trợ khẩn cấp cho các hộ gia đình gặp khó khăn trong cuộc sống bằng cách cho vay.

[Return to Top](#)

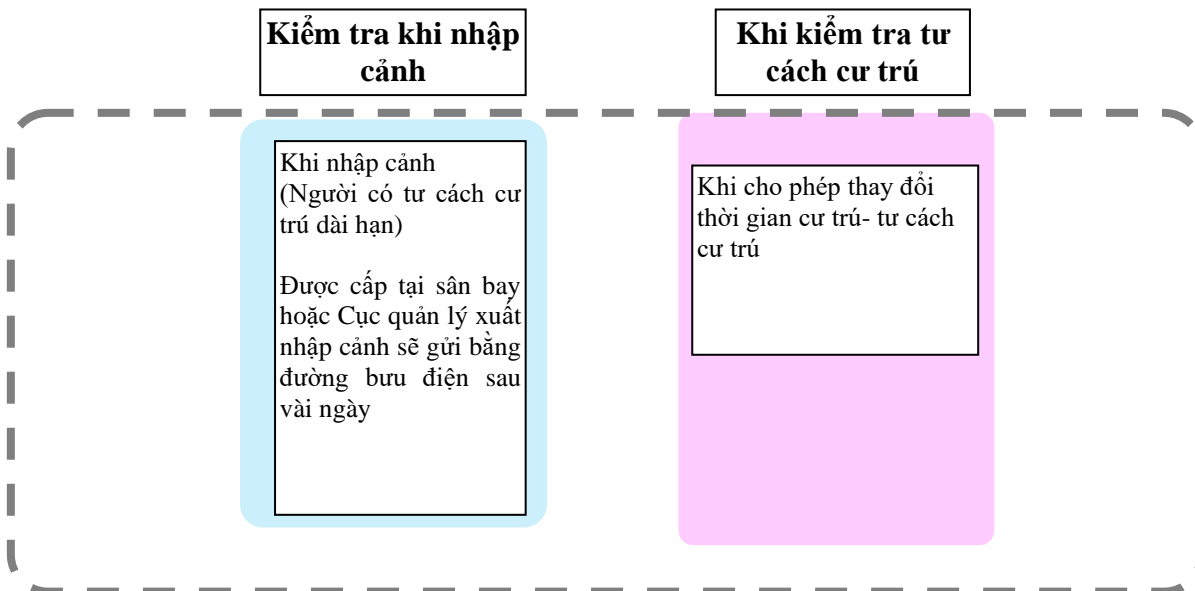
IV Chế độ quản lý cư trú-Thủ tục đăng kí cư trú – kết hôn – ly hôn.

IV-1 Thẻ cư trú

Thẻ cư trú được cấp cho người nước ngoài có tư cách cư trú theo luật nhập cảnh và cư trú dài hạn ở Nhật. Người có tư cách cư trú dài hạn được cấp thẻ cư trú là người không bị xếp vào những nhóm sau:

- ① Người có thời gian cư trú dưới “3 tháng”.
- ② Người có tư cách cư trú là “Cư trú ngắn hạn”.
- ③ Người có tư cách cư trú là “Ngoại giao” hoặc “Công vụ”.
- ④ Người được cho là như trường hợp ①~③ theo chỉ thị của sở tư pháp.
- ⑤ Người có visa vĩnh trú đặc biệt.
- ⑥ Người không có tư cách cư trú.

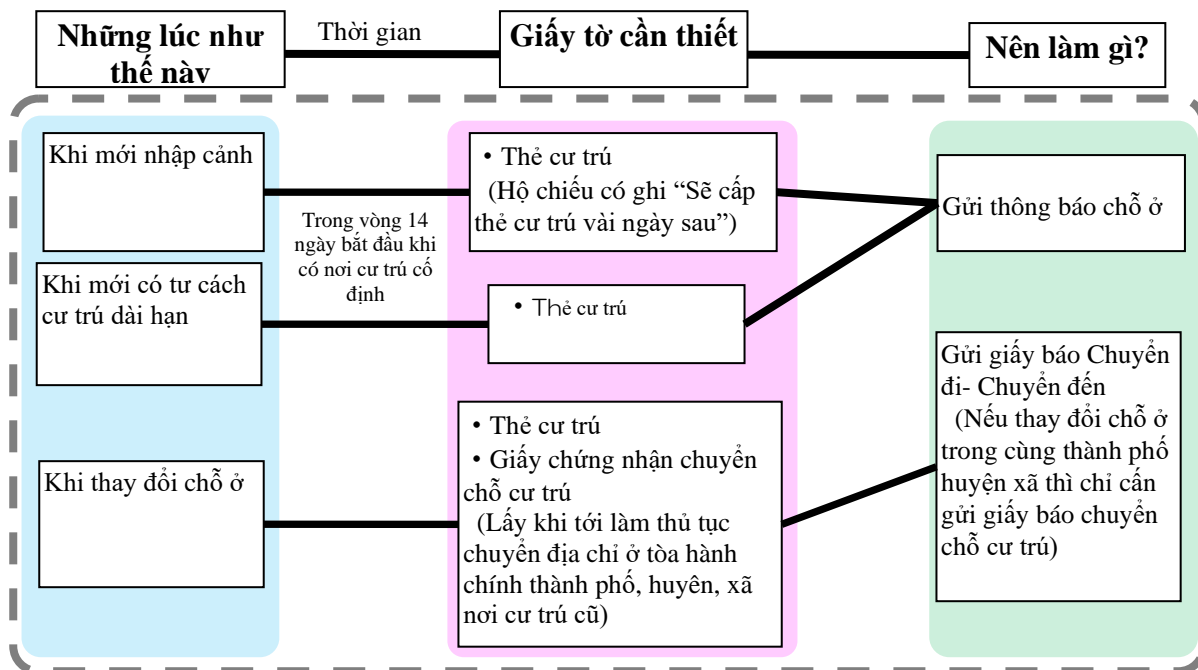
1. Đăng ký mới thẻ cư trú



Thẻ cư trú được cấp phát trong các trường hợp như lần đầu tiên nhập cảnh vào Nhật, được thay đổi tư cách cư trú, được gia hạn visa cư trú.

Thẻ cư trú lúc nào cũng phải mang bên mình phòng trường hợp nếu bị cảnh sát hỏi thì phải đưa ra. Tuy nhiên, người dưới 16 tuổi không nhất thiết lúc nào cũng phải mang theo bên mình.

2. Thủ tục ở thành phố huyện

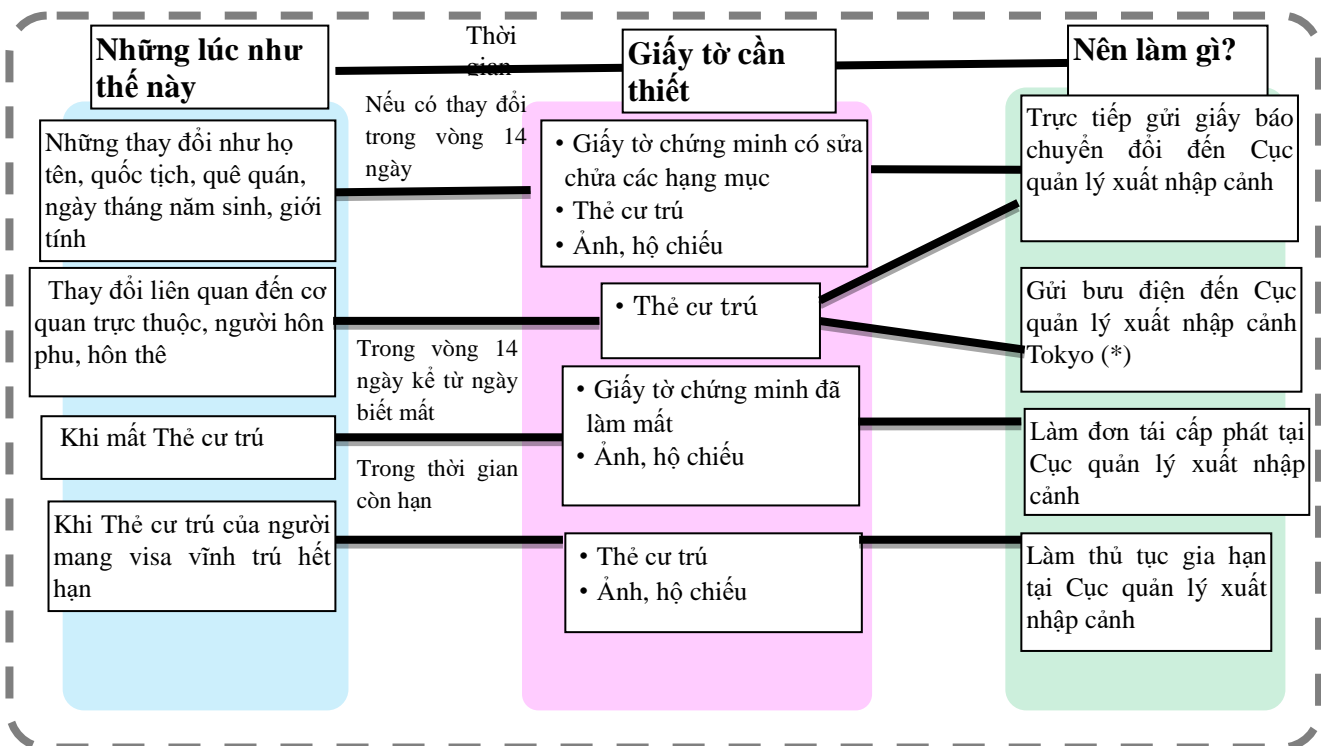


Ở sân bay quốc tế như Kansai, Narita, Haneda, Chubu, Shin-chi-tose, Hiroshima, Fukuoka, người có tư cách cư trú dài hạn sau khi được cấp giấy phép nhập cảnh sẽ được nhận Thẻ cư trú. Trường hợp nhập cảnh ở các sân bay khác thì sau khi đăng ký địa chỉ ở tòa hành chính thành phố, huyện, xã nơi bạn cư trú, Thẻ cư trú sẽ được gửi bằng đường bưu điện đến nơi cư trú của bạn.

Trên Thẻ cư trú sẽ có ghi họ tên, ảnh, quốc tịch-quê quán, ngày tháng năm sinh, giới tính, địa chỉ lưu trú tại Nhật, tư cách cư trú, thời hạn cư trú, có hạn chế về lao động hay không, giấy phép hoạt động ngoài tư cách cư trú. Trong đó, thủ tục liên quan đến nơi cư trú thì đến tòa hành chính thành phố, huyện, xã đăng ký.

Nếu chuyển nhà đến tỉnh, thành phố khác thì phải gửi giấy báo chuyển đi cho cơ quan có thẩm quyền tòa hành chính thành phố, huyện, xã nơi cư trú cũ. Sau đó trong vòng 14 ngày kể từ ngày chuyển đến nơi cư trú mới phải gửi giấy báo Chuyển đến tới tòa hành chính thành phố, huyện, xã nơi cư trú mới. Khi đó, nếu như gửi giấy báo chuyển chỗ ở cùng với Thẻ cư trú thì không cần thiết phải thông báo thay đổi địa chỉ đến Cục quản lý xuất nhập cảnh.

3. xã Thủ tục ở Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương



(1) Báo cáo những thay đổi

Nếu có thay đổi trong các hạng mục ghi trong Thẻ cư trú như họ tên, quốc tịch-quê quán, ngày tháng năm sinh, giới tính thì phải đến báo trực tiếp với Cục quản lý xuất nhập cảnh. Lúc này, Thẻ cư trú mới sẽ được cấp phát. Trường hợp bạn có tư cách cư trú là “Lao động kỹ thuật • Kiến thức Văn hóa • Nghiệp vụ quốc tế” hoặc “Du học”, nếu thay đổi cơ quan trực thuộc (công ty, trường học) thì trong vòng 14 ngày phải đến trực tiếp làm thủ tục thay đổi tại Cục quản lý xuất nhập cảnh, hoặc gửi bằng đường bưu điện đến Cục quản lý xuất nhập cảnh trụ sở chính Tokyo (*). Trường hợp bạn có tư cách cư trú là “hôn phu, hôn thê với người Nhật” theo diện “Đoàn tụ gia đình”, “Kết hôn với người nước ngoài”, nếu ly hôn hoặc Vợ/Chồng người Nhật tử vong thì trong vòng 14 ngày phải báo cáo.

(*) Nơi gửi đến : 108-8255 Khu phụ trách tiếp nhận, Phòng quản lý thông tin cư trú Cục quản lý xuất nhập cảnh Tokyo 5-5-30 Kounan Minato-ku, Tokyo

URL <https://www.ens-immi.moj.go.jp/NA01/NAA01S/NAA01STransfer>

(2) Tái cấp phát Thẻ cư trú

Nếu Thẻ cư trú bị mất hoặc bị lấy cắp thì trong vòng 14 ngày phải cầm giấy chứng nhận báo mất từ Sở cảnh sát hay Cục phòng cháy chữa cháy, đến trực tiếp làm đơn xin tái cấp phát lại thẻ tại Cục quản lý xuất nhập cảnh.

(3) Gia hạn Thẻ cư trú của người có visa vĩnh trú

Về thủ tục xin gia hạn Thẻ cư trú, người có visa vĩnh trú trên 16 tuổi hoặc người có tư cách lưu trú là Chuyên gia cao cấp bậc 2 thì có thể đi gia hạn trước khi hết hạn 2 tháng, trường hợp người dưới 16 tuổi và tại thời điểm đủ 16 tuổi vẫn nằm trong thời hạn còn hiệu lực của Thẻ cư trú có thể xin gia hạn trước 6 tháng tính từ ngày sinh nhật 16 tuổi. Người có tư cách cư trú dài hạn ngoại trừ người có visa vĩnh trú trên 16 tuổi thì Thẻ cư trú vẫn có hiệu lực cho đến hết ngày hết hạn.

4. Đăng ký Sổ hộ tịch cho công dân người nước ngoài

Người nước ngoài cũng được đăng ký vào Sổ hộ tịch của cơ quan hành chính nơi cư trú. Trên Phiếu cư dân (Jyumin-hyo) có ghi họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, địa chỉ, họ tên chủ hộ, và

còn có ghi cả Quốc tịch, nơi cư trú, tư cách lưu trú, thời hạn cư trú. Ngoài ra, trên Thẻ cư trú không có ghi tên thường gọi nhưng trên Phiếu cư dân thì có mục ghi tên thường gọi. Bản sao Phiếu cư dân (hoặc Giấy chứng minh các mục ghi trên Phiếu đăng ký cư dân) sẽ được cấp.

Ngoại trừ trường hợp cư trú ngắn hạn như du lịch v.v... thì phiếu cư trú sẽ được đăng ký cho đối tượng là người nước ngoài có địa chỉ và đăng cư trú hợp pháp tại Nhật trên 3 tháng. Phiếu cư trú sẽ được đăng ký cho người có tư cách cư trú dài hạn như trong các trường hợp dưới đây :

1. Người có tư cách cư trú dài hạn .
2. Người có visa vĩnh trú đặc biệt .
3. Người được bảo trợ hoặc có tư cách cư trú tạm thời .
4. Người từng cư trú với lí do sinh con tại Nhật hoặc mất quốc tịch .

Nếu sinh con không có quốc tịch Nhật thì sau khi sinh trong vòng 14 ngày phải làm giấy khai sinh. Theo đó tòa hành chính thành phố, huyện, xã nơi cư trú sẽ đăng ký phiếu cư trú có ghi là “Người từng cư trú với lí do sinh con tại Nhật”. Nếu quá 60 ngày trong thời hạn cư trú này thì trong vòng 30 ngày kể từ sau khi sinh phải đến Cục quản lý xuất nhập cảnh xin tư cách cư trú. Và sau khi xin nếu nhận được tư cách cư trú là cư trú dài hạn thì Cục quản lý xuất nhập cảnh sẽ cấp Thẻ cư trú.

5. Thẻ Mã số cá nhân (My Number)

Mã số cá nhân (My Number) là mã số có 12 chữ số, được cấp cho tất cả người có phiếu cư trú (Ju-min-hyo) ở Nhật. Mã số cá nhân của mỗi người sẽ khác nhau, và một người sẽ chỉ dùng một mã số trọn đời. Mã số cá nhân được dùng để quản lý các dịch vụ phúc lợi xã hội, thuế, trong các đối sách phòng chống thiên tai ở trong nội bộ trong nước Nhật. Sau khi Thẻ cư trú (Ju-min-hyo) được cấp lần đầu ở Nhật, 2 đến 3 tuần sau Giấy thông báo Mã số cá nhân (sau đây gọi là Giấy thông báo) sẽ được gửi bưu điện (thư đảm bảo) đến địa chỉ đăng ký trong Thẻ cư trú.

Ngoài ra nếu bạn có nhu cầu thì thẻ 「Mã số cá nhân (My Number)」 được cấp phát.

「Giấy thông báo」 (giấy, không có hình cá nhân) hoặc “Thẻ Mã số cá nhân (My Number)” (thẻ từ IC, có hình cá nhân), nếu thay đổi địa chỉ hoặc họ tên thì trong vòng 14 ngày bạn cần phải đến Tòa hành chính thành phố, phường, xã, để cập nhật thông tin mới lên thẻ. Và trường hợp nếu có gia hạn thời hạn cư trú hay thay đổi thời hạn cư trú v.v., thì bạn phải làm thủ tục cập nhật thời hạn của Thẻ Mã số cá nhân. Thủ tục cập nhật thời hạn của Thẻ Mã số cá nhân có thể đăng ký trước 3 tháng trước khi kỳ hạn ghi trên thẻ hết.

Tổng đài điện thoại miễn phí về Mã số cá nhân My Number (đáp ứng các ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha)

*Về việc tạm dừng sử dụng Thẻ mã số cá nhân / Giấy thông báo mã số cá nhân do bị trộm, bị mất thì liên hệ số: ☎0120-0178-27

☎0570-064-738 (nếu số trên không liên lạc được (mất cước phí)

Thời gian tiếp nhận

Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha:24/24

Tiếng Thái, tiếng Nepal, tiếng indonesia: 9:00-18:00

Tiếng việt, tiếng Tagalog:10:00-19:00

*Hỏi đáp liên quan Chế độ Mã số cá nhân, My Number Portal (Mai-Na-Portal)

☎0120-0178-26

Thời gian tiếp nhận

Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha:

Ngày thường: 9:30-20:00

Thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ 9:30-17:00 (trừ ngày cuối năm, đầu năm)

[URL https://www.digital.go.jp/policies/mynumber/](https://www.digital.go.jp/policies/mynumber/)

[Return to Top](#)

IV-2 Thủ tục cư trú

1. Visa tái nhập cảnh (Khi tạm thời ra khỏi Nhật Bản)

Khi tạm thời ra khỏi nước Nhật và tái nhập cảnh Nhật bản, bạn có thể xin visa tái nhập cảnh. Visa này có thời hạn tối đa là 5 năm (nhưng không được vượt quá thời hạn cư trú), có 2 loại visa tái nhập cảnh Nhật Bản đó là visa 1 lần và visa nhiều lần. Visa này không áp dụng đối với đối tượng có thời gian lưu trú ngắn hạn. Cần phải chuẩn bị những giấy tờ để xin visa tái nhập cảnh :

- ① Đơn xin visa tái nhập cảnh (Có ở quầy tiếp tân của Cục quản lý xuất nhập cảnh)
- ② Thẻ cư trú (⇒IV-1)
- ③ Hộ chiếu
- ④ Lệ phí tem 3000 yên cho visa 1 lần hoặc tem 6000 yên cho visa nhiều lần.

Visa tái nhập cảnh thường được cấp ngay trong ngày. Làm thủ tục tại Cục quản lý xuất nhập cảnh Osaka.

Nhờ việc đưa vào chế độ "Hình thức cho phép tái nhập cảnh đặc biệt", người nước ngoài mang theo hộ chiếu và Thẻ cư trú còn thời hạn khi xuất cảnh trong vòng 1 năm thì về nguyên tắc cơ bản không cần xin "Giấy phép Tái nhập cảnh". Chế độ này chỉ có hiệu lực khi người xuất cảnh xuất trình thẻ cư trú.

2. Gia hạn thời gian lưu trú

Thời hạn lưu trú tại Nhật của bạn thường có thời hạn. Khi bạn muốn gia hạn lưu trú cho những hoạt động tương tự với tư cách lưu trú hiện tại bạn cần phải làm thủ tục xin gia hạn thời gian lưu trú. Việc xin gia hạn này thường được bắt đầu từ 3 tháng trước khi hết hạn lưu trú. Cần chuẩn bị những giấy tờ sau :

- ① Đơn xin gia hạn thời hạn lưu trú. (có mẫu sẵn tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh)
- ② Hộ chiếu
- ③ Thẻ cư trú
- ④ Giấy chứng nhận các hoạt động từ trước đến nay và trong tương lai có liên quan đến tư cách lưu trú. (Có sự khác nhau giữa các tư cách lưu trú khác nhau, bạn nên liên lạc đến Trung tâm trợ giúp thông tin cho người nước ngoài tại Osaka để biết thông tin chi tiết hoặc vào trang chủ của Bộ tư pháp Cục quản lý xuất nhập cảnh để được hướng dẫn thêm).
- ⑤ Hình thẻ

Cấp phép

Tùy theo từng hồ sơ mà tiến hành thẩm tra và quyết định có tiếp tục cho phép lưu trú hay không. Tại thời điểm xin gia hạn thì mặt sau thẻ lưu trú sẽ được đóng dấu "Đang xin gia hạn". Trường hợp được cho phép cư trú dài hạn, thẻ cư trú sẽ được cấp phát.

3. Thay đổi tư cách lưu trú

Bạn phải xin phép thay đổi tư cách lưu trú nếu hoạt động bạn làm khác với tư cách được ghi trong thẻ cư trú. Có chế độ hỗ trợ việc thay đổi tư cách lưu trú không cần tạm thời ra khỏi Nhật Bản. Bạn phải tiến hành làm đơn xin phép thay đổi tư cách lưu trú từ khi có việc phát sinh thay đổi nội dung làm việc cho đến khi hết hạn lưu trú ghi trên thẻ.

Giấy tờ cần thiết cho việc xin thay đổi này tùy theo từng trường hợp cụ thể sẽ khác nhau, xin liên hệ với trung tâm tổng hợp thông tin cư trú cho người nước ngoài để biết thêm chi tiết. Trang web của Cục quản lý xuất nhập cảnh cũng có phần hướng dẫn này, xin vui lòng tham khảo.

[URL https://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/16-2.html](https://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/16-2.html)

4. Xin phép cho những hoạt động ngoài tư cách lưu trú

Bạn bị xem là làm việc bất hợp pháp khi làm những việc không được cho phép với tư cách lưu trú. Ví dụ khi bạn đang lưu trú với tư cách du học sinh nhưng bạn muốn đi làm thêm, bạn phải xin “giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú”. Trước khi bạn bắt đầu đi làm thêm, bạn cần phải xin phép tại Cục quản lý xuất nhập cảnh.

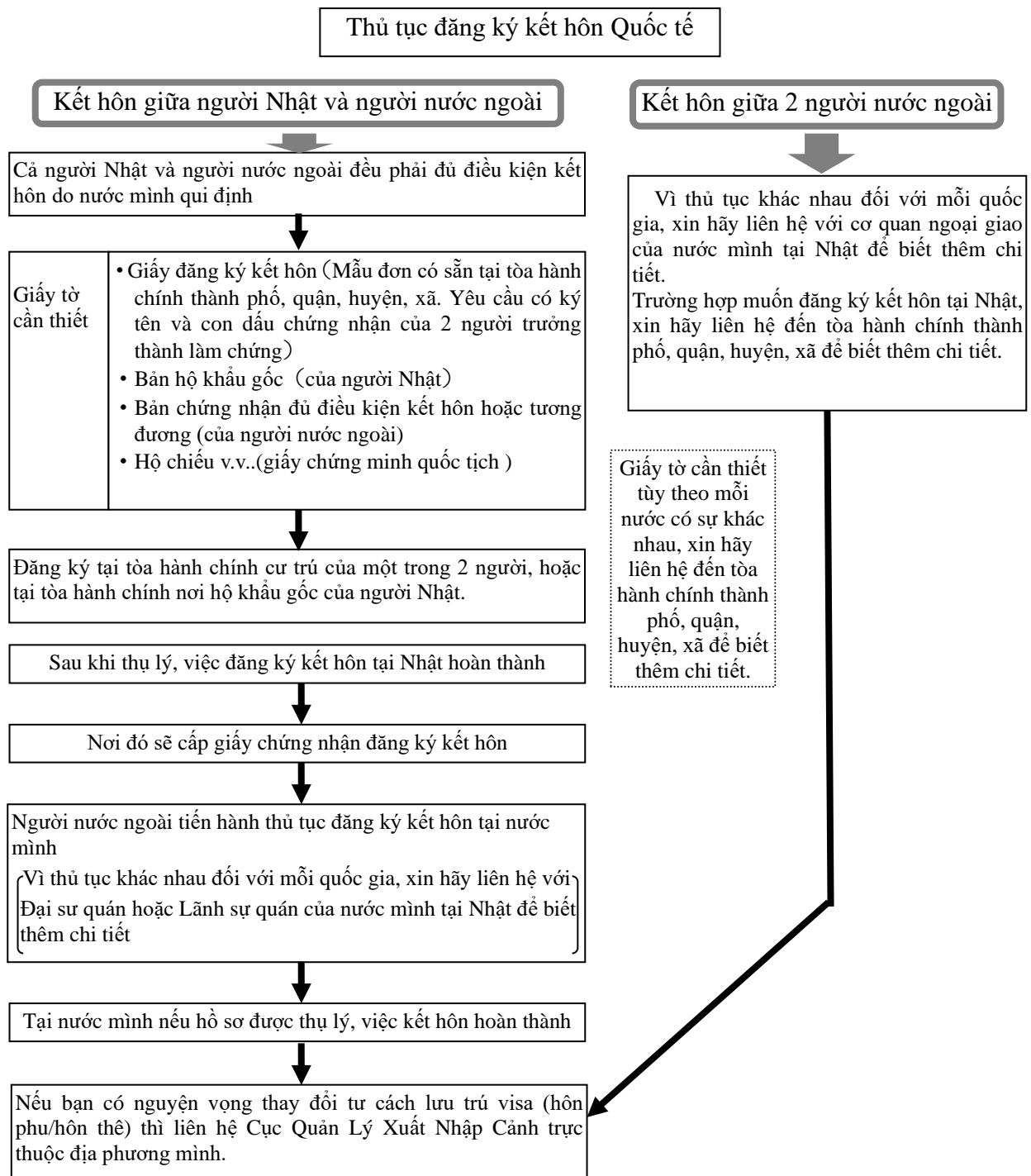
Người mới nhập cảnh và có tư cách cư trú là "Du học" (chỉ những người có thời hạn cư trú tính từ 3 tháng trở lên) thì có thể xin được "Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú" ở sân bay, cảng ngay lúc nhập cảnh.

Những giấy tờ cần thiết

- ① Đơn xin phép hoạt động ngoài tư cách
- ② Thẻ cư trú
- ③ Hộ chiếu
- ④ Giấy chứng nhận nội dung hoạt động

[Return to Top](#)

IV-3 Kết hôn



1. Kết hôn giữa người Nhật Bản và người nước ngoài

Khi kết hôn với người Nhật tại Nhật, bạn phải làm đơn tại tòa hành chính thành phố, huyện, xã. Cả người Nhật và người nước ngoài đều phải đủ điều kiện kết hôn do pháp luật nước mình qui định. Những giấy tờ cần thiết được liệt kê như bên dưới :

1. Hộ tịch hoặc Bản sao Hộ tịch(đối với người Nhật)
2. Hộ chiếu (Hoặc giấy có thể chứng minh quốc tịch)
3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kết hôn do Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán của nước mình tại Nhật cấp hoặc văn bản tương đương (Yêu cầu bản dịch tiếng Nhật gửi kèm họ tên, địa chỉ và con dấu chứng nhận của người dịch văn bản, nếu văn bản gốc không được viết bằng tiếng Nhật)
4. Đơn đăng ký kết hôn (có sẵn tại quầy. Yêu cầu 2 người làm chứng trên 20 tuổi ký tên và đóng dấu làm chứng. Giấy đăng ký kết hôn phải được viết bằng tiếng Nhật)

Sau khi thực hiện việc kết hôn tại Nhật, đương sự cũng cần thực hiện việc đăng ký kết hôn tại nước của mình. Khi đó cần phải xin “Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn” tại tòa hành chính thành phố, quận, huyện, xã. Thủ tục đăng ký tại nước của mình có nhiều điều khác biệt, nên liên lạc với Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán của nước mình tại Nhật để biết thêm chi tiết. (phụ lục IX-5)

Giấy đăng ký kết hôn có hiệu lực ngay khi thụ lý.

2. Người nước ngoài kết hôn với nhau

Dựa vào một số điều kiện nhất định của pháp luật của Nhật, 2 người nước ngoài có thể kết hôn tại Nhật. Tuy nhiên cần chú ý rằng việc kết hôn này ở nước của người mang quốc tịch đó có được chấp nhận hay không?. Xin liên lạc đến Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán của nước mình tại Nhật (phụ lục IX-5) để biết thủ tục chi tiết cho việc đăng ký kết hôn. Xin hỏi thêm thông tin ở tòa hành chính thành phố, quận, huyện, xã (phụ lục IX-1).

3. Thay đổi tư cách lưu trú

Trường hợp bạn kết hôn với người Nhật và thay đổi tư cách lưu trú thành visa hôn phu, hôn thê theo người Nhật. Hoặc cả hai là người nước ngoài đổi tư cách Visa gia đình, bạn phải liên hệ đến trung tâm thông tin dành cho người nước ngoài (phụ lục IX-2) để biết thêm chi tiết về việc thay đổi tư cách cư trú.

4. Thay đổi nội dung được ghi trong thẻ cư trú

Khi kết hôn, nếu có sự thay đổi về họ tên thì bạn đến Cục quản lý xuất nhập cảnh, và nếu có sự thay đổi về chỗ ở thì bạn phải liên hệ đến tòa hành chính thành phố, huyện, xã để tiến hành thay đổi những thông tin cần thiết trong thẻ cư trú. (phụ lục IX-1)

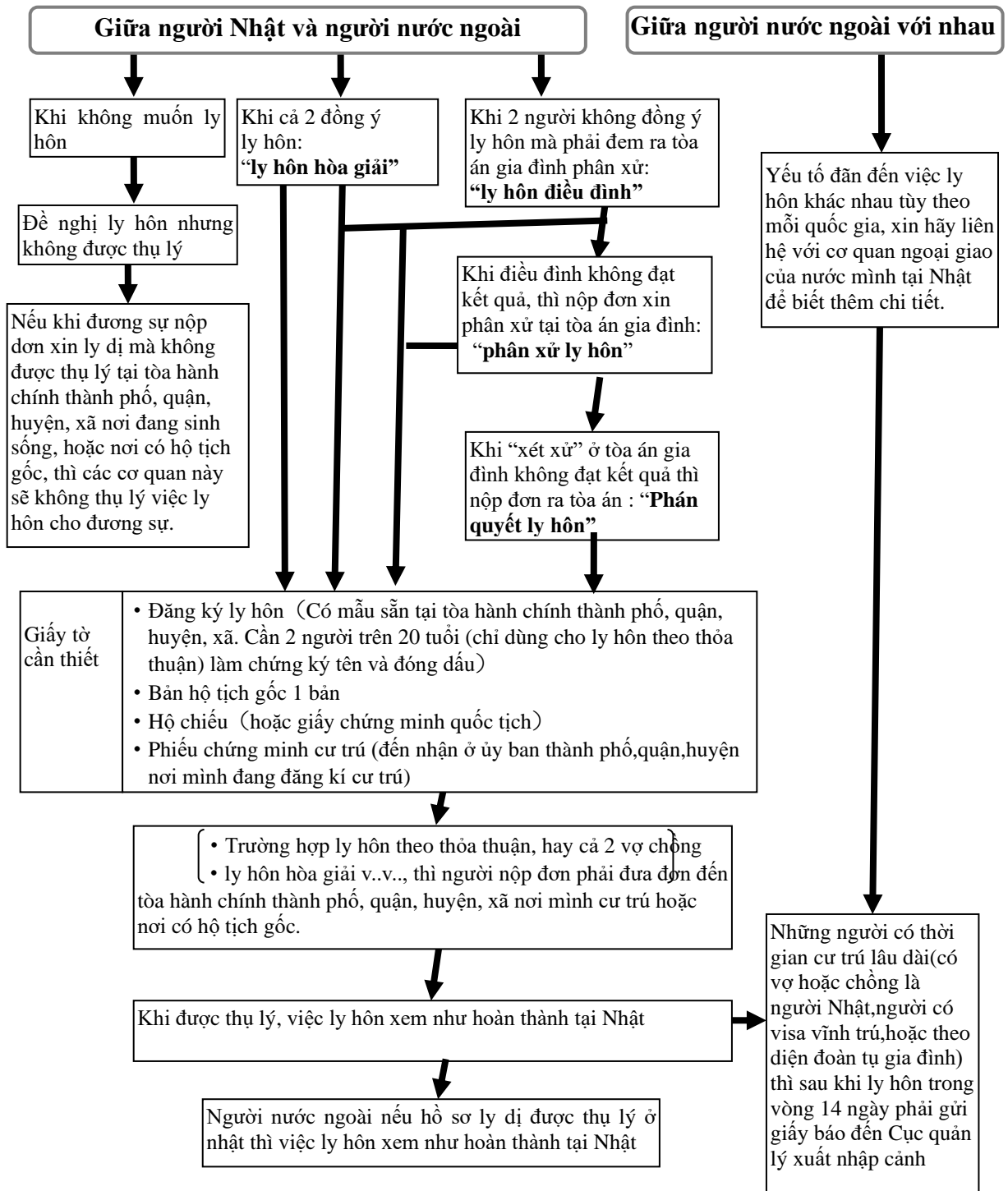
5. Những thay đổi khác

Khi kết hôn, những vấn đề liên quan như thuế, lương hưu trí, bảo hiểm sức khỏe, trợ cấp của công ty có những thay đổi. Hãy liên hệ với nhân viên phụ trách nhân sự trong công ty để biết thêm chi tiết.

[Return to Top](#)

IV-4 Ly hôn

Thủ tục ly hôn trong trường hợp kết hôn Quốc tế có thể rất phức tạp. Có nhiều trường hợp tuy căn cứ theo pháp luật Nhật Bản là đã ly hôn, nhưng vẫn không có hiệu lực pháp luật đối với nước bạn. Sau đây là quy trình thông thường xin ly hôn căn cứ theo pháp luật Nhật Bản.



1. Khi ly hôn

Khi 2 vợ chồng có 1 bên là người Nhật và cư trú ở Nhật muốn ly hôn, khi cả 2 vợ chồng đồng ý ly hôn thì căn cứ theo pháp luật Nhật Bản sẽ ly hôn được. Ở Nhật Bản khi 2 vợ chồng đồng ý ly hôn thì nộp đơn lên tòa hành chính thành phố, quận, huyện, xã. Sau khi nhận đơn, Việc ly hôn chính thức sẽ được công nhận. Ly hôn như thế được gọi là “ly hôn thỏa thuận”. Khi đưa ra tòa án gia đình nhờ phân xử việc ly hôn sẽ có các hình thức “điều đình ly hôn”, “phân xử ly hôn” và “phán quyết ly hôn”. Nếu chỉ tiến hành ly hôn ở Nhật mà không tiến hành ly hôn ở nước mình thì tình trạng “kết hôn” vẫn còn được duy trì ở nước của mình. Để tránh những tranh chấp về sau, cần phải tiến hành việc ly hôn tại nước mình luôn.

Khi hai vợ chồng đều là người nước ngoài và muốn ly hôn, xin liên hệ đến Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán của nước mình tại Nhật để hỏi thêm chi tiết. (phụ lục IX-5)

2. Khi không muốn ly hôn

Khi bạn không muốn ly hôn nhưng vợ/ chồng người Nhật ép ly hôn và đối phương tự động đơn phương ký và nộp đơn xin ly hôn đến tòa hành chính và khi tòa hành chính thụ lý đơn đó việc ly hôn bị xem như hoàn thành. Để tránh tình trạng đó bạn phải nộp đơn yêu cầu không thụ lý đơn xin ly hôn tại tòa hành chính thành phố, quận, huyện, xã nơi sinh sống hoặc nơi cư trú của đối phương người Nhật. Khi bạn nộp đơn này thì nếu bạn không đáp ứng việc “ly hôn hòa giải” đối phương sẽ không tự động đơn phương đưa đơn ra tòa hay điều đình, hòa giải. Chế độ này không được áp dụng với đối tượng cả 2 đều là người nước ngoài.

3. Tư cách lưu trú sau khi ly hôn

Trường hợp bạn cư trú tại Nhật với tư cách có vợ hoặc chồng là người Nhật, người có visa vĩnh trú hoặc theo diện đoàn tụ gia đình thì sau khi ly hôn, trong vòng 14 ngày bạn phải đến Cục quản lý xuất nhập cảnh để xuất trình các giấy tờ liên quan đến "visa theo vợ hoặc chồng".

Người cư trú với tư cách cư trú theo diện đoàn tụ gia đình, có vợ hoặc chồng là người Nhật, hoặc vợ hoặc chồng của người có visa vĩnh trú nếu trong vòng 6 tháng trở đi không có những hoạt động chứng minh được tư cách là "người phối ngẫu" thì sẽ là đối tượng bị hủy tư cách cư trú. Trong trường hợp này nếu không thay đổi tư cách cư trú thì không thể tiếp tục ở Nhật. Vì vậy, cần đến các phòng tư vấn của trung tâm tổng hợp thông tin cư trú dành cho người nước ngoài để được hướng dẫn thêm. (phụ lục IX-2)

4. Thay đổi những hạng mục trong việc đăng ký

Trường hợp thay đổi họ tên sau khi ly hôn thì phải gửi giấy báo đến Cục quản lý xuất nhập cảnh. Ngoài ra, nếu có thay đổi địa chỉ thì cũng cần phải gửi giấy báo đến cơ quan hành chính thành phố, quận, huyện. (phụ lục IX-1)

[Return to Top](#)

IV-5 Khai tử

1. Báo khai tử

Người nước ngoài khi tử vong tại Nhật cũng giống như người Nhật đều phải đăng ký khai tử tại tòa hành chính thành phố, huyện, xã trong vòng 7 ngày sau khi tử vong. Tại Nhật Bản việc xác nhận tử vong dù chết dưới bất cứ nguyên nhân rõ ràng nào cũng đều do bác sĩ có giấy phép hoặc bác sĩ giám định chuyên môn đảm nhận.

Sau khi bác sĩ xác nhận việc tử vong, bác sĩ sẽ viết giấy chứng nhận tử vong. Dùng giấy này để khai tử cho người đã mất tại tòa hành chính nơi người đó mất hoặc nơi người đó cư trú. Sau khi tử vong trong vòng 14 ngày phải trực tiếp gửi trả lại thẻ cư trú đến Cục quản lý xuất nhập cảnh, hoặc gửi bằng bưu điện đến Cục quản lý xuất nhập cảnh trụ sở Tokyo. Ngoài ra, việc khai báo tử này cũng cần được thực hiện tại nước của người đó, thủ tục khai báo khác nhau đối với từng nước, do đó xin hãy liên hệ đến Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán của nước đó tại Nhật để biết thêm chi tiết. (phụ lục IX-5)

(*) Địa chỉ gửi trả 135-0064 2-7-11, Oume, Koutou- Ku, TOKYO, Tokyo Kou-wan gou-dou
Chou-sha, 9 F,

Tokyo Shutsu Nyukoku Zairyu Kanri Kyoku, Odaiba Bunshitsu

2. Mai táng

Tại Osaka do tình hình mật độ dân cư đông đúc nên hầu như không có nghĩa trang nào nhận việc chôn cất. Nếu không muốn hỏa táng vì lý do tôn giáo hay tập quán cần phải tìm nơi mai táng hoặc chuyển thi thể về nước đều phải liên lạc và hỏi thêm chi tiết với Lãnh sự quán v.v.. của nước mình (phụ lục IX-5)

[Return to Top](#)

V Giao thông

V-1 Phương tiện giao thông

1. Xe điện (JR / xe điện tư nhân / tàu điện ngầm)

Vé lên tàu có thể mua tại các máy bán vé tự động. Phải xem trước tiền vé ở bảng giá vé ga cần đến rồi mới mua vé. Khi mua nhầm thì có thể nhờ nhân viên đổi lại vé trước khi vào bên trong. Ngoài ra còn có những dịch vụ như bên dưới:

- Thẻ ICOCA: trước khi đi xe điện JR, khi nạp tiền vào thẻ ICOCA thì có thể dùng thẻ đi tàu điện và xe buýt có gắn tem IC và cũng có thể dùng thẻ này đi trong hệ thống dùng thẻ Pitapa.
- Thẻ PITAPA: thẻ IC loại thanh toán qua thẻ tín dụng có thể sử dụng cho xe buýt (chỉ riêng xe có tem PITAPA), tàu điện, tàu điện ngầm tại vùng Kansai.
- Vé tháng, vé đi theo lần: nếu mua trước trong cùng khu vực nhất định thì sẽ được giảm giá. Vé đi theo lần gồm một bộ 11 vé, vé tháng có loại 1 tháng, loại 3 tháng, loại 6 tháng. (bảng đồ tuyến xe điện Osaka)

2. Xe buýt theo tuyến

Xe buýt theo tuyến không có người hướng dẫn nên trước khi lên xe chú ý kiểm tra chính xác nơi cần đến. Tuyến đi của xe buýt được viết trên cửa sổ trước và cửa sổ sau của xe. Có thể cước phí phụ thuộc vào cự ly đi xa hay gần, có thể không đổi trong suốt chuyến đi. Trong trường hợp cước phí thay đổi, khi lên xe phải lấy phiếu ghi số. Đối chiếu phiếu đó và bảng giá vé để biết cước phí, khi trả tiền cho vào hộp đựng tiền khi xuống xe. Nên chuẩn bị trước tiền lẻ. Khi muốn xuống xe, sau khi có tiếng thông báo ga cần dừng thì ấn nút báo hiệu cho người lái xe.

3. Taxi

Khi muốn gọi taxi, đứng nơi taxi dễ dừng, giơ tay khi thấy trước xe vừa có đèn đỏ vừa hiện chữ "Xe trống" . Trước nhà ga xe điện thường có bến xe taxi. Khi lên xe thì phải nói rõ nơi đến cho tài xế. Nếu có giấy ghi địa chỉ nơi cần đến hay bản đồ thì rất thuận tiện. Cước phí được tính theo thời gian và khoảng cách. Chú ý có trường hợp tài xế taxi không có tiền trả lại khi nhận tờ 5.000 yên hay tờ 10.000 yên

4. Đồ để quên trên các phương tiện giao thông

Liên lạc để xác nhận vật để quên và nhận lại qua các nơi sau :

- | | |
|--|--|
| ① Trung tâm chăm sóc khách hàng JR-Nishi-Nihon | ☎ 0570-00-2486 (Tiếng Nhật)
Từ 6:00 đến 23:00 hằng ngày |
| ② Xe điện ngầm (Osaka Metro) | ☎ 0570-6666-24 (Tiếng Nhật)
Từ 8:30 đến 20:00 hằng ngày |
| ③ Xe buýt Osaka City Bus | Liên hệ các Phòng kinh doanh xe buýt |
| ④ Taxi (Trung tâm taxi Osaka) | ☎ 06-6933-5618/9 (Tiếng Nhật)
(Từ 9:00 đến 17:00 từ thứ hai đến thứ sáu)
(Từ 9:00 đến 12:00 thứ bảy) |

[Return to Top](#)

V-2 Xe đạp

1. Mua xe đạp

Xe đạp có thể mua ở cửa hàng xe đạp, cửa hàng bán đồ gia dụng. Ngay lúc mua phải đăng ký chống mất cắp, lệ phí cho mỗi chiếc là 600 yên.

2. Cách để xe đạp

Không nên để xe cản trở sự đi lại của người khác như trên vỉa hè. Đặc biệt là chung quanh các nhà ga, có những khu vực cấm để xe đạp theo điều lệ. Nếu để xe ở những khu vực cấm sẽ làm cản trở cho người cao tuổi, người khiếm thị khi họ ra vào nhà ga.

Nếu để xe trái qui định sẽ bị mang xe đi đến nơi giữ xe đạp. Khi bị chuyển, nếu bạn không nộp lệ phí bảo quản và chi phí di chuyển thì bạn sẽ không được nhận lại xe, xe bị thu và sẽ được bảo quản trong một thời gian, trong khoảng thời gian đó hãy đến nhận xe. Trong trường hợp xe đạp bị thu, nên liên lạc đến các tòa hành chính thành phố, quận, huyện, xã thông báo về thời gian, địa điểm bị di chuyển thì sẽ biết được phí, thời gian và nơi nhận lại xe. (phụ lục IX-1)

3. Khi xe bị mất cắp

Nếu bị mất cắp xe đạp, hãy báo ngay đồn cảnh sát nơi gần nhất. Khi tìm ra xe đạp bị mất cắp, cảnh sát sẽ liên lạc với bạn, cho nên hãy viết tên địa chỉ và dán vào xe đạp.

4. Dừng nhật xe đạp

Cho dù xe đạp được vất bỏ, có thể là người nào đó đã ăn cắp rồi vất bỏ. Trong trường hợp xe đạp được báo mất, nếu đi xe đạp đó sẽ bị phiền phức, do đó không nên nhật xe đạp.

5. Luật lệ giao thông

Nguyên tắc đi xe đạp phải đi trên đường xe ô tô. Theo luật lệ đường bộ thì xe đạp phải chạy theo bên trái của đường xe ô tô. Phải tuân thủ tín hiệu giao thông giống xe ô tô. Cấm chạy xe đạp khi uống rượu bia và chở người ngồi sau xe đạp, mỗi xe đạp chỉ dùng cho 1 người duy nhất. (Tuy nhiên, thiếu niên trên 16 tuổi có thể chở một (01) trẻ em dưới 6 tuổi bằng ghế chuyên dụng chở trẻ em)

Nguyên tắc là xe đạp không đi được trên vỉa hè nếu không có bảng cho phép đi, nhưng trường hợp đi đường xe ô tô nguy hiểm thì có thể đi được trên vỉa hè, lúc đó phải đi bên đường xe ô tô. Nếu cảm thấy cản trở người đi bộ thì hãy dùng xe hoặc xuống xe.

Ban đêm khi đi xe đạp phải bật đèn. Tại Phủ Osaka, nghiêm cấm vừa sử dụng điện thoại di động vừa chạy xe đạp.

Theo Quy định về xe đạp của Phủ Osaka có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2016, quy định tất cả người sử dụng xe đạp trong Phủ Osaka phải tham gia Bảo hiểm bồi thường thiệt hại dành cho xe đạp.

[Return to Top](#)

V-3 Bằng lái xe

Tại Nhật, cần phải có bằng lái khi lái xe máy hay ô tô. Khi lái xe phải đem theo bằng lái và giấy chứng nhận kiểm tra xe phải để trong xe.

1. Bằng lái quốc tế

Những bằng lái được cấp tại các nước đã ký hiệp ước Genève thì có thể sử dụng tại Nhật. Tuy nhiên bằng lái này chỉ có hiệu lực thời gian ngắn hơn từ khi vào Nhật 1 năm hoặc thời hạn của bằng lái quốc tế. Thủ tục xin gia hạn của bằng lái quốc tế không làm được ở Nhật. Nếu bạn sống ở Nhật trên 1 năm thì bạn hãy làm thủ tục đổi bằng lái xe của Nhật.

2. Đổi bằng lái xe nước ngoài

Trong trường hợp bạn có bằng lái nước ngoài còn có hiệu lực và bạn đã cư trú ở nước đó tổng cộng trên 3 tháng từ khi lấy bằng lái (cần giấy tờ chứng minh như : dấu đóng xuất nhập trong hộ chiếu, giấy chứng minh thời gian lưu trú v.v...), nếu được như vậy khi thi lấy bằng lái xe bạn sẽ được miễn một số môn. Và bằng lái được đổi có giá trị tương đương với bằng lái tại nước đó.

Có thể đăng ký tại các uỷ ban công an tại nơi đang cư trú (hoặc đang ở). Nếu là Osaka sẽ có 2 trường thi lấy bằng lái xe là Kadoma và Komyoike. Làm thủ tục qua kiểm tra hồ sơ và các câu hỏi qua đôi thoại, sau đó thi các kiến thức cơ bản về kỹ năng và các kiến thức cơ bản khi lái xe. Nếu không có vấn đề gì sẽ được miễn một số môn thi (thi viết, thi kỹ năng).

Các giấy tờ cần thiết :

1. Bằng lái xe nước ngoài (nếu không ghi rõ ngày cấp thì phải có giấy tờ chứng minh lai lịch của bằng lái)
2. Bản sao cả 2 mặt phải/trái của bằng lái xe nước ngoài
3. Bản dịch ra tiếng Nhật chính thức của bằng lái nước ngoài (do lãnh sự quán tại Nhật dịch hay Hiệp hội xe ô tô Nhật Bản JAF dịch)
<Hiệp hội ô tô Nhật JAF trụ sở Kansai chi nhánh Osaka ☎ 072-645-1300>
4. Hộ chiếu (nếu đã đổi hộ chiếu mới thì cần mang theo cả hộ chiếu cũ)
5. Bản sao hộ chiếu
6. Bản sao phiếu cư trú có ghi rõ quốc tịch (Trong trường hợp không được áp dụng trong luật về sổ đăng lưu trú cơ bản, thì có thể nộp hộ chiếu hoặc hồ sơ chứng minh đang lưu trú ở địa chỉ như trong đơn đăng ký xin cấp bằng lái xe)
7. 1 tấm ảnh 3x2.4cm (chụp trong 6 tháng gần đây, chiều cao 3cm×chiều ngang 2,4cm, không đội mũ, nhìn thẳng phía trước, chụp phần trên ngực, phong hình nền phía sau không có hoa văn)
8. Dụng cụ viết (bút bi màu xanh hoặc màu đen)
9. Lệ phí

Ngoài các giấy tờ trên, có thể phát sinh giấy tờ cần thiết khác.

Bài thi kiểm tra kiến thức lý thuyết có thể làm bằng tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Hàn Quốc-Tiếng Triều Tiên, tiếng Trung Quốc, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Ba Tư, tiếng Nga, Tiếng Tagalog, tiếng Thái, tiếng Việt. Để biết thêm chi tiết xin liên hệ với 2 hội trường thi lấy bằng lái xe Kadoma và Komyoike.

3. Lấy bằng lái xe đầu tiên ở Nhật Bản

Lấy bằng lái xe mới ở Nhật có 2 cách sau:

- Tại hội trường thi lấy bằng lái xe thi 3 môn : kiểm tra năng khiếu, thi lý thuyết và thi thực hành. Sau khi thi đậu sẽ có một buổi học để lấy bằng lái xe. Thi lý thuyết có thể chọn thi bằng tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Bồ Đào Nha.
- Nếu bạn đi học ở trường dạy lái xe, thi kỹ năng đậu và tốt nghiệp trường tại trường, thì sau khi tốt nghiệp tại hội trường thi bằng lái bạn sẽ được đỡ đạt thi kiểm tra năng khiếu, thi lý thuyết. Lệ

phí của trường dạy lái xe tầm 20 đến 30 vạn yên.

Hội Trường thi lấy bằng lái xe

Hội trường thi lấy bằng lái xe Kadoma.

23-16 Ichibancho, Kadoma-shi

- Đi bằng tàu Keihan đến ga “Furu-kawa-bashi”, rồi đi xe buýt Keihan xuống trạm “Menkyo-Shikenjo”
- Hay đi bằng tàu Keihan đến ga “Furukawabashi”, rồi đi bộ khoảng 20 phút (khoảng 1,5 km)

☎ 06-6908-9121

Hội trường thi lấy bằng lái xe Komyoike

5-13-1 Fuseyacho, Izumi-shi

Từ ga “Komyoike” đường sắt Senboku Kosoku đi bộ khoảng 5 phút (khoảng 400 mét)

☎ 0725-56-1881

4. Phiên dịch bằng lái xe nước ngoài

Hiệp hội ô tô Nhật Bản (JAF) có dịch vụ phiên dịch bằng lái xe nước ngoài mất phí. Có lúc có nhân viên nói được tiếng Anh. Khi yêu cầu dịch thì các giấy tờ chứng minh cần thiết là bằng lái xe còn thời hạn hiệu lực.

Hiệp hội ô tô Nhật Bản JAF trụ sở Kansai chi nhánh Osaka

Địa chỉ :

2-1-5 Nakahozumi Ibaraki-shi

(Từ ga xe điện JR Ibaraki đi bộ mất khoảng 19 phút)

☎ 072-645-1300

[URL https://jaf.or.jp/common/visitor-procedures/switch-to-japanese-license](https://jaf.or.jp/common/visitor-procedures/switch-to-japanese-license)

5. Luật lệ lái xe ở Nhật

JAF có bán sách Luật giao thông (Rules of the road) ở Nhật bằng tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Trung Quốc.

[URL https://jaf.or.jp/common/visitor-procedures/rules-of-the-road](https://jaf.or.jp/common/visitor-procedures/rules-of-the-road)

[Return to Top](#)

V-4 **Biển hiệu và chữ hán hay được nhìn thấy ngoài đường** 〈Tòa nhà〉

いりぐち
入口

Cửa vào tòa nhà hay vào nơi công cộng

でぐち
出口

Cửa ra tòa nhà hay ra khỏi nơi công cộng

ひじょうぐち
非常口

Cửa thoát trong trường hợp khẩn cấp, hỏa hoạn

かいほうげんきん
開放厳禁

Cấm không được để cửa mở

〈Giao thông. Đường xá〉

ちゅうりんじょう
駐輪場

Nơi để xe đạp

ちゅうしゃきんし
駐車禁止

ちゅうしゃ ことわ
駐車お断り

Không được đậu xe

〈Nhà vệ sinh〉

こうしゅうべんじょ
公衆便所

Nhà vệ sinh công cộng

けしやうしつ
化粧室

べんじょ
便所

てあら
お手洗い

Tất cả đều có ý nghĩa là nhà vệ sinh

おとこ
男

とのがた
殿方

Nam giới

おんな
女

ふじん
婦人

Nữ giới

〈Ngoài ra〉

こうじちゅう
工事中

Tòa nhà, đường xá đang sửa chữa

しょうかき
消火器

Dụng cụ chữa cháy khi xảy ra hỏa hoạn

きんえん
禁煙

Không được hút thuốc

たちいりきんし
立入禁止

Cấm vào

きけん
危険

Nguy hiểm

ひなんじょ
避難所

Nơi lánh nạn khi có động đất hay bão

[Return to Top](#)

VI Mang thai / sinh con / nuôi con / giáo dục

VI-1 Mang thai / sinh con

1. Khi mang thai

Trong trường hợp dự định sinh con, bạn hãy đến khai báo ở tòa hành chính thành phố, huyện, xã để nhận được sổ sức khỏe mẹ con. Sổ này rất quan trọng bạn sẽ được ghi lại tình trạng sức khỏe mẹ con từ khi mang thai đến khi con được 7 tuổi. Trong 7 năm sẽ được ghi lịch tiêm ngừa. Tùy theo từng địa phương có nơi phát hành sổ sức khỏe mẹ con riêng sổ bằng tiếng nước ngoài.

Sổ sức khỏe mẹ con có bản dịch tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Hàn Quốc – tiếng Triều Tiên, tiếng Thái, tiếng Indonexia, tiếng Philippine, tiếng Việt (phát hành của Pháp đoàn công ích hội nghiên cứu vệ sinh sức khỏe mẹ và con) được bán theo hình thức qua mạng internet.

Muốn biết thêm chi tiết xin liên hệ với:

Pháp đoàn công ích hội nghiên cứu vệ sinh sức khỏe mẹ và con

URL <https://www.mcfh.or.jp>

Điện thoại trụ sở chính ☎03-4334-1151 Văn phòng phía Tây Nhật Bản ☎06-6941-4651

2. Chi phí

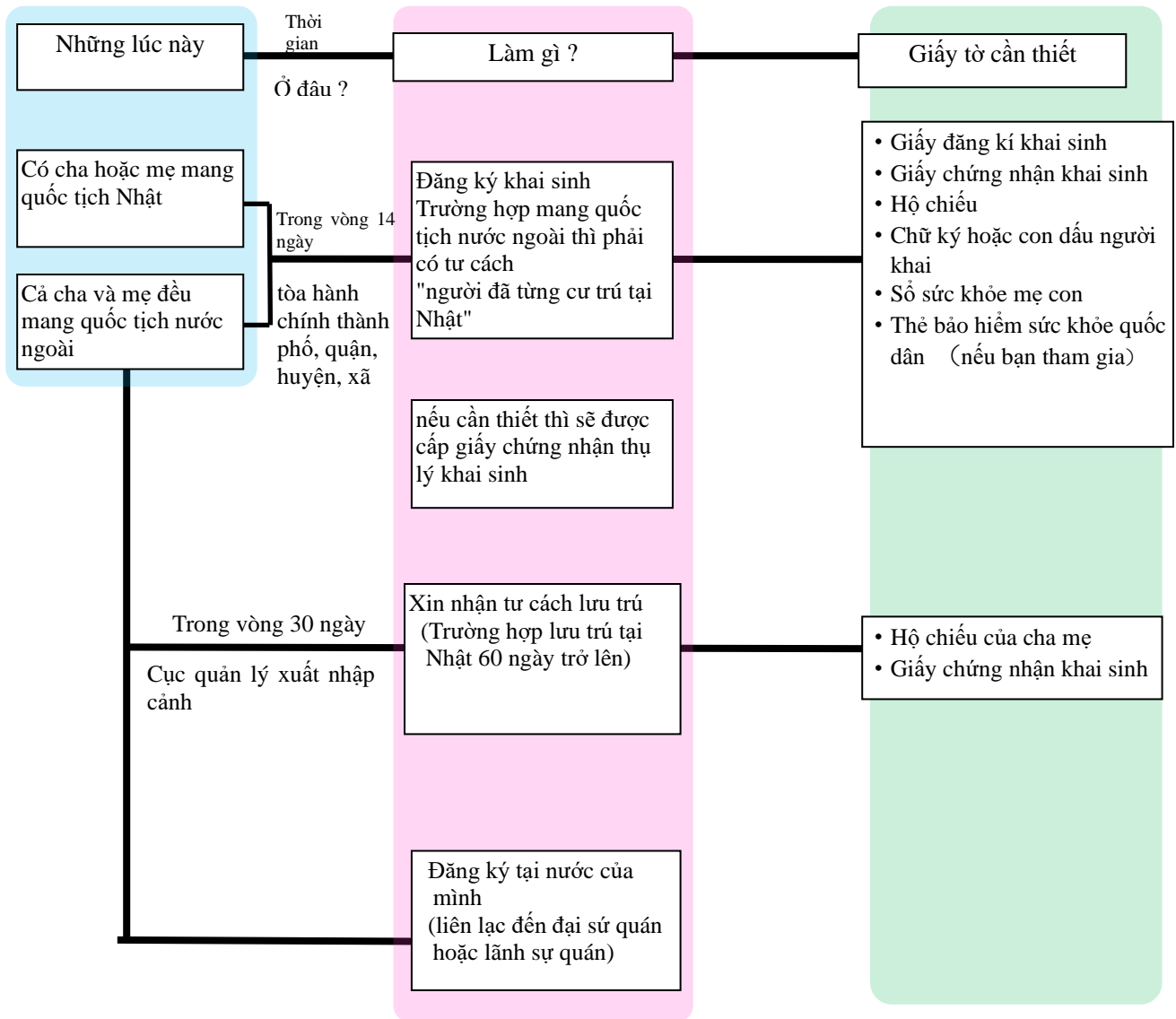
Thông thường việc mang thai và sinh con không được xem như một loại bệnh nên sẽ không được bảo hiểm y tế chi trả. Thay vào đó bạn sẽ được cấp một số tiền nhất định (khoảng 500,000 yên). Ở Nhật Bản việc nhập viện sinh con thông thường mất khoảng 4,5 ngày, chi phí mất khoảng từ 400,000 yên đến 500,000 yên. Tuy nhiên tùy bệnh viện chi phí này sẽ khác nhau, xin chú ý các vấn đề này. Khi áp dụng chế độ nhận Tiền trợ cấp bảo hiểm sinh con nuôi con và chi trả trực tiếp cho bệnh viện, thì có thể không cần trả trước cho bệnh viện các khoản chi phí cao khi sinh con. Nếu là bảo hiểm sức khỏe quốc dân xin hỏi tòa hành chính thành phố để biết về việc chi trả phí sinh con. (phụ lục IX-1)

Trường hợp vì lí do kinh tế không thể nhập viện để sinh con, sản phụ có thể đến những cơ sở hỗ trợ sinh con và xin được tài trợ kinh phí sinh con. Để biết thêm chi tiết xin liên hệ ban phúc lợi xã hội tại tòa hành chính thành phố, quận, huyện, xã hoặc trung tâm bảo hiểm phúc lợi. Tùy theo mức thu nhập của cá nhân sẽ có trường hợp phải trả chi phí.

3. Hỗ trợ trong khi mang thai

Trong khi mang thai, trong 1 khoảng thời gian nhất định phải đi khám định kì tại bệnh viện. Ngoài ra tùy theo từng thành phố, huyện, xã còn có chính sách hỗ trợ miễn phí việc khám sức khỏe cho sản phụ. Xin liên hệ đến tòa hành chính thành phố, quận, huyện, xã hoặc trung tâm sức khỏe của thành phố, huyện, xã để biết thêm chi tiết. (phụ lục IX-3)

4. Sinh sản



(1) Đăng ký khai sinh

Khi sinh con, nhờ bác sĩ hoặc y tá phụ trách lập giấy khai sinh. Trường hợp cả cha và mẹ đều là người nước ngoài nhưng sinh con tại Nhật thì cũng phải đăng ký khai sinh cho con tại tòa hành chính thành phố, quận, huyện, xã trong vòng 14 ngày sau khi sinh. Qua đó mới có được tư cách “Người từng cư trú sinh con tại Nhật”. Con mang quốc tịch nước ngoài sẽ được cấp “Giấy chứng nhận đơn thụ lý khai sinh” tại tòa hành chính thành phố, quận, huyện, xã. Xin liên hệ đến đại sứ quán hoặc lãnh sự quán của nước con mang quốc tịch tại Nhật để hoàn tất thủ tục đăng ký.

(2) Trường hợp con không mang quốc tịch Nhật Bản

Khi cha mẹ đều mang quốc tịch nước ngoài và sinh con ra cũng không mang quốc tịch Nhật Bản, bạn phải tiến hành xin “lấy tư cách lưu trú” cho con trong vòng 30 ngày sau khi sinh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh.

[Return to Top](#)

VI-2 Nhà trẻ

1. Nhà trẻ ở Nhật

Ở Nhật bản có các loại nhà trẻ sau :

- 1) Nhà trẻ được cơ quan hành chính công nhận. (dành cho trẻ sơ sinh được cơ quan hành chính công nhận cha mẹ vì do công việc không có khả năng trông con)
- 2) Những cơ sở giữ trẻ không được cấp phép nhưng tự hoạt động độc lập
- 3) Những nhà trẻ tư nhân.

Những nhà trẻ được công nhận có cả công lập và tư lập. Cơ bản không có nhà trẻ nhận giữ sớm, muộn, giữ qua đêm hay giữ trẻ ngày chủ nhật, ngày lễ..

Đăng ký nhà trẻ, theo nguyên tắc được tiến hành tại tòa hành chính thành phố, huyện, xã mà bạn đang cư trú và trẻ con sẽ được nhận vào nhà trẻ trong khu vực đó. Hãy liên hệ đến ban phụ trách nhà trẻ tại tòa hành chính thành phố, huyện, xã để biết những chi tiết liên quan khi đăng ký nhà trẻ như lệ phí, thời gian trông giữ v.v..

Ngoài ra, còn có nhà trẻ được công nhận có chương trình dạy học và giữ trẻ. Điều kiện nhập học không xét duyệt phụ huynh có đi làm hay không, vẫn cũng có thể gửi trẻ được. Nhà trẻ loại này nhận giữ trẻ từ 0 tuổi đến trước khi nhập học cấp 1. Chi tiết vui lòng liên hệ trực tiếp các nhà trẻ hoặc Ban phụ trách nhà trẻ tại tòa hành chính thành phố, huyện, xã.

2. Dịch vụ nhà trẻ tư nhân

Nhà trẻ tư nhân có nhiều hình thức hoạt động. như nhà trẻ do phụ huynh có con trẻ mở ra, nhà trẻ do công ty tư nhân kinh doanh. Có cả những dịch vụ giữ trẻ qua đêm, giữ trẻ trong ngày nghỉ, hoặc dịch vụ phái cử đến chăm sóc trẻ tại nhà. Việc đăng ký phải tiến hành nộp cho doanh nghiệp kinh doanh nhà trẻ mà bạn mong muốn. Đương nhiên bạn có thể đăng ký ở những khu vực khác không nằm trong địa bàn của mình cũng được. Về các dịch vụ này xin liên hệ trực tiếp với từng nhà trẻ để biết thêm chi tiết.

3. Trung tâm trợ giúp gia đình (Family support center)

Tùy theo từng thành phố, quận, huyện, xã có thể có trung tâm trợ giúp cho gia đình. Cùng là hội viên với nhau có thể giúp nhau trông nom con trẻ trong thời gian ngắn, giữ trẻ trước và sau thời gian nhà trẻ mở và đóng cửa, nhận đưa đón con trẻ đến nhà trẻ hay về nhà , trong những trường hợp phụ huynh bận đột xuất có thể nhận giữ trẻ giúp. Xin liên hệ tòa hành chính thành phố, quận, huyện, xã để biết thêm chi tiết. (phụ lục IX-1)

4. Chế độ miễn học phí cho giáo dục mầm non

Từ tháng 10 năm 2019, những trẻ em trong độ tuổi từ 3 đến 5 tuổi đang học ở những nhà trẻ, trường mẫu giáo được cơ quan hành chính công nhận, những trẻ em từ 0 tuổi đến 2 tuổi của tất cả những hộ gia đình được miễn thuế cư trú đều được miễn phí. Đối với trường mẫu giáo số tiền học phí đối đa hàng tháng là 25,700 yên. Tiền đưa đón, tiền ăn, phí lễ hội... vẫn do phụ huynh chi trả (có trường hợp ngoại lệ). Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với Ủy ban hành chính thành phố, quận, huyện, xã mà bạn đang cư trú để biết thêm chi tiết. (phụ lục IX-1)

5. Chế độ trợ cấp nhi đồng

Chế độ trợ cấp nhi đồng sẽ cấp cho người nuôi dưỡng trẻ đến 15 tuổi và được tính đến ngày 31 tháng 3 (trước khi tốt nghiệp Trung học cơ sở). Tuy nhiên nếu thu nhập vượt định mức sẽ không được cấp Trợ cấp nhi đồng, thay vào đó sẽ hỗ trợ đặc biệt 5,000 yen/ tháng/ trẻ em. Hãy liên hệ với Ủy ban hành chính thành phố, quận, huyện, xã mà bạn đang cư trú để biết thêm chi tiết. (phụ lục IX-1)

[Return to Top](#)

VI-3 Chăm sóc sức khỏe và y tế cho trẻ sơ sinh

1. Y tế cho trẻ em

Tiêu chuẩn y tế dành cho trẻ em của Nhật rất cao, tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh Nhật cũng thấp nhất thế giới. Có nhiều bệnh viện chuyên môn dành cho trẻ em, nhưng trước hết hãy liên lạc đến bệnh viện nhi khoa gần nơi ở nhất.

2. Tiêm ngừa

Tiêm ngừa cho trẻ sơ sinh được căn cứ theo bảng dưới đây. Lịch tiêm ngừa do tòa hành chính thành phố, huyện, xã qui định. Nếu đủ điều kiện, theo nguyên tắc phần lớn việc tiêm ngừa là miễn phí. Những ghi chú cần thiết đều được ghi trên sổ sức khỏe mẹ con. Hãy liên hệ với các trung tâm sức khỏe tại tòa hành chính thành phố, huyện, xã để biết thêm chi tiết. (phụ lục IX-3)

Bảng danh sách tiêm ngừa

Tên loại tiêm ngừa	Đối tượng tiêm ngừa
Chủng ngừa 3 loại (Bệnh bạch hầu, ho gà, uốn ván)	Sau khi sinh từ 3 tháng đến dưới 90 tháng
Chủng ngừa 2 loại (Bệnh bạch hầu, uốn ván) + Bệnh bại liệt	Từ 11 tuổi đến dưới 13 tuổi
BCG	Dưới 1 tuổi
MR2 chủng ngừa 2 loại (sởi, sởi truyền nhiễm)	Sau khi sinh từ 12 đến dưới 24 tháng (lần 1) Từ 5 đến dưới 7 tuổi, trước khi nhập học tiểu học.(lần 2)
Viêm não Nhật Bản	Sau khi sinh từ 6 tháng đến dưới 90 tháng (lần 1) Từ 9 tuổi đến dưới 13 tuổi (lần 2)
Viêm phổi do vi trùng trẻ em	<ul style="list-style-type: none">• Tiêm lần đầu sau sanh 2 tháng đến dưới 7 tháng tuổi: →tiêm 4 lần• Tiêm lần đầu sau sanh 7 tháng đến dưới 1 tuổi: →tiêm 3 lần• Tiêm lần đầu trên 1 tuổi đến dưới 2 tuổi: →tiêm 2 lần• Tiêm lần đầu trên 2 tuổi đến dưới 5 tuổi: →tiêm 1 lần
Virus Cúm nhóm B (Hib)	<ul style="list-style-type: none">• Tiêm lần đầu sau sanh 2 tháng đến dưới 7 tháng tuổi: →tiêm 4 lần• Tiêm lần đầu sau sanh 7 tháng đến dưới 1 tuổi: →tiêm 3 lần• Tiêm lần đầu trên 1 tuổi đến dưới 5 tuổi: →tiêm 1 lần
HPV (ngừa ung thư cổ tử cung)	Từ thời điểm tròn 12 tuổi đến dưới 16 tuổi
Bệnh Thủy đậu (trái rạ)	Từ 1 tuổi đến dưới 3 tuổi
Viêm gan siêu vi B	Từ sau khi sinh đến dưới 1 tuổi

- ※1 Thời gian tiêm ngừa thực tế khác nhau giữa các thành phố, huyện, xã. Xin tham khảo trong sổ mẹ con, hoặc liên hệ trực tiếp đến trung tâm sức khỏe thành phố, huyện, xã để biết thêm chi tiết. (phụ lục IX-3)
- ※2 Ngoài những tiêm ngừa này có thêm những tiêm ngừa khác có thu phí như cúm, bệnh quai bị v.v... Xin tư vấn cụ thể với các cơ quan y tế bạn thường đi khám.

3. Khám sức khỏe

Trẻ em được khám sức khỏe miễn phí tại Ủy ban hành chính thành phố, huyện, xã. Thời gian và thủ tục tiến hành có khác nhau giữa các thành phố, huyện, xã, hãy liên hệ đến trung tâm sức khỏe để

biết thêm chi tiết. Thông thường, giấy báo khám sức khỏe sẽ được gửi đến nhà bạn qua đường bưu điện.

4. Phí chăm sóc y tế cho trẻ sơ sinh

1) Phí hỗ trợ chăm sóc y tế cho trẻ sơ sinh.

Phí chăm sóc y tế cho trẻ sơ sinh được trả từ bảo hiểm của người nuôi dưỡng. Thông thường phí phải trả là 20% tổng chi phí.

Tùy theo từng thành phố, huyện, xã, có thể có chính sách hỗ trợ một phần phí chăm sóc y tế cho trẻ sơ sinh. Hãy liên hệ đến quầy chăm sóc phúc lợi nhi đồng, quầy vệ sinh sức khỏe hoặc quầy bảo hiểm sức khỏe quốc dân tại tòa hành chính thành phố, huyện, xã, để biết thêm chi tiết. (phụ lục IX-1)

2) Những khoản hỗ trợ khác

Trẻ sinh thiếu tháng, trẻ bị tàn tật hoặc bị những bệnh mãn tính được hưởng chế độ chăm sóc sức khỏe y tế từ chi phí nhà nước. Hãy liên hệ đến cơ sở y tế hoặc cơ sở phúc lợi để biết thêm chi tiết. (phụ lục IX-1)

[Return to Top](#)

VI-4 Hệ thống giáo dục của Nhật Bản

1. Giáo dục bắt buộc

Hệ thống giáo dục của Nhật là bắt buộc đối với học sinh từ cấp 1 đến cấp 2 bao gồm 9 năm. Trong khoảng thời gian này chi phí học tập và sách giáo khoa được miễn phí hoàn toàn. Học sinh có thể học ở trường học công lập theo chỉ định. Ngoài chi phí sách giáo khoa như nói trên, những chi phí phụ khác và chi phí du lịch ở trường thì gia đình phải chi trả..

<Lịch 1 năm học>

Tháng 4	Khai giảng, bắt đầu năm học mới
Từ cuối tháng 7 đến cuối tháng 8	Nghỉ Hè
Cuối năm đầu năm	Nghỉ Đông (khoảng 2 tuần)
Tháng 3	Kết thúc năm học – Nghỉ Xuân

Trẻ em mang quốc tịch Nhật Bản trên toàn quốc sẽ được ủy ban giáo dục địa phương gửi giấy báo nhập học qua đường bưu điện, sau khi nhận giấy này trẻ em sẽ đến trường ghi trong giấy báo bắt đầu việc học.

Trẻ em mang quốc tịch nước ngoài nếu muốn vào trường cấp 1, cấp 2 công lập thì hãy làm đơn xin ủy ban giáo dục tại nơi bạn cư trú để được nhập học (trường hợp mới nhập học). Nếu là trẻ con đã đến tuổi đi học và có cha mẹ đã đăng ký lưu trú trong khu vực Phủ Osaka từ trước, sẽ được ủy ban giáo dục gửi thông báo nhập học đến, cần điền những thông tin cần thiết để nhập học. Học sinh nhập học giữa chừng cũng được nhận vào học, cần tư vấn cụ thể với ủy ban giáo dục để tiến hành việc nhập học.

Ngoài ra còn có hệ thống trường tư, những trường này thường phải tốn chi phí. Hầu hết những trường này đều có thi tuyển đầu vào, xin liên hệ chi tiết đến từng trường cụ thể để biết thủ tục nhập học.

2. Sau những năm giáo dục bắt buộc

Sau khi hoàn tất giáo dục bắt buộc sẽ tiếp tục học lên cấp 3. Ở trường cấp 3 phổ thông, ngoài việc học những môn kiến thức phổ thông còn học thêm những môn nhằm nâng cao kiến thức, chủ yếu là học kiến thức chuyên môn như công nghiệp v.v...

Điều kiện nhập học cấp 3 nếu muốn vào trường cấp 3 của phủ lập hay thành phố thì xin liên hệ với ban giáo dục cấp 3 của phủ hay thành phố. Còn muốn vào trường cấp 3 dân lập thì xin hãy liên hệ trực tiếp đến từng trường.

Có chế độ hỗ trợ học phí như: “Chế độ hỗ trợ học phí cho học sinh trường cấp 3” của Chính phủ, hoặc “Chế độ hỗ trợ học phí cho học sinh trường cấp 3 dân lập” của Phủ Osaka. Phụ huynh có mức thu nhập dưới mức quy định của chế độ, sẽ được miễn tiền học phí ở các trường cấp 3 công lập và dân lập.

3. Hỗ trợ sinh hoạt cho học sinh / nhi đồng.

Sở giáo dục Phủ Osaka có thành lập trang web hỗ trợ cho học sinh-nhi đồng nước ngoài tên là “Hỗ trợ sinh hoạt cho học sinh / nhi đồng khi đến Nhật và về nước.”

URL <https://www.pref.osaka.lg.jp/shochugakko/kikokutoniti-sapo/>

Nội dung : Nhập học, hướng nghiệp.

Ngôn ngữ sử dụng : Tiếng Nhật, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc- Tiếng Tiên, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Việt Nam, tiếng Anh, tiếng Indonesia, tiếng Philippines, tiếng Thái Lan, tiếng Nga, tiếng Nê Pan, tiếng Urudu, tiếng Arập, tiếng Malaysia.

4. Cơm hộp

Nếu ở những trường Trung học cơ sở không cung cấp bữa trưa, học sinh thường mang theo cơm hộp từ nhà. Cơm hộp được gọi là “bento”. Nếu không làm bento, học sinh có thể mua bánh mì trong trường hoặc mua bento rồi mang đi cũng được. Xin chú ý ở mỗi trường có những qui định khác nhau, hãy hỏi ý kiến giáo viên trước để biết chi tiết.

5. Chế độ hỗ trợ học tập

Trong các năm học giáo dục bắt buộc, có chế độ hỗ trợ cho các học sinh có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Hỗ trợ về sinh hoạt phí cần thiết trong cuộc sống như đi du lịch để học hỏi, phí hoạt động ngoài trường học, dụng cụ học tập v.v...Xin liên hệ với trường học hoặc Ủy ban giáo dục thành phố phường xã để biết thêm chi tiết.

[Return to Top](#)

VII Thông tin / liên lạc

VII-1 Điện thoại

1. Đăng ký lắp đặt điện thoại bàn

Khi muốn xin lắp đặt điện thoại tại nhà, xin vui lòng liên lạc với NTT từ điện thoại công cộng bằng cách gọi số 116 (tiếng Nhật), và gọi số 0800-2000-116 từ điện thoại di động. Cũng có thể đăng ký được từ website. Khi đăng ký cần giấy tờ tùy thân (hộ chiếu hay thẻ lưu trú) và cần phải trả trước một khoản tiền.

《Tiền trả trước》

(tiền thuế tính riêng)

	Tiền hợp đồng	Tiền thi công đường dây	Phí lắp đặt	Tổng số tiền	
Hòa mạng điện thoại (Mua quyền hòa mạng)	880 yên	39,600 yên	Được miễn giảm	<u>40,480 yên</u>	Trường hợp sử dụng trong thời gian dài (tiền thuê bao mỗi tháng sẽ rẻ hơn)
Hòa mạng điện thoại/ Gói cước light plan (thuê quyền hòa mạng)	880 yên	Được miễn giảm	2,200 yên	<u>3,080 yên</u>	Trường hợp sử dụng trong thời gian ngắn (tiền hòa mạng sẽ rẻ hơn)

2. Cách trả cước phí

Tiền cước mỗi tháng bao gồm tiền thuê bao và tiền gọi điện thoại.

Mỗi tháng xin cầm theo hóa đơn được gửi theo đường bưu điện đến ngân hàng, bưu điện hoặc cửa hàng tiện lợi 24 giờ gần nhất để thanh toán tiền cước. Hay cũng có thể đăng ký thanh toán bằng thẻ tín dụng hoặc chuyển khoản. Trong trường hợp không thanh toán cước phí, việc sử dụng có thể bị tạm ngưng.

3. Tư vấn / Dịch vụ qua điện thoại

Mọi chi tiết về việc xin lắp đặt điện thoại, tiền cước hoặc những dịch vụ khác xin vui lòng liên hệ với NTT phía tây Nhật Bản. [URL https://www.ntt-west.co.jp/](https://www.ntt-west.co.jp/)

	Số điện thoại	Thời gian làm việc
NTT West Information (Tổng đài tư vấn bằng tiếng nước ngoài)	0120-064-337	Từ thứ 2 đến thứ 6: 9:00~17:00 Ngôn ngữ tư vấn: tiếng Anh, tiếng Hàn Quốc, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Trung Quốc.
Đăng ký các loại dịch vụ như lắp đặt điện thoại mới, di chuyển v.v..	116 (Từ di động) 0800-2000-116	9:00~17:00 ※ Thứ 7, chủ nhật và ngày lễ cũng làm việc
Điện thoại bị hư hỏng	113 (Từ di động) 0120-444-113	24/24 (nhận thông báo bằng hệ thống ghi âm lời nhắn)
Hướng dẫn số điện thoại (có tính cước)	104	24/24
Trường hợp muốn thông báo khi xảy ra thiên tai	171	Khi có thiên tai xảy ra

[Return to Top](#)

VII-2 Điện thoại di động

Có thể đăng ký tại cửa hàng điện thoại di động, đại lý bán hàng (cửa hàng đồ điện). Nếu là thuê bao mới thì khi đăng ký cần phải có giấy tờ tùy thân như thẻ cư trú, bằng lái xe, thẻ mã số cá nhân v.v., có ghi địa chỉ hiện tại, sổ tiết kiệm và con dấu đã đăng ký tại ngân hàng (hoặc thẻ ngân hàng) hoặc thẻ tín dụng cần cho những thủ tục để trả cước phí điện thoại

Vì có vài công ty điện thoại di động nên mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ tại các công ty đó.

《Những công ty điện thoại di động chủ yếu》

	Số điện thoại	
NTT docomo	0120-005-250 (Dịch vụ hướng dẫn bằng tiếng nước ngoài)	Thời gian làm việc: 9:00~20:00 (miễn phí) Ngôn ngữ đối ứng: tiếng Anh, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Trung Quốc, tiếng Tây Ban Nha.
	0120-800-000	URL https://www.nttdocomo.co.jp/
SoftBank	0800 – 919 - 0157	URL https://www.softbank.jp/mobile/ Hỗ trợ tiếng Anh (thời gian làm việc: 9:00~20:00). Sau khi gọi điện xin vui lòng nhấn phím số“8” sẽ được (miễn phí)
au	0120-959-472 (tiếng Anh) 0120-959-473(tiếng Bồ Đào Nha) 0120-959-476 (tiếng Trung Quốc) 0120-959-478 (tiếng Hàn Quốc) 0120-933-952 (tiếng Tagalog) 0120-933-961 (tiếng Việt) 0077-7-111/157 (tiếng Nhật)	URL https://www.au.com/ Thời gian làm việc: 9:00~20:00 (miễn phí)

[Return to Top](#)

VII-3 Cách gọi điện thoại quốc tế

Điện thoại quốc tế có thể gọi từ điện thoại bàn, từ điện thoại di động (cần phải có thêm hợp đồng đặc biệt riêng) hay từ điện thoại công cộng. Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ tại các công ty điện thoại quốc tế. (có thể sử dụng tiếng Anh)

« Những công ty điện thoại quốc tế chủ yếu »

	Số điện thoại	URL	Mã số điện thoại
KDDI	0057 hoặc 0120-977-097	https://www.001.kddi.com/	001 Từ điện thoại AU thì không cần
Softbank	0120-03-0061	https://tm.softbank.jp/consumer/0061_intphone/	0061
NTT Communications	0120-506506	https://www.ntt.com/personal/services/phone/international.html	0033

« Cách gọi điện thoại quốc tế trực tiếp »

Mã điện thoại của công ty điện thoại quốc tế + 010 + mã quốc gia + số điện thoại muốn gọi

[Return to Top](#)

VII-4 Truyền thông

1. Truyền hình

Kênh NHK (kênh 1)

Chiếu một phần thời sự bằng tiếng Nhật và tiếng Anh. Nhưng tivi phải có chức năng nghe phát sóng đa âm.

Tên chương trình	Thời gian phát sóng
NHK News 7	mỗi ngày : 19:00~19:30 (30 phút)
News Watch 9	Thứ 2 ~ thứ 6: 21:00~22:00 (60 phút)

Kênh truyền hình thế giới NHK (phát sóng vệ tinh NHK BS)

Kênh truyền hình thế giới NHK được phát sóng cho nước ngoài nên một phần của thời sự, chương trình được phát bằng tiếng Anh.

Tên chương trình	Thời gian phát sóng
NEWSLINE	BS1 mỗi ngày theo đúng giờ đó.

*** Về việc phí nhận sóng truyền hình NHK ***

Theo pháp luật, người có tivi phải trả phí nhận sóng truyền hình.

	tiền 2 tháng	tiền 6 tháng	Tiền 12 tháng
Hợp đồng phát sóng mặt đất	2.550 yên	7.300 yên	14.205 yên
Hợp đồng phát sóng vệ tinh (bao gồm cả phát sóng mặt đất)	4.440 yên	12.715 yên	24.740 yên

(cước phí thay đổi tùy theo cách chi trả)

Liên lạc về phí nhận sóng truyền hình NHK

URL <https://www.nhk-cs.jp/jushinryo/toiawase/>

☎ 0120-151515 (mỗi ngày 9:00~18:00)

☎ 050-3786-5003 (mỗi ngày 9:00~18:00)

〈Phát sóng vệ tinh〉

Nếu hợp đồng phát sóng vệ tinh thì có thể xem các chương trình thời sự, phim ảnh bằng tiếng Anh. Ngoài ra còn có các chương trình thời sự của nước ngoài. Để biết thêm chi tiết xin liên lạc theo bảng ghi dưới đây.

	Số điện thoại	URL
NHK BS	0570-066-066	https://www.nhk.or.jp/digital/satellite/index.html Quầy hợp đồng ☎0120-151515
SKY Perfec TV	0120-039-888	https://www.skyperfectv.co.jp/eng/
WOWOW	0120-580-807	https://www.wowow.co.jp

〈Truyền hình cáp〉

Sau khi bắt truyền hình cáp, có thể xem các chương trình tiếng Anh và có các kênh, các dịch vụ đặc biệt. Để biết thêm chi tiết xin liên hệ với công ty truyền hình cáp khu vực mình đang cư trú.

2. Đài phát thanh (Radio)

Đài phát thanh NHK thứ 2 (828kHz)

Một phần chương trình, thời sự Nhật của phát thanh, chương trình NHK thế giới phát sóng cho nước ngoài cũng có thể nghe trong nước Nhật.

Tên chương trình	Thời gian phát sóng	
	Thứ 2 ~ Thứ 6	Thứ 7, Chủ Nhật
Thời sự tiếng Trung Quốc	13:00-13:15 (15 phút)	13:00-13:10 (10 phút)
Thời sự tiếng Hàn Quốc	13:15-13:30 (15 phút)	13:40-13:50 (10 phút)
Thời sự tiếng Tây Ban Nha	14:00-14:10 (10 phút)	13:50-14:00 (10 phút)
Thời sự tiếng Bồ Đào Nha	18:00-18:10 (10 phút)	
Thời sự tiếng Việt	22:30-22:40 (10 phút)	
Thời sự tiếng Indonesia	22:40-22:50 (10 phút)	
Thời sự tiếng Thái	22:50-23:00 (10 phút)	
Thời sự tiếng Pháp	13:45-13:55 (10 phút)	
Thời sự tiếng Nga	14:10-14:20 (10 phút)	
Tiếng Nhật đơn giản dễ hiểu	Không có	13:30-13:40 (10 phút)

FM COCOLO (76.5MHz) [URL https://cocolo.jp/](https://cocolo.jp/)

Chương trình cũng được phát sóng bằng các ngôn ngữ : tiếng Anh, tiếng Hàn Quốc, tiếng Trung Quốc, v.v..

3. Mạng internet

Sử dụng internet có thể trao đổi, thu thập thông tin bằng cách lướt web, gửi mail v.v... Điện thoại di động cũng có thể sử dụng internet nhưng chính thức thì sử dụng máy vi tính sẽ tiện lợi hơn.

Nếu chỉ mua máy vi tính thì chưa thể sử dụng internet ,cần phải đăng ký hợp đồng sử dụng dịch vụ internet. Có rất nhiều công ty cung cấp, dịch vụ internet, giá tiền cũng khác nhau:

World NHK • Đài phát thanh Nhật Bản online [URL https://www3.nhk.or.jp/nhkworld/](https://www3.nhk.or.jp/nhkworld/)

Có thể nghe được thời sự 18 thứ tiếng trên internet. Ngoài ra có thể đọc tin tức bằng 8 thứ tiếng.

* Đài NHKPodcast bạn có thể nghe tin tức bằng tiếng Anh , ngoài ra bạn còn có thể nghe tin tức bằng nhiều ngôn ngữ khác nữa.

[URL https://www.nhk.or.jp/podcasts/lang_world_news.html](https://www.nhk.or.jp/podcasts/lang_world_news.html)

4. Báo / tạp chí

Báo, tạp chí tiếng nước ngoài (báo ngày, báo tuần) có thể mua theo kì, hầu hết các báo có thể đọc trên internet. Ngoài ra, có thể mua tại các hiệu sách lớn hay Công ty cổ phần OCS.

Công ty cổ phần OCS (Dịch vụ đặt mua báo nhập khẩu)

☎0120-627-012 [URL http://www.ocs.co.jp/](http://www.ocs.co.jp/)

〈 Báo tạp chí tiếng nước ngoài.〉

	Tựa đề	Số điện thoại	URL
Báo tiếng Anh (báo ngày, báo tuần)	The Japan Times	050-3646-0123	https://www.japantimes.co.jp/
	The Japan News	0120-431-159	https://japannews.yomiuri.co.jp/
Tạp chí, tờ thông tin bằng tiếng Anh	KANSAI Scene	06-6556-6225	https://www.kansaiscene.com/
Tiếng Trung Quốc	Tân báo Trung Nhật	06-6569-6093	https://www.chunichishinpou.com/
	Báo tuần Trung Văn (báo tuần)	03-4579-7886	http://www.chubun.jp/index.php
	Báo du học sinh (một tháng ra 2 số)	03-5458-4173	http://www.mediachina.co.jp/
Tờ thông tin bằng tiếng Philipin	Philippine Digest	070-5010-0459	https://phildigest.jp/
Tờ thông tin bằng tiếng Việt	Hoasen	03-5368-0194	https://www.hoasen-web.com
Tờ thông tin bằng tiếng Bồ Đào Nha	Alternativa	050-6860-3660	https://www.alternativa.co.jp/
Tờ thông tin bằng tiếng Tây Ban Nha	Mercado Latino	06-6342-5211	https://www.mercadolatino.jp

5. Thư viện có tạp chí sách báo tiếng nước ngoài

Tên thư viện	Địa chỉ, điện thoại	Ngày nghỉ	URL
Thư viện trung tâm của phủ Osaka	1-2-1 Aramotokita, Higashiosaka-shi ☎ 06-6745-0170	Thứ 2 của tuần thứ 2 và thứ 5 trong tháng nghỉ	https://www.library.pref.osaka.jp/site/central/
Thư viện trung tâm thành phố Osaka	4-3-2 Kitahorie, Nishi-ku, Osaka-shi ☎ 06-6539-3300	Thứ 5 của tuần thứ 1 và thứ 3 trong tháng nghỉ	https://www.oml.city.osaka.lg.jp/
Trung tâm văn học nhi đồng quốc tế Osaka	1-2-1 Aramotokita, Higashi Osaka-shi ☎ 06-6745-0170	Thứ hai, thứ 5 thứ hai trong tháng nghỉ	https://www.library.pref.osaka.jp/site/jibunkan/ (Sách / tạp chí nước ngoài cho nhi đồng)
Thư viện tiếng nước ngoài của trường Đại Học Osaka	3-10-1 Minooshi Senbahigashi Mino-shi Đại học Osaka trường Minoh ☎ 072-730-5126	Xem chi tiết trên website của trường	https://www.library.osaka-u.ac.jp/gaikoku (Có sách, tạp chí, báo nhiều tiếng nước ngoài)

JETRO Phòng đọc tư liệu trụ sở Osaka	Osaka Kokusai Building 29th floor, 2-3-13 Aduchi-cho, Chuo-ku, Osaka-shi ☎ 06-4705-8604	thứ 7, chủ nhật. ngày lễ nghỉ, kỳ nghỉ Tết	https://www.jetro.go.jp/jetro/japan/osaka/lib.html (Tài liệu kinh doanh quốc tế)
--	---	--	--

* Sách, Báo, tạp chí tiếng nước ngoài có khi có trong thư viện thành phố, huyện, xã của nơi bạn đang cư trú hay tại trung tâm giao lưu quốc tế.

[Return to Top](#)

VIII Lao động / Tiền thuế / Gửi tiền ra nước ngoài

VIII-1 Việc làm

1. Khi tìm kiếm việc làm

Hello work

Ở Nhật Bản có các cơ quan gọi là Nơi giới thiệu việc làm (hello work). Cơ sở này là cơ quan công cộng nên phục vụ miễn phí và phụ trách việc tư vấn và giới thiệu việc làm. Nếu người nước ngoài có tư cách lưu trú làm việc tại Nhật thì có thể sử dụng cơ sở này cho mục đích tìm việc. Tại trung tâm hỗ trợ kiếm việc làm dành cho người nước ngoài Osaka (ở Umeda) và Trung tâm hỗ trợ kiếm việc làm cho người nước ngoài (ở Sakai) có thông dịch tiếng Anh, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Trung Quốc (phụ lục IX-4)

URL <https://jsite.mhlw.go.jp/osaka-foreigner/>

※ Tiếng Anh chỉ dùng được ở Trung tâm Umeda

Các tạp chí và báo có thông tin tuyển người

Các tạp chí có đăng thông tin tuyển người. Trên các báo cũng đăng thông tin tìm người. Ngoài ra, các báo, tạp chí, thông báo, internet có nhiều mục đăng thông tin tuyển người bằng tiếng nước ngoài. Xin tham khảo.

2. Du học sinh tìm việc làm sau khi tốt nghiệp.

Lưu học sinh sau khi tốt nghiệp muốn làm việc tại Nhật phải xin đổi tư cách, từ ‘‘du học’’sang tư cách làm việc. Tại trung tâm hỗ trợ việc làm dành cho người nước ngoài có hướng dẫn cho du học sinh về tìm việc và tư vấn về tư cách lưu trú .

Trung tâm hỗ trợ việc làm cho người nước ngoài (phụ lục IX-4)

URL <https://jsite.mhlw.go.jp/osaka-foreigner/>

3. Tìm kiếm việc làm chuyên môn / kỹ thuật

Những người nước ngoài có tư cách lưu trú là kỹ thuật ‘‘nghề vụ quốc tế, tri thức nhân văn’’, ‘‘kỹ năng’’ tìm việc làm chuyên môn, kỹ thuật cũng được dùng dịch vụ của ‘‘Trung tâm hỗ trợ việc làm dành cho người nước ngoài tại Osaka’’ như trên.

[Return to Top](#)

VIII-2 Lao động

1. Điều kiện lao động

Luật tiêu chuẩn lao động của Nhật qui định những điều tối thiểu cần được tuân thủ tại Nhật. Khi lao động tại nước Nhật, cá nhân không bị phân biệt đối xử những lý do như quốc tịch, tín ngưỡng hay địa vị xã hội. Khi bạn tham gia lao động, người chủ thuê muốn có nghĩa vụ giải thích rõ cho bạn hiểu về điều kiện lao động. Theo pháp luật Nhật Bản, chủ thuê muốn lao động phải thỏa thuận những điều dưới đây bằng văn bản rõ ràng với người lao động.

- ① Thời hạn hợp đồng
- ② Nơi làm việc, nội dung công việc
- ③ Thời gian bắt đầu, kết thúc công việc, thời gian nghỉ giải lao, ngày nghỉ, ngày phép, tăng ca
- ④ Cách tính lương và chi trả lương
- ⑤ Ngày tính lương và ngày trả lương
- ⑥ Việc liên quan đến nghỉ việc và lý do (bị buộc phải) bị sa thải v.v...

Ngoài ra còn phải thông báo bằng văn bản nội dung chi tiết về tiền thưởng và tiền trợ cấp thôi việc. Đối với người lao động bán thời gian cần phải ghi rõ “có được tăng lương hay không”, “có được trợ cấp khi thôi việc hay không”, “có được thưởng hay không” khi hợp đồng với người lao động.

2. Những tiêu chuẩn cơ bản liên quan đến lao động

Sau đây là những tiêu chuẩn cơ bản liên quan đến việc lao động:

- ① Luật tiêu chuẩn lao động
 - a) Hạn chế việc sa thải
Người sử dụng lao động không được phép sa thải người lao động bị thương tích hay bệnh tật do công việc trong thời gian nghỉ việc và sau 30 ngày. Ngoại lệ: người sử dụng lao động bồi thường cho người lao động theo pháp luật.
 - b) Báo trước việc sa thải
Người sử dụng lao động phải báo trước cho người lao động ít nhất 30 ngày khi muốn sa thải người lao động.
 - c) Trợ cấp nghỉ việc
Vì nguyên nhân do phía sử dụng lao động mà phía người lao động bị buộc phải nghỉ việc. Người sử dụng lao động buộc phải trợ cấp từ 60% trên 100% lương của người lao động trong thời gian buộc phải nghỉ việc đó.
 - d) Thời gian lao động
Thời gian lao động theo nguyên tắc được tính là 8 tiếng mỗi ngày trừ giờ giải lao, một tuần không được làm vượt quá 40 tiếng. Nếu làm việc quá thời gian này, thì sẽ được tính theo lương tăng ca.
- ② Luật về mức lương tối thiểu :
Có những qui định riêng về mức lương tối thiểu cho các loại ngành nghề, nghiệp vụ ở các địa phương và các lĩnh vực khác nhau.

3. Cơ quan quản lý tiêu chuẩn lao động

Là cơ quan theo dõi, giám sát và đôn đốc việc tuân thủ thực hiện luật tiêu chuẩn lao động. Khi có những vấn đề liên quan đến điều kiện lao động hoặc tai nạn lao động, hãy liên lạc đến cơ quan quản lý tiêu chuẩn lao động trong khu vực của bạn. (phụ lục IX-4)

4. Tai nạn lao động

Khi bạn bị tai nạn trong khi làm việc hoặc có nguyên nhân từ công việc dẫn đến thương tích hoặc bệnh tật và được cơ quan quản lý tiêu chuẩn lao động chứng nhận, bảo hiểm mà công ty bạn tham gia sẽ chi trả những phí tổn liên quan đến việc điều trị, trợ cấp nghỉ dưỡng, trợ cấp hưu trí thương tật v.v.. Hãy liên hệ đến cơ quan quản lý tiêu chuẩn lao động trực thuộc công ty của bạn để biết thêm chi tiết.

5. Quay tư vấn

Có các ngôn ngữ hỗ trợ trong việc tư vấn những vấn đề phát sinh liên quan đến điều kiện lao động như tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Việt.

Quay tư vấn lao động cho người nước ngoài trực thuộc Cục lao động Osaka (phụ lục IX-2)

Ngoài ra, tổng đài tư vấn lao động cho người nước ngoài có thể chọn tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Tagalog, Tiếng Việt, Tiếng Miama, Tiếng Nepal, Tiếng Hàn Quốc, Tiếng Thái, Tiên Indonesia, Tiếng Campuchia,(Tiếng Khmer) Tiếng Mông Cổ. (phụ lục IX-2)

6. Bảo hiểm thất nghiệp

Nếu người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp thì có quyền được hưởng trợ cấp thất nghiệp để ổn định cuộc sống hoặc tìm kiếm việc làm khi mất việc. Quay Hello Work, là nơi phụ trách nơi cư trú của bạn. Theo nguyên tắc, bảo hiểm thất nghiệp được áp dụng bắt buộc đối với các doanh nghiệp có sử dụng người lao động.

[Return to Top](#)

VIII-3 Tiền thuế

Mọi người sống ở Nhật đều phải có nghĩa vụ đóng thuế cho dù là quốc tịch nào.

1. Cách đóng thuế

① Trường hợp làm việc ở công ty hay cơ quan: (thuế thu nhập, thuế cư dân phủ Osaka và thuế cư dân thành phố, huyện, xã)

Trường hợp công ty hay cơ quan nơi bạn làm việc đóng các khoản thuế bằng cách trừ vào tiền lương của bạn, nếu bạn không có khoản thu nhập nào khác thì bạn không cần phải làm bất cứ thủ tục nào cả.

② Trường hợp không làm việc ở công ty hay cơ quan nào, hoặc dù bạn làm việc ở công ty hoặc cơ quan nhưng không bị khấu trừ thuế vào tiền lương.

Mỗi năm bạn phải khai báo (báo cáo) thu nhập của mình cho sở thuế. Sau đó tòa hành chính thành phố, huyện, xã sẽ gửi giấy thông báo đóng thuế cho bạn. Căn cứ vào giấy đóng thuế đó bạn sẽ phải đóng các khoản thuế thu nhập, thuế cư dân phủ Osaka và thuế cư dân thành phố, huyện, xã. Trường hợp nếu bạn là chủ doanh nghiệp bạn, có thể phải đóng thêm thuế doanh nghiệp nữa.

2. Các loại thuế

① Thuế thu nhập

Trường hợp không bị khấu trừ thuế vào tiền lương (1-②), bạn phải khai báo thuế ở sở thuế. Việc khai báo thuế sẽ được tiến hành tính số tiền thuế phải trả dựa vào thu nhập trong 1 năm. Việc báo cáo thuế này được tiến hành hàng năm từ ngày 16 tháng 2 đến ngày 15 tháng 3 cho sở thuế phụ trách khu vực bạn đang cư trú. Các loại đơn mẫu khai báo đều có sẵn tại sở thuế.

Trường hợp bạn đã phải trả số tiền lớn như vay mượn ngân hàng để mua nhà, bị tai nạn hoặc nhập viện tốn một số tiền lớn để chữa trị v.v., nếu bạn báo cáo, bạn có thể được khấu trừ số tiền này từ thu nhập trong 1 năm. Hãy liên hệ đến sở thuế để được tư vấn cụ thể.

Chiều theo hiệp định thuế giữa 2 quốc gia có thể có những quy định riêng. Chi tiết xin liên hệ trung tâm tư vấn qua điện thoại (gọi đến các sở thuế xin nhấn tiếp số 1 để nói chuyện), hoặc liên lạc đến lãnh sự quán của nước bạn tại Nhật để hỏi chi tiết. (Phụ lục IX-5)

※Thuyết minh bằng tiếng Anh về thuế thu nhập

URL <https://www.nta.go.jp/english/taxes/individual/gaikoku301.htm>

② Thuế cư dân phủ Osaka, thuế cư dân thành phố, huyện, xã

Những người sống tại phủ Osaka có thu nhập trên mức nhất định sẽ phải trả thuế cư dân phủ Osaka và thuế cư dân thành phố, huyện, xã dù bạn là người mang quốc tịch nào. Phần thu nhập bị đánh thuế được tính dựa vào thu nhập năm trước sau khi trừ các loại tiền trừ đi từ tổng thu nhập năm trước. Nếu bạn đã khai báo thuế thu nhập rồi, bạn không cần phải khai báo thêm bất kỳ khoản nào khác.

Hàng năm thành phố, huyện, xã mà bạn đang sống vào thời điểm vào ngày 1 tháng 1 sẽ đánh thuế, những người đi làm ở công ty hay cơ quan sẽ bị trừ vào lương, những trường hợp khác sau khi nhận giấy báo đóng thuế phải tự đến ngân hàng v.v... để đóng khoản thuế này.

Thuế cư dân phủ Osaka được tính bằng 4% của phần thu nhập bị đánh thuế và cộng thêm 1.800 yên cho mọi người. (Ngoài ra trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến 2023 nhằm củng cố cho nguồn tài chính cần thiết để bảo vệ rừng, mỗi người dân trả thêm một khoản là 300 yên/1 năm được cộng vào thuế cư dân phủ Osaka) Mặc khác, thuế cư dân thành phố, huyện, xã được tính bằng 6% của phần thu nhập bị đánh thuế và cộng thêm 3.500 yên cho mọi người. (ở thành phố được chỉ định: thuế cư dân phủ Osaka là 2%, thuế cư dân thành phố, huyện, xã là 8%)

Guide to Osaka Prefectural Taxes (Hướng dẫn về thuế phủ Osaka)

URL <https://www.pref.osaka.lg.jp/zei/alacarte/prefectural-taxes-e.html>

③ **Thuế tài sản cố định**

Hàng năm nếu bạn sở hữu bất động sản(đất đai, nhà cửa) hoặc tài sản khấu hao vào thời điểm ngày 1 tháng 1, bạn phải đóng thuế tài sản cố định tại tòa hành chính thành phố, huyện, xã nơi bạn có tài sản đó. Mức thuế sẽ được tính toán dựa vào số tiền đánh giá của bất động sản v.v... Hàng năm gửi giấy báo đóng thuế, bạn căn cứ vào giấy này và đi đến ngân hàng v.v..., để đóng thuế.

④ **Thuế xe hơi / thuế các loại xe kích thước nhỏ**

Người sở hữu xe hơi, xe hơi kích thước nhỏ và xe gắn máy trên giấy đăng ký thời điểm ngày 1 tháng 4 hàng năm phải đóng thuế. Giấy báo thuế sẽ được gửi đến bạn trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 5 hàng năm, bạn đến ngân hàng hoặc cửa hàng tiện lợi để đóng các loại thuế này.

⑤ **Những loại thuế khác**

a) **Thuế tiêu thụ**

Tất cả các sản phẩm và dịch vụ đều được áp mức thuế thuế tiêu thụ là 10%, tuy nhiên vẫn có mức thuế ưu đãi (8%) được áp dụng cho một số loại thực phẩm ăn uống, v.v..

b) **Thuế khác**

Có những loại thuế khác: khi bạn mua bất động sản cũng phải đóng thuế.

[Return to Top](#)

VIII-4 Ngân hàng / Gửi tiền ra nước ngoài

1. Ngân hàng

Những người làm việc tại Nhật hoặc có thời gian cư trú trên 6 tháng đều được mở tài khoản ngân hàng. Bạn mang theo thẻ cư trú và con dấu, đến ngân hàng điền vào những giấy tờ để mở tài khoản. Khi mở tài khoản nếu bạn có yêu cầu sẽ được cấp sổ tài khoản. Cuốn sổ này ghi lại tất cả những giao dịch trong tài khoản qua ngân hàng của bạn, đây cũng là vật chứng minh bạn có tài khoản trong ngân hàng. Khi rút tiền tại ngân hàng cần phải có sổ tài khoản và con dấu, nhưng đối với người nước ngoài chỉ cần ký tên cũng có thể chấp nhận thay con dấu. Bạn cũng được cấp thẻ ATM (thẻ ngân hàng), với thẻ này bạn không cần sổ tài khoản cũng có thể rút và gửi tiền. Thông thường ngân hàng chỉ hoạt động từ 9 giờ sáng đến 3 giờ chiều ngày thường, ngoài thời gian này ATM cũng hoạt động để giúp cho việc rút tiền. ATM cũng được đặt trong các cửa hàng tiện lợi 24 giờ và trong các ga xe điện. (Có thể tốn lệ phí khi rút tiền ở đây)

2. Bưu điện

Bưu điện Nhật cũng có dịch vụ tương tự như ngân hàng. Nếu bạn có thẻ cư trú bạn cũng có thể mở tài khoản tại bưu điện. Cũng giống như ngân hàng, bưu điện cũng phát hành thẻ ATM. Dịch vụ gửi tiền tiết kiệm và gửi tiền qua bưu điện thông thường hoạt động từ 9 giờ sáng đến 4 giờ chiều. (những ngày đầu năm và cuối năm, thứ 7, chủ nhật và ngày lễ không làm việc)

3. Gửi tiền ra nước ngoài

Thông thường có 2 cách gửi tiền ra nước ngoài là từ ngân hàng hoặc bưu điện nhưng gần đây có thể sử dụng những dịch vụ chuyển tiền. Trong trường hợp sử dụng các công ty dịch vụ chuyển tiền đã được đăng ký thì có quy định giới hạn về số tiền có thể gửi, nhưng rẻ hơn so với việc chuyển tiền từ ngân hàng.

URL https://www.fsa.go.jp/menkyo/menkyoj/shikin_idou.pdf

Xin lưu ý là tùy theo ngân hàng, có ngân hàng không thực hiện việc gửi tiền ra nước ngoài được. Dịch vụ gửi tiền ra nước ngoài chỉ có ở ngân hàng bưu điện (Yucho Ginko) và bưu điện có dịch vụ gửi tiền ra nước ngoài. Ngoài cách gửi tiền từ tài khoản sang tài khoản còn có cách gửi tiền thông qua dịch vụ Money Order (ngân phiếu). Ngân hàng và bưu điện đều có chức năng phát hành money order.

Pháp luật yêu cầu khi bạn chuyển tiền ra nước ngoài, bạn phải xuất trình giấy tờ tùy thân như thẻ cư trú và thẻ mã số cá nhân My Number tại quầy giao dịch.

Ngoài ra Bạn có thể dùng duyệt trên máy tính hoặc ứng dụng điện thoại thông minh, để chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng Internet của mình.

[Return to Top](#)

VIII-5 Trợ cấp hưu trí

Tham gia lương hưu cho người nước ngoài có Bảo hiểm trợ cấp hưu trí nhân viên và trợ cấp lương hưu trí quốc dân. Đối với Lương hưu trí quốc dân, người từ 20 đến dưới 60 tuổi (lương hưu trí nhân viên thì dưới 70 tuổi) phải tham gia lương hưu trí và đóng phí bảo hiểm hưu trí, ngay cả là người nước ngoài.

1. Bảo hiểm trợ cấp hưu trí

Người đi làm trên 20 tuổi, làm trong công ty có từ 5 nhân viên trở lên phải tham gia bảo hiểm trợ cấp hưu trí nhân viên. Người làm việc bán thời gian có tổng giờ làm việc và số ngày làm việc trên 3/4 so với giờ người làm việc chính qui cũng phải tham gia đóng bảo hiểm trợ cấp hưu trí nhân viên. (trường hợp người làm việc thời vụ có thời gian làm việc dưới tỉ lệ 3/4 này, nhưng nếu có điều kiện lao động như (*) bên dưới thì phải tham gia đóng bảo hiểm này.) Số tiền phải đóng được chia theo tỷ lệ 50% mỗi bên giữa người lao động và công ty. Tuy nhiên mức đóng này khác nhau do mức lương và mức thưởng khác nhau. Công ty thực hiện việc đóng phí bảo hiểm này cho nhân viên.

- (*)
- 1- Làm việc trên 20 giờ/ tuần
 - 2- Làm việc trên 2 tháng và có khả năng sẽ được tuyển dụng
 - 3- Có tiền lương trên 88,000 yen/ tháng
 - 4- Người lao động không phải là học sinh-sinh viên
 - 5- Làm việc thường xuyên cho công ty có trên 51 nhân viên

2. Bảo hiểm trợ cấp quốc dân

Nếu bạn không tham gia đóng bảo hiểm trợ cấp hưu trí nhân viên thì bạn phải tham gia đóng bảo hiểm trợ cấp quốc dân. Mức đóng bảo hiểm này không phụ thuộc vào thu nhập, hàng tháng được ấn định là 16,520 yên (năm 2023). Khi thu nhập ít và gặp khó khăn khi đóng phí bảo hiểm này, bạn có thể làm đơn xin bớt 1 phần hoặc toàn phần từ mức qui định này. Hãy liên hệ đến ban phụ trách bảo hiểm trợ cấp để biết thêm chi tiết.

3. Tiền hoàn lại tạm thời.

Đối với bảo hiểm trợ cấp hưu trí nhân viên và bảo hiểm trợ cấp quốc dân có “Chế độ hoàn tiền lại tạm thời”. Theo chế độ này, người nước ngoài khi sống và làm việc tại Nhật trên 6 tháng có tham gia đóng các loại bảo hiểm trên, trong 2 năm kể từ khi ra khỏi nước Nhật có quyền làm đơn xin hoàn lại tiền hưu trí. Tuy nhiên, người có thời gian đóng bảo hiểm trợ cấp hưu trí trên 10 năm sẽ không được nhận tiền hoàn lại tạm thời. Hãy liên hệ đến tòa hành chính thành phố, huyện, xã hoặc quầy phụ trách tiền hưu trí, văn phòng lương hưu trí, hay trung tâm thảo luận lương hưu trí ở tại các địa phương để biết thêm chi tiết. (phụ lục IX-1)

[Return to Top](#)

IX Phụ lục

IX-1 Danh sách các cơ quan liên quan

1. Các thành phố / huyện / xã trong Phủ Osaka (ngoại trừ thành phố Osaka, thành phố Sakai)

Tên	Địa chỉ	Điện thoại	Thời gian nhận điện thoại	URL
Osaka Prefecture	2 Otemae Chuo-ku, Osaka-shi	06-6941-0351 (chủ nhật)	9:00-17:30 (thứ 2- thứ 6 trừ ngày 29/12- 3/1)	https://www.pref.osaka.lg.jp/ (Chức năng tự động dịch đa ngôn ngữ)
		Quầy thông tin dành cho người nước ngoài phủ Osaka06-6941-2297 (tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Triều Tiên, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Việt, tiếng Philipine, tiếng Thái, tiếng Indonesia, tiếng Nê Pan, tiếng Nhật)	9:00-20:00 (thứ 2, thứ 6), 9:00-17:30 (thứ 3, thứ 4, thứ 5), 13:00-17:00 (ngày chủ nhật tuần thứ 2, tuần thứ 4) (trừ ngày 29/12 - 3/1)	
Suita City	1-3-40 Izumichou, Suita City	06-6384-1231	9:00-17:30	https://www.city.suita.osaka.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng Hàn Quốc, tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông
		Trung tâm tư vấn cộng đồng đa văn hóa thành phố Suita 06-6835-1770 (Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Hàn Quốc, Tiếng Triều Tiên, Tiếng Việt, Tiếng Nepal, Tiếng Indonesia, Tiếng Bồ Đào Nha)		
Takatsuki City	2-1 Touencho Takatsuki City	072-674-7111	8:45-17:15	https://www.city.takatsuki.osaka.jp/kurashi/shiminkatsudo/foreignlanguage/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng Hàn Quốc, tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông, Tiếng Việt , tiếng Indonesia , tiếng Tagalog
Ibaraki City	3-8-13 Ekimae Ibaraki City	072-622-8121	8:45-17:15	https://www.city.ibaraki.osaka.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng Hàn Quốc, tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông ,tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Pháp, tiếng Tagalog, tiếng Thái, tiếng Indonesia, tiếng Việt

Settsu City	1-1-1 Mishima Settsu City	06-6383-1111 072-638-0007	9:00-17:15	https://www.city.settsu.osaka.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Hàn Quốc, • Tiếng Triều Tiên, tiếng Việt
Shimamoto Town	2-1-1 Sakurai Shimamoto-Cho Mishima Gun	075-961-5151	9:00-17:30	https://www.town.shimamoto.lg.jp (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông, tiếng Hàn Quốc, tiếng Bắc Triều Tiên, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Pháp, tiếng Tagalog, tiếng Thái, tiếng Nepal
Toyonaka City	3-1-1 Nakasakurazuka, Toyonaka City	06-6858-5050 tiếng Nhật	9:00-17:15	https://www.city.toyonaka.osaka.jp/index.html (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông, tiếng hàn Quốc, tiếng Bắc Triều Tiên, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tagalog, tiếng Thái, tiếng Indonesia
		06-6858-2730 Tiếng Anh (thứ 2, 3, 5, 6) tiếng Trung Quốc (thứ 4)	10:00-12:00 13:00-16:00	http://tifa-toyonaka.org/en/ (tiếng Anh)
Ikeda City	1-1-1 Jyounan, Ikeda City	072-752-1111	8:45-17:15	https://www.city.ikeda.osaka.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông
Mi no City	4-6-1 Nishishoji, Mino City	072-723-2121	8:45-17:15	https://www.city.minoh.lg.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng, tiếng Trung Quốc, Tiếng Hàn Quốc/Triều Tiên
Toyono Town	414-1 Yono Toyono Cho, Toyono Gun	072-739-0001	9:00-17:30	https://www.town.toyono.osaka.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh , tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông)
Nose Town	28 Shukuno Nosecho Nose gun	072-734-0001	8:30-17:00	http://www.town.nose.osaka.jp/ (Tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông)
Izumiotu City	9-12 Shinonome-cho, Izumiotu City	0725-33-1131	8:45-17:15	https://www.city.izumiotsu.lg.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông)
Izumi City	2-7-5 Fuchu-cho, Izumi City	0725-41-1551	9:00-17:15	https://www.city.osaka-izumi.lg.jp/ (Chức năng dịch tự động đa ngôn ngữ)

Takaishi City	4-1-1 Kamo Takaishi City	072-265-1001	9:00-17:30	https://www.city.takaishi.lg.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng Trung Quốc. Tiếng Hàn Quốc • Triều Tiên
Tadaoka Town	1-34-1 Tadaoka Higashi, Tadaoka Cho, Senboku Gun	0725-22-1122	9:00-17:30	https://www.town.tadaoka.osaka.jp/ (Chức năng dịch tự động đa ngôn ngữ)
Kishiwada City	7-1 Kishiki-cho, Kishiwada City	072-423-2121	9:00-17:30	https://www.city.kishiwada.osaka.jp/ (Chức năng dịch tự động đa ngôn ngữ)
Kaizuka City	1-17-1 Hatakenaka, Kaizuka City	072-423-2151	8:45-17:15	https://www.city.kaizuka.lg.jp/ (Chức năng dịch tự động đa ngôn ngữ)
Izumisano City	1-295-3 Ichibahigashi, Izumisano City	072-463-1212	8:45-17:15	https://www.city.izumisano.lg.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông, Tiếng Hàn Quốc • Triều Tiên
Sennan City	1-1-1 Tarui, Sennan City	072-483-0001	9:00-17 :30	https://www.city.sennan.lg.jp (Chức năng tự động dịch) tiếng Anh, tiếng Trung Quốc , phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha
Hannan City	35-1 Ozaki-cho, Hannan City	072-471-5678	8:45-17:15	https://www.city.hannan.lg.jp/ (Chức năng tự động dịch) tiếng Anh, tiếng trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông, Tiếng Hàn Quốc • Triều Tiên
Kumatori Town	1-1-1 Noda Kumatori Cho Sennangun	072-452-1001	9:00-17:30	https://www.town.kumatori.lg.jp/ (Chức năng tự động dịch) tiếng Anh, tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông, Tiếng Hàn Quốc • Triều Tiên. tiếng Việt
Tajiri Town	375-1 Kasyouji Oaza Tajiri cho Sennangun	072-466-1000	8:45-17:15	https://www.town.tajiri.osaka.jp/ (Chức năng tự động dịch) tiếng Anh, tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông, Tiếng Hàn Quốc • tiếng Triều Tiên, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Việt
Misaki Town	2000-1 Fuke, Misakicho, Sennan gun	072-492-2775 (giao lưu quốc tế)	9:00-17:30	http://www.town.misaki.osaka.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông, Tiếng Hàn Quốc • tiếng Triều Tiên, tiếng Tây Ban Nha

Tondabayashi City	1-1 Tokiwa-cho, Tondabayashi City	0721-25-1000	9:00-17:30	https://www.city.tondabayashi.lg.jp (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông, Tiếng Hàn Quốc • tiếng Triều Tiên, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Việt
Kawachinagano City	1-1-1 Hara-cho, Kawachinagano City	0721-53-1111	9:00-17:30	https://www.city.kawachinagano.lg.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông, Tiếng Hàn Quốc • tiếng Triều Tiên, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Việt
Matsubara City	1-1-1 Ao, Matsubara City	072-334-1550	(thứ 2 - thứ 6) 9:00-17:30 (thứ 7 của tuần thứ 3 trong tháng) 9:00-12:00	https://www.city.matsubara.lg.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông, Tiếng Hàn Quốc • tiếng Triều Tiên, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Việt
Habikino City	4-1-1 Konda, Habikino City	072-958-1111	9:00-17:30	https://www.city.habikino.lg.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông, Tiếng Hàn Quốc • tiếng Triều Tiên.
Fujiidera City	1-1-1 Oka, Fujiidera City	072-939-1111	9:00-17:30	https://www.city.fujiidera.osaka.jp/ (Chức năng dịch tự động đa ngôn ngữ)
Osakasayama City	1-2384-1 Sayama, Osakasayama City	072-366-0011	(thứ 2 - thứ 6) 9:00-17:30 (thứ 7 của tuần thứ 1 và tuần thứ 3 trong tháng) 9:00-12:00	https://www.city.osakasayama.osaka.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông, Tiếng Hàn Quốc • tiếng Triều Tiên.
Taishi Town	88 Oaza Yamada, Taishicho, Minamikawachigun	0721-98-0300	9:00-17:30	https://www.town.taishi.osaka.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông, Tiếng Hàn Quốc • tiếng Triều Tiên, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Đức
Kanan Town	1359-6 Oaza Shiraki, Kanancho, Minamikawachigun	0721-93-2500	9:00-17:30	https://www.town.kanan.osaka.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông, Tiếng Hàn Quốc • tiếng Triều Tiên.

Chihayaakasaka Village	180 Oaza Suibun, Chihayaakasakamura, Minamikawachigun	0721-72-0081	9:00-17:30	https://www.vill.chihayaakasaka.osaka.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông, Tiếng Hàn Quốc • tiếng Triều Tiên, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Thái, tiếng Tagalog, tiếng Việt
Yao City	1-1-1 Honmachi, Yao City	072-991-3881 (tiếng Nhật)	8:45-17:15	https://www.city.yao.osaka.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Triều Tiên, tiếng Việt, tiếng Bồ Đào Nha
		072-922-3232 tiếng Việt(thứ hai,ba,năm,sáu) tiếng Hàn Quốc,Triều Tiên Trung Quốc (thứ tư)	9:00-17:00 Có thông dịch	
Kashiwara City	1-55 Andou-cho, Kashiwara City	072-972-1501	8:45-17:15	http://www.city.kashiwara.osaka.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng Trung Quốc , phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông,Tiếng Hàn Quốc • tiếng Triều Tiên, tiếng Italia, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Việt
Higashiosaka City	1-1-1 Aramoto-kita, Higashiosaka City	06-4309-3000 tiếng Nhật	9:00-17:30	https://www.city.higashiosaka.lg.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng Trung Quốc , phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông,tiếng Hàn Quốc • tiếng Triều Tiên,tiếng Việt.
		06-4309-3311 tiếng Anh, tiếng Triều Tiên, tiếng Hàn Quốc, tiếng Trung Quốc	10:00-17:30 9:00-12:00	
Moriguchi City	2-5-5 Keihanhondouri, Moriguchi City	06-6992-1221	9:00-17:30	https://www.city.moriguchi.osaka.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng, Trung Quốc , phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông,tiếng Hàn Quốc • tiếng Triều Tiên, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha
Hirakata City	2-1-20 Ohgaitocho Hirakata City	072-841-1221	9:00-17:30	https://www.city.hirakata.osaka.jp/ (Chức năng dịch tự động) Anh, Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông tiếng Hàn Quốc • tiếng Triều Tiên, tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Thái,tiếng Tagalog, tiếng Việt, tiếng Indonesia.
Neyagawa City	1-1 Honmachi Neyagawa City	072-824-1181	9:00-17:30	https://www.city.neyagawa.osaka.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông, tiếng Hàn Quốc,tiếng Triều Tiên, Tagalog, tiếng Indonesia, tiếng Việt, tiếng Thái, tiếng Tây Ban Nha , tiếng Bồ Đào Nha
Daitou City	1-1-1 Tanigawa Daitou City	072-872-2181	9:00-17:30	https://www.city.daito.lg.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng, Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông, tiếng Hàn Quốc, tiếng Triều Tiên, tiếng Việt

Kadoma City	1-1 Nakamachi Kadoma City	06-6902-1231	9:00-17:30	https://www.city.kadoma.osaka.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông, tiếng Hàn Quốc • tiếng Triều Tiên, tiếng Việt, tiếng Tagalog, tiếng indonesia, tiếng Nepal, tiếng Thái, tiếng Bồ Đào Nha
Shijonawate City	1-1 Nakanohonmachi Shijonawate City	072-877-2121	8:45-17:15	https://www.city.shijonawate.lg.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông, tiếng Hàn Quốc • tiếng Triều Tiên.
Katano City	1-1-1 Kisabe Katano City	072-892-0121	9:00-17:30	https://www.city.katano.osaka.jp/ (Chức năng dịch tự động) tiếng Anh, tiếng Trung Quốc phổ thông, tiếng Trung Quốc Quảng Đông, tiếng.

2. Tòa hành chính thành phố / các quận / Cục thuế trong thành phố Osaka

Tên thành phố, huyện, xã	Địa chỉ	Điện thoại	Thời gian làm việc	URL
Osaka City	1-3-20 Nakanoshima Kitaku Osaka City	06-6208-8181 (tiếng Nhật)	Thứ 2 - thứ 6 9:00-17:30	https://www.city.osaka.lg.jp/ (Chức năng tự động dịch đa ngôn ngữ)
		06-6773-6533 Trung tâm thông tin Osaka. Quầy (tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Triều Tiên, Tiếng Việt, tiếng Philippine)	Thứ 2 - thứ 6 9:00-19:00 thứ 7, chủ nhật, ngày lễ 9:00-17:30 trừ ngày cuối năm và đầu năm	https://www.ih-osaka.or.jp/information center/ Quầy tư vấn cho người nước ngoài. (tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Triều Tiên, Tiếng Việt, tiếng Philippine)

Thời gian làm việc (chung cho phần bên dưới)		Ngôn ngữ		
(thứ 2 - thứ 6) 9:00-17:30 ※thứ 6 có một số phòng làm việc đến 19 :00 (chủ nhật của tuần thứ 4 trong tháng) 9:00-17:30 ※ chỉ có một số quầy làm vào ngày này		tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc/ Triều Tiên, Tiếng Việt, tiếng Philippine		
Tên quận hành chính	Địa chỉ	Số điện thoại		URL (Chức năng dịch tự động đa ngôn ngữ)
		Phòng tư vấn cư trú cho người nước ngoài	Trường hợp bạn không biết quầy nào có phụ trách	
Kita-ku	2-1-27 Ougimachi Kitaku Osaka City	06-6313-9907	06-6313-9986	https://www.city.osaka.lg.jp/kita/
Miyakojima-ku	2-16-20 Nakanochō Miyakojimaku Osaka City	06-6882-9907	06-6882-9986	https://www.city.osaka.lg.jp/miyakojima/
Fukushima-ku	1-8-1 Oobiraki Fukushimaku Osaka City	06-6464-9907	06-6464-9986	https://www.city.osaka.lg.jp/fukushima/
Konohana-ku	1-8-4 Kasugade Kita, Konohanaku, Osaka City	06-6466-9907	06-6466-9986	https://www.city.osaka.lg.jp/konohana/
Chuo-ku	1-2-27 Kyutaromachi, Chuoku Osaka City	06-6267-9907	06-6267-9986	https://www.city.osaka.lg.jp/chuo/
Nishi-ku	4-5-14 Shinmachi, Nishiku, Osaka City	06-6532-9907	06-6532-9986	https://www.city.osaka.lg.jp/nishi/
Minato-ku	1-15-25 Ichioka, Minatoku Osaka City	06-6576-9907	06-6576-9986	https://www.city.osaka.lg.jp/minato/
Taisho-ku	2-7-95 Chishima Taishoku, Osaka City	06-4394-9907	06-4394-9986	https://www.city.osaka.lg.jp/taisho/
Tennouji-ku	20-33 Shinpouincho Tennoujiku Osaka City	06-6774-9907	06-6774-9986	https://www.city.osaka.lg.jp/tennoji/
Naniwa-ku	1-4-20 Shikitsu Higashi Naniwaku, Osaka City	06-6647-9907	06-6647-9986	https://www.city.osaka.lg.jp/naniwa/
Nishiyodogawa-ku	1-2-10 Mitejima Nishiyodogawaku Osaka City	06-6478-9907	06-6478-9986	https://www.city.osaka.lg.jp/nishiyodogawa/

Yodogawa-ku	2-3-3 Juso Higashi, Yodogawaku Osaka City	06-6308-9907	06-6308-9986	https://www.city.osaka.lg.jp/yodogawa/
Higashiyodogawa-ku	2-1-4 Houshin, Higashiyodogawaku, Osaka City	06-4809-9907	06-4809-9986	https://www.city.osaka.lg.jp/higashiyodogawa/
Higashinari-ku	2-8-4 Ooimazato Nishi, Higashinariku, Osaka City	06-6977-9907	06-6977-9986	https://www.city.osaka.lg.jp/higashinari/
Ikuno-ku	3-1-19 Katsuyama Minami, Ikunoku, Osaka City	06-6715-9907	06-6715-9986	https://www.city.osaka.lg.jp/ikuno/
Asahi-ku	1-1-17 Ohmiya, Asahiku, Osaka City	06-6957-9907	06-6957-9986	https://www.city.osaka.lg.jp/asahi/
Jouto-ku	3-5-45 Chuo Joutoku Osaka City	06-6930-9907	06-6930-9986	https://www.city.osaka.lg.jp/joto/
Tsurumi-ku	5-4-19 Yokozutsumi Tsurumiku, Osaka City	06-6915-9907	06-6915-9986	https://www.city.osaka.lg.jp/tsurumi/
Abeno-ku	1-1-40 Fuminosato, Abenoku, Osaka City	06-6622-9907	06-6622-9986	https://www.city.osaka.lg.jp/abeno/
Suminoe-ku	3-1-17 Misaki Suminoeku Osaka City	06-6682-9907	06-6682-9986	https://www.city.osaka.lg.jp/suminoe/
Sumiyoshi-ku	3-15-55 Minamisumiyoshi Sumiyoshiku, Osaka City	06-6694-9907	06-6694-9986	https://www.city.osaka.lg.jp/sumiyoshi/
Higashisumiyoshi-ku	1-13-4 Higashitanabe, Higashisumiyoshiku, Osaka City	06-4399-9907	06-4399-9986	https://www.city.osaka.lg.jp/higashisumiyoshi/
Hirano-ku	3-8-19 Setoguchi, Hirano, Osaka City	06-4302-9907	06-4302-9986	https://www.city.osaka.lg.jp/hirano/
Nishinari-ku	1-5-20 Kishinosato, Nishinariku, Osaka City	06-6659-9907	06-6659-9986	https://www.city.osaka.lg.jp/nishinari/

Sở thuế thành phố	Địa chỉ	Số điện thoại	Thời gian làm việc
Umeda	7th Floor, Osaka Ekimae Dai2 Building, 1-2-2-700 Umeda, Kitaku, Osaka City	06-4797-2948	Thứ 2 – thứ 6 9:00-17:30 Thứ 6 làm việc đến 19 :00
Kyobashi	4th Floor JEI Kyobashi Building 2-2-48 Katamachi, Miyakojimaku, Osaka City	06-4801-2948	
Bentencho	1st Floor, Osaka Bay Tower East, 1-2-2-100 Benten, Minatoku, Osaka City	06-4395-2948	
Namba	5th Floor, Osaka City Airterminal (OCAT) 1-4-1 Minatomachi, Naniwaku, Osaka City	06-4397-2948	
Abeno	7th Floor Abeno Medix, 1-2-7-702 Asahimachi, Abenoku, Osaka City	06-4396-2948	
Senba Houjin	2nd Floor, Senba Center Building 3 goukan North side, 1-4-3-203 Senba Chuo, Chuoku, Osaka City	06-4705-2948	

3. Tòa hành chính thành phố và các quận trong thành phố Sakai

Sở thuế thành phố	Địa chỉ	Số điện thoại	Thời gian làm việc	URL
Sakai City	3-1 Minami Kawaramachi, Saiku, Sakai City	072-233-1101	Thứ 2 – thứ 6 9:00-17:30	https://www.city.sakai.lg.jp/foreign.html (Chức năng dịch tự động) (tiếng Anh, tiếng Hàn Quốc/ Triều Tiên, tiếng Trung Quốc, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Việt, tiếng Thái, tiếng Napal, tiếng Tagalog , tiếng indonesia.

Tên quận hành chính	Địa chỉ	Số điện thoại	Thời gian làm việc	URL tiếng Nhật
Sakai-ku	3-1 Minami Kawaramachi, Saiku, Sakai City	072-228-7403	Thứ 2 – thứ 6 9:00-17:30	https://www.city.sakai.lg.jp/sakai/index.html
Kita-ku	5-1-4 Shin-Kanaokacho, Kitaku, Sakai City	072-258-6706		https://www.city.sakai.lg.jp/kita/index.html
Nishi-ku	6-600 Ootori Higashimachi, Nishiku, Sakai City	072-275-1901		https://www.city.sakai.lg.jp/nishi/index.html
Naka-ku	2470-7 Fukaizawamachi, Nakaku, Sakai City	072-270-8181		https://www.city.sakai.lg.jp/naka/index.html
Higashi-ku	195-1 Hikishouharaderamachi, Higashiku, Sakai City	072-287-8100		https://www.city.sakai.lg.jp/higashi/index.html
Mihara-ku	167-1 Kuroyama, Miharaku, Sakai City	072-363-9311		https://www.city.sakai.lg.jp/mihara/index.html
Minami-ku	1-1-1 Momoyamadai, Minamiku, Sakai City	072-290-1800		https://www.city.sakai.lg.jp/minami/index.html

4. Các cơ quan liên quan đến nhà nước

Tên	Địa chỉ	Số điện thoại	Thời gian làm việc	URL
Cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh Osaka	1-29-53 Nankou Kita, Suminoeku, Osaka City Short walk from the No. 3 exit, Cosmosquare Station, Subway (Osaka Metro) Chuo Line	Số TEL: liên lạc trực tiếp với các ban ngành, Xin tham khảo trang web dưới đây: https://www.moj.go.jp/isa/content/001378959.pdf	Thứ hai- thứ sáu 9:00-17:30 Nhưng quầy thường trực chỉ tiếp nhận đến 16:00	https://www.moj.go.jp/isa/about/region/osaka/index.html (tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Hàn Quốc/ Triều Tiên, tiếng Trung Quốc, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha) Tiếng Indonesia, tiếng Thái, tiếng Mông Cổ, tiếng Philippin, tiếng Việt, tiếng Myanmar, tiếng Nepal, tiếng khmer

5. Các hiệp hội quốc tế trong Phủ Osaka

Trung tâm giao lưu quốc tế phủ Osaka (OFIX)/ Osaka Foundation of International Exchange (OFIX) https://www.ofix.or.jp/	
TEL: 06-6966-2400 FAX: 06-6966-2401	5 th Floor, My Dome Osaka, 2-5 Honmachi-bashi, Chuo-ku, Osaka 540-0029 info@ofix.or.jp
Trung Tâm giao lưu quốc tế Osaka (I-house)/ International House, Osaka (I-house) http://www.ih-osaka.or.jp/	
TEL: 06-6773-8989 FAX: 06-6773-8421	8-2-6 Uehonmachi, Tennoji-ku, Osaka 543-0001 center@ih-osaka.or.jp
Hiệp Hội giao lưu quốc tế thành phố Suita (SIFA)/ Suita Interpeople Friendship Association (SIFA) https://suita-sifa.org/	
TEL: 06-6835-1192 FAX: 06-6835-6420	6 th Floor, Senri Newtown Plaza, 1-2-1, Tukumodai, Suita-shi 565-0862 info@suita-sifa.org
Hiệp Hội giao lưu đô thị, thành phố Takatsuki (TIA)/ Takatsuki International Association (TIA) http://www.takatsuki-intl-assn.or.jp/	
TEL: 072-674-7396 FAX: 072-661-8355	4 th Floor, Takatsuki General Center, Takatsuki City Hall, 2-1 Toen-cho, Takatsuki 569-0067 tia@takatsuki-intl-assn.or.jp
Hiệp hội hữu nghị đô thị Quốc Tế Ibaragi/ International Friendship Association of Ibaraki https://www.ifai.jp/	
TEL: 072-620-1810 FAX: 072-622-7202	Inside Ibaraki City Hall Citizen Activity Promotion Division 3-8-13 Ekimae, Ibaraki 567-8505 Trong ban xúc tiến văn hóa, phòng văn hóa thị dân thành phố Ibaragi.
Hội giao lưu quốc tế Settsu/ Settsu Association for International Exchange (SAIE) http://settsu-saie.org/	
TEL: 06-6319-6251 FAX: 06-6318-6004	T c/o 2 nd Floor, Settsu City Community Plaza 5-35 Minamisenri , Settsu 566-0021 office@settsu-sale.org
Hiệp hội giao lưu quốc tế Toyonaka/ Association for Toyonaka Multicultural Symbiosis (ATOMS) https://www.a-atoms.info/	
TEL: 06-6843-4343 FAX: 06-6843-4375	6 th Floor “Etre Toyonaka”, 1-1-1-601 Tamai-cho, Toyonaka atoms@a.zaq.jp
Trung tâm Ikeda https://www.city.ikeda.osaka.jp/soshiki/siminsaikatsu/jinkenbunka/diversity/index.html	
TEL: 072-768-8020	563-0032 Ishibashi 1-23-6 idc@city.ikeda.osaka.jp
Hội giao lưu quốc tế thành phố Minoh/Minoh association for global Awareness (MAFGA) https://mafga.or.jp/	
TEL: 072-727-6912 FAX: 072-727-6920	Minoh City Hall 5-2-36 Onoharanishi 562-0032 Trung Tâm giao lưu văn hóa đa ngôn ngữ thành phố Mino info@mafga.or.jp
Hội giao lưu quốc tế Izumiotsu/Izumiotsu International Exchange Association https://www.city.izumiotsu.lg.jp/kakuka/seisaku/seisakusuisin/kokusaikoryu/kokusaikoryukyokai/index.html	

TEL: 0725-33-1131 FAX: 0725-21-0412	595-8686 Izumi Ootsu-shi higashi-cho 9-12 Phòng kế hoạch chính sách tổng hợp thành phố IzumiOotsu kokusai@city.izumiotsu.osaka.jp
Hội giao lưu quốc tế thành phố Izumi /International Exchange Association of Izumi City https://www.city.osaka-izumi.lg.jp/kakukano/syougaibu/shogaisuisin/kokusai/kokusaikouryu_1.html	
TEL 0725-44-8687 FAX 0725-41-0599	2-7-5 Fuchu-cho, Izumi 594-8501 Hội đồng Giáo dục, Phòng Học tập xuyên suốt, Văn phòng Khuyến khích Học tập xuyên suốt , bộ phận phụ trách học tập xuyên suốt.
Hiệp hội đô thị kết nghĩa thành phố Takashi/Takaishi Sister City Association https://www.city.takaishi.lg.jp/kakuka/seisakusuishin/hisyo_ka/sistercity/1539917158038.html	
TEL: 072-265-6078 FAX: 072-263-6116	c/o Takaishi City Hall, Policy Promotion Division, Secretarial Section, 4-1-1 Kamo, Takaishi 592-8585
Hội giao lưu quốc tế phố Tadaoka /Tadaoka International Friendship Association https://www.town.tadaoka.osaka.jp/soshiki/kikaku_jinken/2/3/559.html	
TEL: 0725-22-1122 FAX: 0725-22-0364	1-34-1 Tadaoka-higashi, Tadaoka-cho, Senboku-gun 595-0805 Trong phòng thông tin nhân quyền tòa thị chính Takada-cho tadaokajinken@town-tadaoka.jp
Hiệp Hội Hữu nghị đô thị Quốc Tế Kishiwada/International Friendship Association of Kishiwada https://ifa-kishiwada.rinku.org/	
TEL:/FAX: 072-457-9694	Inside Madoka Hall 1-17-1 Araki-cho, Kishiwada 596-0004 kokusai@sensyu.ne.jp
Hội giao lưu quốc tế thành phố Kaizuka / Kaizuka International Exchange Association (KAIFA) https://kaizuka-kokusai.jimdo.com/	
TEL: 072-433-7230 FAX: 072-433-7233	Ban xúc tiến giao lưu thành phố Kaizuka 1-17-1 Hatakenaka, Kaizuka 597-8585 koryu@city.kaizuka.lg.jp
Hiệp hội giao lưu địa cầu Izumisano(ICA) /Izumisano Cross-cultural Association (ICA) https://www.ica.gr.jp/wp/features-ja	
TEL: 072-429-9741 FAX: 072-429-9742	1F tòa nhà Honkan Trung tâm giao lưu văn hóa Nambu, 476-2 Minami naka kashi-i, Izumisano 598-0043 info@ica.gr.jp
Ủy ban ABC thành phố Sennan/ Sennan City ABC Committee https://abc-iinkai.jp/	
TEL: 072-483-0004 FAX: 072-483-0325	1-1-1 Tarui, Sennan 590-0521 Trong ban xúc tiến chính sách, phòng chính sách tổng hợp thành phố Sen-nan seisaku@city.sennan.lg.jp
Hội giao lưu quốc tế thành phố Kawachinagano/Kawachinagano International Friendship Association (KIFA) https://www.kifa-web.jp/	
TEL: 0721-54-0002 FAX: 0721-54-0004	7-1 Shoei-cho, Kawachinagano 586-0025 Trung tâm giao lưu thị dân (KICCS)tầng 3 office@kifa-web.jp
Hội giao lưu quốc tế Tondabayashi/Tondabayashi Intercultural Communication Center http://www4.kcn.ne.jp/~ticc/	
TEL:/FAX: 0721-24-2622	1-4-31 Koda, Tondabayashi 584-0036 ticc@m4.kcn.ne.jp
Câu lạc bộ tình nguyện giao lưu quốc tế Habikino/Habikino International Exchange Volunteer Circle (MIYABI)	

TEL: 072-958-1111 FAX: 072-958-0397	1-4-31 Kouda, Tondabayashi 584-0036 Hợp tác thị dân, ban nhân quyền thị dân thành phố Habikino Trong ban giao lưu shiminkyoudou@city.habikino.osaka.jp
Hội giao lưu quốc tế thành phố Fujiidera/ Fujiidera International Exchange Association	
TEL: 072-939-1050 FAX: 072-952-8981	Trong ban xúc tiến hoạt động địa phương của thành phố Fujidera 1-1-1Oka, Fujiidera 583-8583
Trung tâm giao lưu quốc tế thành phố Yao/Yao International Center (YIC) http://www.helloyic.or.jp/	
TEL: 072-924-3331 FAX: 072-924-3332	Yao City Lifelong Education Center, 5-85-16 Asahigaoka, Yao 581-0833 helloyic@helen.ocn.ne.jp
Hội giao lưu quốc tế thành phố Kashiwara/Kashiwara International Exchange Association http://www.city.kashiwara.osaka.jp/docs/2014081300056/	
TEL: 072-972-1501 FAX: 072-973-1201	Kashiwara City Hall, Industry Promotion Section 1-55 Ando-cho Kashiwara City, 582-8555 sangyo@city.kashiwara.osaka.jp
Hội giao lưu quốc tế thành phố Higashiosaka/Higashiosaka International Friendship Association https://hoifa.com/	
TEL: 06-4309-3230 FAX: 06-4309-3849	Văn phòng du lịch quốc tế thành phố Higashi Osaka . Higashi-Osaka 1-1-1 Aramoto-kita, Higashiosaka 577-8521 bunkoku@city.higashiosaka.lg.jp
Hội bạn bè giao lưu quốc tế Moriguchi	
TEL: 06-6992-1516 080-6219-5344	Moriguchi City Hall, Civic Life Division, Community Promotion Section 2-5-5 Keihanondori, Moriguch 570-8666
Hội giao lưu quốc tế thành phố Neyagawa/Neyagawa City International Exchange and Friendship Association (NIEFA) https://niefa.or.jp/	
TEL: 072-811-5935 FAX: 072-811-5936	1 st Floor, The Civic Hall 41-1 hata-cho, Neyagawa 572-0848
Hội giao lưu quốc tế thành phố Katano /Katano City International Friendship Association (KIFA) https://katanokokusai.com/	
TEL: 072-894-1113 FAX: 072-894-1119	1 st Floor, Katano Hall, 14-25 Matsuzuka, Katano576-0043 katano_ifa@yahoo.co.jp

[Return to Top](#)

IX-2 Phòng tư vấn bằng tiếng nước ngoài

Tên	Nội dung tư vấn	Ngôn ngữ	Ngày	Liên lạc
Quầy tư vấn dành cho người nước ngoài của phủ Osaka		Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Triều Tiên, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Thái, tiếng Việt, tiếng Philippine, tiếng tiếng Indonesia, tiếng Nê Pan	Thứ 2 , thứ 6 9:00 - 20:00 Thứ 3 , thứ 4, thứ 5 9:00 - 17:30 Ngoại trừ ngày lễ, những ngày cuối năm và đầu năm (ngày 29/12 - 3/1) Tuần thứ 2 - 4 ngày chủ nhật 13:00 - 17:00	☎06-6941-2297 [URL] (tiếng Nhật, tiếng Anh) Jouhou-c@ofix.or.jp [URL] https://www.ofix.or.jp/life/index.html
(Công Tài)Trung tâm giao lưu quốc tế Osaka	Tư vấn tổng quát	Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc - Triều Tiên, tiếng Việt, tiếng Philippines (mỗi ngày)	Thứ 2 - thứ 6 9:00 - 19:00 thứ 7, chủ nhật, ngày lễ 9:00 -17:30 Ngày cuối năm- đầu năm Ngoại trừ ngày 29 tháng 12 đến ngày 3 tháng 1	☎06-6773-6533 [URL] http://www.ih-osaka.or.jp/
Đường dây tư vấn Kansai Seimei		Tiếng Đài Loan, tiếng Bắc Kinh	Thứ 3, 5, 7 10:00 - 19:00	☎ 06-6441-9595 [URL] http://kansai-seimeisen.com/
Trung tâm thông tin tổng hợp cư trú cho người nước ngoài (nằm trong cục quản lý nhập cảnh Osaka)	Tư vấn những vấn đề liên quan tới tư cách cư trú ở Nhật	Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, tiếng Việt, tiếng tiếng Philippines, tiếng Nepal, tiếng Indonesia, tiếng Thái, tiếng Khmer(Campuchia), tiếng Myanmar, tiếng Mông Cổ, tiếng Pháp, tiếng Srilanca, tiếng Urdu	Thứ hai-thứ sáu 8:30 -17:15	☎0570-013-904 03-5796-7112 (IP, PHS,nước ngoài) [URL] http://www.immi-moj.go.jp/info/index.html
(cơ quan đặc biệt) AMDA Trung tâm thông tin y tế quốc tế Kansai Hiệp hội Bác Sĩ Y Khoa Châu Á	Tư vấn y tế (Chế độ y tế Nhật Bản • giới thiệu cơ sở y tế có thể sử dụng được tiếng nước ngoài v.v..)	tiếng Anh (thứ 2- thứ 6), tiếng Trung Quốc (thứ 3- thứ 5), tiếng Hàn Quốc (thứ 2), tiếng Tây Ban Nha (thứ 4), tiếng Bồ Đào Nha(thứ 6), tiếng Việt(thứ 4-thứ 6) tiếng Philippines(thứ 2), tiếng Thái(thứ 3)	Thứ 2 - thứ 6 10:00 -16:00 Ngoại trừ ngày nghỉ lễ , ngày đầu năm cuối năm	« Tư vấn y tế qua điện thoại » ☎03-6233-9266 (trung tâm Tokyo) « thông dịch y tế từ xa qua Zoom » ☎050-3405-0397 (thứ 2- thứ 6 10:00~15:00) [URL] https://www.amdamedicalcenter.com/

Tên	Nội dung tư vấn	Ngôn ngữ	Ngày	Liên lạc
Công Ty NPO Charm(Trung Tâm sức khỏe và quyền lợi cho người cư trú)	Tư vấn sức khỏe (tư vấn về vấn đề liên quan đến các bệnh truyền nhiễm như HIV bằng tiếng nước ngoài)	Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Anh.	Thứ 3 16:00 - 20:00	☎(06)6354-5901 URL https://www.charmjapan.com/
		Tiếng Trung Quốc	Thứ 4 16:00 - 20:00	
		Tiếng Anh	Thứ 5 16:00 - 20:00	
Trung tâm dịch vụ việc làm cho người nước ngoài ở Osaka	Tư vấn lao động (tư vấn, giới thiệu việc làm cho du học sinh và những người có chuyên môn về kỹ thuật)	Tiếng Anh Tiếng Trung Quốc Tiếng Bồ Đào Nha	(ngoại trừ tất cả các ngày nghỉ, các ngày đầu năm và cuối năm. Đôi khi có thay đổi đột xuất) Từ Thứ2 đến thứ 6 13:00 - 18:00	Tầng 16 Tòa nhà Hankyu Grand 8-47, Kakuta-cho, Kita-ku, Osaka ☎06-7709-9465 URL https://jsite.mhlw.go.jp/osaka-foreigner/
		Tiếng Việt	Thứ 4 tuần thứ 1-3-5 và thứ 5 hàng tuần 13:00 - 18:00	
		tiếng Nê Pan	Thứ 4 13:00 - 18:00	
	Tư vấn lao động (tư vấn về tư cách lưu trú)	Thứ 2 - thứ 6 11:00 - 18:00 Xin hãy liên lạc và hẹn trước khi đến.		
Hello Work Sakai	Tư vấn về lao động	Tiếng Trung Quốc (thứ 2-thứ 3) Tiếng Bồ Đào Nha(thứ 5) Tiếng Tây Ban Nha(thứ tư tuần thứ 2 và thứ 4, thứ 6 hàng tuần)	Thứ hai-thứ sáu 13:00 - 17:00 Nếu cần thông dịch thì phải liên lạc trước	☎072-222-5049 URL https://jsite.mhlw.go.jp/osaka-hellowork/list/sakai/madoguchi_goannai.html
Quầy tư vấn dành cho người lao động nước ngoài - Cục lao động Osaka	Tư vấn liên quan đến điều kiện lao động	Tiếng Anh (thứ 2- thứ 4 và thứ 6) Tiếng Bồ Đào Nha (thứ 4 và thứ 5) Tiếng Trung Quốc (thứ 3- thứ 4- thứ 5-thứ 6) Tiếng Việt (thứ 6)	9:30 - 17:00 (trừ từ 12h đến 13h) Tùy trường hợp có sự thay đổi về ngày giờ nên hãy xác nhận lại rõ trước khi đến cục	Osakashi chuoku otemae 4-1-67 osakagoudouchou shadai 2 goukan tầng 9 ☎06-6949-6490 URL https://jsite.mhlw.go.jp/osaka-roudoukyoku/hourei_seido_tetsuzuki/advisor_foreign_workers.html
		Tiếng Anh (từ thứ 2 - thứ 6)		☎0570-001701
		Tiếng Trung Quốc (từ thứ 2 - thứ 6)		☎0570-001702

Tên	Nội dung tư vấn	Ngôn ngữ	Ngày	Liên lạc
Tổng đài tư vấn dành cho người lao động người nước ngoài	Giải thích các luật định về vấn đề điều kiện lao động và giới thiệu các cơ quan liên quan.	Tiếng Bồ Đào Nha (từ thứ 2 - thứ 6)	10:00 - 15:00 (trừ thời gian từ 12:00 -13:00)	☎0570-001703
		Tiếng Tây Ban Nha (từ thứ 2 - thứ 6)		☎0570-001704
		Tiếng Tagalog (từ thứ 2 đến thứ 6)		☎0570-001705
		Tiếng việt (từ thứ 2 - thứ 6)		☎0570-001706
		Tiếng Myanmar (thứ 2)		☎0570-001707
		Tiếng Nepal (thứ 3-thứ 4 và thứ 5)		☎0570-001708
Phòng tư vấn về lao động tổng hợp Phủ Osaka	Tất cả các vấn đề liên quan về lao động như: gặp khó khăn ở nơi làm việc...	Tiếng Anh Tiếng Trung Quốc Tiếng Việt	Thứ 2 - thứ 6 9:00 - 18:00 Trường hợp cần thông dịch viên, phải liên hệ đặt trước	Tầng 3,2-5-3 Ishi-machi, Chuo-ku, Osaka-shi Yell Osaka Minami-kan ☎06-6946-2610 URL https://www.pref.osaka.lg.jp/sogorodo/soudan/
Trung tâm tư vấn dành cho nữ giới Phủ Osaka	Những lo lắng và những vấn đề gặp phải của nữ giới	Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Triều Tiên, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Thái, tiếng Việt, tiếng Philippine, tiếng Indonesia, tiếng Nê Pan	Thứ 2 - thứ 6 9:30 - 17:30	☎06-6949-6181 URL https://www.pref.osaka.lg.jp/joseisodan/shokai.html
Phòng tư vấn nhân quyền, bộ bảo vệ nhân quyền - Cục tư pháp Osaka	Nhân quyền	Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Triều Tiên, tiếng Philippin, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Việt, tiếng Nepal, tiếng Tây Ban Nha, Thái, tiếng Indonesia, tiếng Thái.	Từ thứ 2 - thứ 6 9:00 - 17:00	☎0570-090911 URL https://www.moj.go.jp/JINKEN/jinken21.html
Hội luật sư Osaka	Nhân quyền Pháp luật	Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Hàn Quốc, Tiếng Triều Tiên, tiếng Philippin, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Việt, tiếng NePan, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Indonesia, tiếng Thái, và những ngôn ngữ khác v.v...	Thứ 6 của tuần thứ 2 và thứ 4 trong tháng (Ngày tư vấn) thứ 6 13:00-16:00	☎ 06-6364-6251 URL https://www.osakaben.or.jp điện thoại đặt trước • chỉ ngày thường ☎ 06-6364-1248 (Tiếng Nhật:9:00-20:00) ☎ 080-7541-5891 (Tiếng nước ngoài 9:00-17:00)

Tên	Nội dung tư vấn	Ngôn ngữ	Ngày	Liên lạc
Trung tâm tư vấn pháp luật Nhật Bản (Houerasu)	Pháp luật	Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc / Triều Tiên, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Việt, tiếng Tagalog, tiếng Nê Pan, tiếng Thái, tiếng Indonesia	Từ thứ 2 - thứ 6 9:00 - 17:00	☎ 0570-078377 URL https://www.houerasu.or.jp/multilingual/index.html

[Return to Top](#)

IX-3. Sức khỏe và Y tế

1. Danh sách cơ sở y tế nhận ca khẩn cấp vào ban đêm / ngày nghỉ

(Chỉ sử dụng tiếng Nhật. Nên bạn cần phải đi cùng với người hiểu tiếng Nhật)

Int	Nội khoa	Ped	Nhi khoa
Sur	Ngoại khoa	Den	Nha khoa
Oph	Nhãn khoa	Oto	Khoa tai mũi họng
Ort	Ngoại khoa chấn thương chỉnh hình	Ora-Sur	Khoa răng hàm mặt

※ Tra cứu thông tin chi tiết trên website công thông tin các cơ sở y tế trong Phủ Osaka:
(<https://www.mfis.pref.osaka.jp/apqq/qq/men/pwtpmenult01.aspx>)

Địa phương	Tên cơ sở	Địa chỉ	Điện thoại	Giờ nhận khám bệnh
Suita	Trạm y tế nhận ca cấp cứu và khám vào ngày nghỉ thành phố SUIITA Int Ped Sur Den	4-31-20 AOYAMADAI, Thành phố SUIITA	06-6831-6700	<u>Chủ nhật, ngày lễ, cuối năm- đầu năm</u> 9:30~11:30 13:00~16:30
	Bệnh viện trực thuộc Đại học Osaka nha khoa Ora-Sur	1-8 YAMADAOKA Thành phố SUIITA	06-6879-2848	<u>Ngày thường</u> 17:15~8:30 hôm sau <u>Thứ 7 • CN • ngày lễ</u> 24/24
Shimamoto, Takatsuki	Trạm y tế nhận cấp cứu vào ban đêm, ngày nghỉ TAKATSUKI SHIMAMOTO Int Ped Sur Den	1-10 NISHIMACHI HACCHO Thành phố TAKATSUKI	072-683-9999	<u>Ngày thường</u> (Int • Ped • Sur) 20:30~6:30 hôm sau <u>Thứ 7</u> (Int • Ped • Sur) 14:30~6:30 hôm sau <u>Chủ nhật, ngày lễ</u> (Int • Ped • Sur) 9:30~11:30, 13:30~16:30, 18:30~6:30 hôm sau <u>Chủ nhật, ngày lễ</u> (Den) 9:30~11:30, 13:30~16:30
Ibaraki	Trạm y tế nhận ca cấp cứu trực thuộc trung tâm y tế bảo vệ sức khỏe thành phố Ibaragiki. ※ Phòng khám cấp cứu khoa nhi, Trạm y tế TAKATSUKI SHIMAMOTO khám vào ngày nghỉ và ban đêm	3-13-5, KASUGA, IBARAKI (Hội Trung tâm điều trị bảo vệ sức khỏe thành phố Ibaraki)	072-625-7799	<u>Ngày thường</u> (Int) 21:00~23:30 <u>Thứ 7</u> (Int) 17:00~6:30 hôm sau 21:00~6:30 hôm sau <u>Chủ nhật, ngày lễ</u> (Int) 10:00~11:30, 13:00~16:30 18:00~6:30 hôm sau <u>Chủ nhật, ngày lễ</u> (Den) 10:00~11:30, 13:00~16:30
Settsu	Trạm y tế nhận ca cấp cứu và khám vào ngày nghỉ khoa nhi, thành phố SETTSU Ped	32-19, KOROEN, SETTSU	072-633-1171	<u>Chủ nhật, ngày lễ, cuối năm- đầu năm</u> 9:30~11:30 13:00~16:00
Toyonaka	Trạm y tế trung tâm, trung tâm bảo hiểm y tế thành phố TOYONAKA. Int Ped Den Int Ped Den	2-6-1, UENOSAKA, TOYONAKA	06-6848-1661	<u>Chủ nhật, ngày lễ 8/14,15 cuối năm- đầu năm</u> 9:30~ 11:30 13:00~ 16:30
	Trung tâm bảo hiểm y tế thành phố TOYONAKA., Trạm y tế Nanbu(miền nam) (Nằm trong trung tâm y tế SHONAI thành phố TOYONAKA) Int Ped Den	1-3-14-101 SHIMAECHO, TOYONAKA	06-6332-8558	<u>Chủ nhật, ngày lễ 8/14,15 cuối năm- đầu năm</u> 9:30~ 11:30 13:00~ 16:30

Ikeda	Trạm y tế nhận ca cấp cứu và khám vào ngày nghỉ thành phố IKEDA. Int Ped Den	3-1-18, JONAN, IKEDA (tầng 1 tòa nhà phía đông bệnh viện thành phố Ikeda)	072-752-1551	<u>Chủ nhật, ngày lễ, cuối năm - đầu năm</u> 8:30~11:30 13:00~15:30
Minoh	Trung Tâm nhận ca cấp cứu và khám cho trẻ em vùng TOYONO. Ped	5-1-14, KAYANO, MINOH	072-729-1981	<u>Ngày thường</u> 18:30~6:30 hôm sau <u>Thứ 7</u> 14:30~6:30 hôm sau <u>Chủ nhật • ngày lễ • Cuối năm đầu năm</u> 8:30~6:30 hôm sau
	Bệnh viện thành phố MINOH Int Den Sur Ped *Nếu bị xác định rằng nhu cầu khám tính khẩn cấp thấp thì sẽ phải trả phí điều trị ngoài giờ là 5.500 yên.	5-7-1, KAYANO, MINOH (năm 2024 dự định sẽ chuyển dời)	072-728-2001	<u>Ngày thường</u> (Int • Sur) 18:30~6:30 hôm sau <u>Thứ 7</u> (Int • Sur) 14:30~6:30 <u>Chủ nhật • ngày lễ • Cuối năm đầu năm</u> (Int • Sur) 8:30~6:30 hôm sau <u>Chủ nhật, ngày lễ cuối năm - đầu năm</u> (Den) 9:30~16:30
Osaka City	Trạm y tế nhận ca cấp cứu và khám vào ngày nghỉ JUSHO Int Ped	1-11-26, JUSO-HIGA SHI, YODOGAWA-KU, OSAKA	06-6304-7883	<u>Chủ nhật, ngày lễ và những ngày cuối năm và đầu năm</u> 10:00~16:30
	Trạm y tế nhận ca cấp cứu và khám vào ngày nghỉ MIYAKOJIMA. Int .Ped	1-24-23, MIYAKOJIMA-MINAMIDORI, MIYAKOJIMA-KU, OSAKA	06-6928-3333	<u>Chủ nhật, ngày lễ và những ngày cuối năm và đầu năm</u> 10:00~16:30
	Trạm y tế nhận ca cấp cứu và khám vào ngày nghỉ IMAZATO Int Ped	3-6-6, OHIMAZATO NISHI, HIGASHINARI-KU, OSAKA	06-6972-0767	<u>Chủ nhật, ngày lễ và những ngày cuối năm và đầu năm</u> 10:00~16:30
	Trạm y tế nhận ca cấp cứu và khám vào ngày nghỉ NAKANO Int .Ped	2-1-20, NAKANO, HIGASHI SUMIYOSHI-KU, OSAKA	06-6705-1612	<u>Ngày thường</u> (Ped) 20:30~23:00 <u>Chủ nhật, ngày lễ và cuối năm - đầu năm</u> 10:00~16:30
	Trạm y tế nhận ca cấp cứu và khám của trung tâm Int Ped Oph Oto	4-10-13, SHINMACHI, NISHI-KU, OSAKA	06-6534-0321	<u>Ngày thường</u> (Int • Ped) 22:00~5:30 hôm sau (Oph • Oto) 22:00~0:30 hôm sau <u>Thứ 7</u> (Int • Ped) 15:00~5:30 hôm sau (Oph • Oto) 15:00~21:30 <u>Chủ nhật, ngày lễ và những ngày cuối năm và đầu năm</u> (Int • Ped) 17:00~5:30 hôm sau (Oph • Oto) 10:00~21:30
	Trạm y tế nhận ca cấp cứu và khám vào ngày nghỉ NISHIKUJO Int Ped	5-4-25, NISHIKUJO, KONOYAMA-KU, OSAKA	06-6464-2111	<u>Chủ nhật, ngày lễ và những ngày cuối năm và đầu năm</u> 10:00~16:30

	Trạm y tế nhận ca cấp cứu và khám vào ngày nghỉ SAWANOCHO Int Ped	4-14-28, MINAMI SUMIYOSHI, SUMIYOSHI- KU, OSAKA	06-4700-7771	Chủ nhật, ngày lễ và những ngày cuối năm và đầu năm 10:00~16:30
	Phòng khám bệnh nha khoa thuộc Hội y tế nha khoa phủ OSAKA Phòng khám tiếp nhận cấp cứu và khám vào ngày nghỉ Den	1-3-27 DOGASHIBA, TENNOJI-KU, OSAKA	06-6772-8886	Chủ nhật, ngày lễ cuối năm đầu năm 9:30~16:00
			06-6774-2600 (chuyên khám ban đêm)	Mỗi ngày 21:00~ 3:00 hôm sau
Sakai	Trung tâm khám chữa bệnh và cấp cứu trẻ em thành phố Sakai - Ped	1-1-2 EDERAJI-CHO, NISHI-KU, SAKAI-SHI	072-272-0909	Ngày thường 20:30~4:30 hôm sau Thứ 7 17:30~4:30 hôm sau Chủ nhật • ngày lễ 9:30~11:30, 12:45~16:30 17:30~4:30 hôm sau Nghỉ lễ OBON 8/13,14,15 (Riêng Thứ 7, Chủ nhật 9:30~11:30), 12:45~16:30, 17:30 ~4:30 hôm sau Cuối năm đầu năm 9:30~11:00, 12:45~16:30 17:30~4:30 hôm sau
	Trung tâm y tế nhận ca cấp cứu và khám SENBOKU thành phố Sakai Int	1-8-1, TAKESHIRODAI, MINAMIKU SAKAI-SHI	072-292-0099	Thứ 7 17:30~20:30 Chủ nhật • ngày lễ 9:30~11:30, 12:45~16:30, 17:30~20:30 Lễ OBON 8/13,14,15 (Riêng Thứ 7, Chủ nhật 9:30~11:30), 12:45~16:30, 17:30 ~20:30 Cuối năm đầu năm 9:30~11:00, 12:45~16:30
	Trung tâm bảo vệ sức khỏe răng hàm thành phố Sakai Den	18-3 DAISEN-NAKAMA CHI, SAKAI-KU SAKAI-SHI	072-243-0099	Thứ 7 17:30~20:30 Chủ nhật • ngày lễ 9:30~11:30, 12:45~16:30
Osaka sayama	Hội y tế thành phố SAYAMA-OSAKA Trạm y tế khám vào ngày nghỉ Int	1-500-1 Higashino-higashi, Osakasayama	072-368-1110	Chủ nhật, ngày lễ, (trừ ngày cuối năm đầu năm) 9: 00~12:00
Takaishi	Trung tâm y tế thành phố TAKAISHI Int Ped	4-4-26, HAGOROMO, TAKAISHI	072-267-0003	Chủ nhật, ngày lễ cuối năm đầu năm 9:00~16:00
Kishiwada	Trung tâm y tế cấp cứu cho trẻ sơ sinh phía bắc SENSU Ped	1-1-51, ARAKICHO, KISHIWADA, KISHIWADA MEDICAL CENTER	072-443-5940	Thứ 7 17:00~22:00 Chủ nhật, ngày lễ, cuối năm đầu năm 9:00~12:00, 13:00~16:00, 17:00~ 22:00
Kaizuka	Trạm y tế cấp cứu và khám vào ngày nghỉ của thành phố KAIZUKA Int Den	1-18-8, HATAKENAKA, KAIZUKA	072-432-1453	Chủ nhật, ngày lễ, cuối năm đầu năm (Int • Den) 10:00~12:00 (Int) 13:00~16:00

Izumisano Kumatori Tajiri Sennan Misaki Han-nan	Trung tâm y tế cấp cứu cho trẻ sơ sinh phía nam SENSHU Int Ped	1-825 Rinku-orai Kita, Izumisano	072-464-6040	Thứ 7 (Int • Ped) 17:30~ 20:30 Chủ nhật, ngày lễ, cuối năm - đầu năm (Int • Ped) 9:30~ 11:30 12:30~16:30 Thứ 5 (Ped) 19:30~22:30
Tondabayashi	Trạm y tế khám vào ngày nghỉ của thành phố TONDABAYASHI Int Den ※ Khoa nhi (đến học sinh cấp 2) sẽ được điều trị tại bệnh viện Tondabayashi	1-3-38, KOYODAI, TONDABAYASHI	0721-28-1333	Chủ nhật, ngày lễ (Int) 9:00~11:30 13:00~15:30 (Den)9:00~11:30 Cuối năm đầu năm (Int • Den) 9:00~11:30 13:00~15:30
	Bệnh viện Tondabayashi Ped (chỉ khám chữa bệnh học sinh trung học cơ sở trở xuống)	1-3-36, KOYODAI, TONDABAYASHI	0721-29-1121	Chủ nhật, ngày lễ, cuối năm đầu năm 9:00~11:30 13:00~15:30
Kawachinagano	Trạm y tế nhận ca cấp cứu và khám KAWACHINAGANO Int Den ※ Khoa nội (không khám cho học sinh dưới trung học cơ sở)	2-1KIDOHIGASHIC HO, KAWACHINAGANO	0721-55-0300	Thứ 7 (Int) 18:00~ 20:40 Chủ nhật, ngày lễ cuối năm - đầu năm (Int) 10:00~11:40, 13:00~15:40 Chủ nhật, ngày lễ (Den)10:00~11:40 Cuối năm đầu năm • Golden Week (Den) 10:00~11:40 13:00~15:40
Habikino	Trạm y tế nhận ca cấp cứu và khám vào ngày nghỉ, trung tâm bảo hiểm sức khỏe thành phố HABIKINO Int Ped Den	4-2-3, KONDA, HABIKINO	072-956-1000	Chủ nhật, ngày lễ cuối năm - đầu năm 10:00~12:00 13:00~16:00
	Trạm y tế nhận ca cấp cứu và khám ban đêm khoa nhi (do thành phố MATSUBARA, FUJIIDERA, HABIKINO điều hành) Ped	4-2-3 Konda, Habikino	072-956-1000	Chủ nhật, ngày lễ, cuối năm - đầu năm 17:30~ 21:30
Fujiidera	Trạm y tế nhận ca cấp cứu và khám vào ngày nghỉ, trung tâm bảo hiểm sức khỏe thành phố FUJIIDERA Int Ped Den	9-4-33, KOYAMA, FUJIIDERA, 2 nd Floor, Fujiidera Health Center	072-939-7194	Chủ nhật, ngày lễ, cuối năm - đầu năm 10:00~12:00 13:00~ 16:00
Matsubara	Bệnh viện Matsubara Toku-shu Kai Ped	7-13-26 Amami Higashi, Matsubara-shi	072-334-3400	Thứ 7 13:00~17:00 Chủ nhật, ngày lễ, cuối năm đầu năm 9:30~11:30 13:00~16:00
Yao	Trạm y tế nhận ca cấp cứu và khám vào ngày nghỉ, trung tâm bảo hiểm sức khỏe thành phố YAO Int Ped Den	5-85-16, ASAHIGAOKA, YAO Lifelong Learning Center	072-993-8223	Thứ 7 (Ped) 17:00~20:30 Chủ nhật, ngày lễ cuối năm - đầu năm (Int, Ped, Den) 10:00~11:30, 13:00~15:30 (Int, Ped) 17:00~20:30

Kashiwara	Bệnh viện thành phố KASHIWARA Int Ped Sur Car Ort ※ Khoa nhi chỉ khám buổi sáng chủ nhật	1-7-9, HOZENJI, KASHIWARA	072-972-0885	(Int) 24 tiếng mỗi ngày (Sur) Thứ 2 và thứ 5 17:00~8:45 hôm sau (Ngày Lễ từ 8:45 Thứ 7, chủ nhật 8:45~8:45 hôm sau (Ped) thứ 2 20:00 ~8:00 hôm sau Thứ 7, chủ nhật 9:00~11:30 (Ort) Thứ 5 17:00~8:45 hôm sau (ngày lễ từ 8:45)
Higashiosaka	Trạm y tế nhận ca cấp cứu và khám vào ngày nghỉ HIGASHIOSAKA Int Ped Den	4-4-38, NISHIIWATA, HIGASHIOSAKA	06-6789-1121	Thứ 7 (Int • Ped) 18:00~20:30 Chủ nhật, ngày lễ cuối năm - đầu năm (Int • Ped • Den) 10:00~11:30, 13:00~16:30
Moriguchi	Trạm y tế nhận ca cấp cứu và khám vào ngày nghỉ thành phố MORIGUCHI Int Ped Den	1-13-7, OMIYADORI, MORIGUCHI 1 st Floor, Citizen Health Center	06-6998-9970 (Int Ped) 06-6998-9945 (Den)	Thứ 7 (Int, Ped) 18:00~ 20:30 Chủ nhật • ngày lễ • cuối năm • đầu năm (Int, Ped) 10:00~ 12:00, 13:30~ 16:30 18:00~ 20:30 Chủ nhật • ngày lễ • cuối năm đầu năm (Den) 10:00~11:30, 13:00~16:30
Hirakata	Trạm y tế nhận ca cấp cứu và khám vào ngày nghỉ HIRAKATA Int Ped	2-14-16, KINYAHOMMACHI , HIRAKATA 1F Hirakata Doctor's Hall	072-845-2656	Thứ 7 17:40~ 20:30 Chủ nhật, ngày lễ cuối năm - đầu năm 9:40~ 11:30, 12:40~ 16:30
	Trạm y tế nhận bệnh cấp cứu nha khoa, khám vào ngày nghỉ HIRAKATA Den	2-14-16, KINYAHOMMACHI , HIRAKATA Trung Tâm Bác sỹ thành phố Hirakata tầng 3	072-848-0841	Chủ nhật, ngày lễ 9:30~ 11:30 13:00~ 16:30
	Trung tâm nhận ca cấp cứu (ban đêm) KITAKAWACHI ※ Khoa nhi (học sinh dưới cấp 2) (do thành phố Moriguchi, Hirakata, Neyagawa, Daito, Kadoma, Shijonawate and Katano điều hành) Ped	2-14-16, KINYAHOMMACHI , HIRAKATA Trung Tâm Bác Sỹ thành phố Hirakata tầng 1	072-840-7555	Ngày thường, chủ nhật, ngày lễ 20:30~ 5:30 hôm sau
Neyagawa	Trạm y tế trung tâm phúc lợi bảo vệ sức khỏe thành phố NEYAGAWA Int Ped Den	28-22, IKEDANISHIMACH I, NEYAGAWA 1 st Floor Health Welfare Center	072-828-3931	Chủ nhật, ngày lễ cuối năm - đầu năm (Int, Ped, Den) 9:30~ 11:30, 12:30~ 16:30 (Ped) 17:30~ 20:30
Daito	Trạm y tế khám vào ngày nghỉ thành phố DAITO (chỉ khám chữa bệnh cho học sinh dưới cấp 2) Ped	8-1, SAIWAI-CHO, DAITO Health Medical Welfare Center	072-874-5110	Chủ nhật, ngày lễ cuối năm - đầu năm 10:00 ~ 11:30 13:00 ~15:30

Kadoma	Trạm y tế trung tâm phúc lợi bảo vệ sức khỏe thành phố KADOMA Int Ped Den	14-1, MIDOCHO, KADOMA	06-6903-3000	Chủ nhật, ngày lễ, cuối năm - đầu năm (Int, Ped, Den) 10:00 ~ 11:30 13:00 ~ 16:00 Thứ 7 (Int, Ped) 18:00~ 20:30
Shijonawate	Trạm y tế khám vào ngày nghỉ, trung tâm bảo vệ sức khỏe thành phố SHIJONAWATE ※ Khoa nhi (dưới 16 tuổi) Ped	3-5-28, NAKANO, SHIJONAWATE	072-877-1231	Chủ nhật, ngày lễ, cuối năm - đầu năm 9:30 ~ 11:30 13:00 ~ 15:30
Katano	Trạm y tế nhận ca cấp cứu và khám vào ngày nghỉ thành phố KATANO Int Ped Den	5-5-1, AMANOGAHARA- CHO, KATANO Katano City Health Promotion Center	072-891-8124	Chủ nhật, ngày lễ, cuối năm - đầu năm (Int Ped) 9:45 ~ 13:45 (Den) 9:45 ~ 11:45
	Trung tâm cấp cứu và khám vào thứ bảy ngày nghỉ, ban đêm.(Bệnh viện KATANO) ※ Nội khoa: trên 15 tuổi Int	39-1, MATSU-TSUKA KATANO-SHI	072-891-0331	Thứ 7, Chủ nhật, ngày lễ 18:00 ~ 21:00

※ Các ngày lễ cuối năm và đầu năm thông thường từ ngày 29/12 đến ngày 3/1.

Nhưng có thể thay đổi tùy theo năm. Để biết chi tiết, xin vui lòng liên hệ với Các Tổ chức cơ quan y tế.

2. Danh sách cơ quan bảo hiểm y tế trong phủ Osaka

Tên thành phố	Địa chỉ	Số điện thoại
Trung tâm bảo hiểm y tế Phủ Osaka		
Ikeda	3-19 Masumi-cho, Ikeda-shi	072-751-2990
Ibaraki	8-11 Ohsumi-cho, Ibaraki-shi	072-624-4668
Moriguchi	2-5-5 Keihan Hon-dori, Moriguchi shi	06-6993-3131
Shijonawate	1-16 Esebi-cho, Shijonawate-shi	072-878-1021
Yao	1-2-5 Shimizu-cho, Yao-shi	072-994-0661
Fujiidera	1-8-36 Fujiidera, Fujiidera-shi	072-955-4181
Tondabayashi	3-1-35 Kotobuki-cho, Tondabaya-shi	0721-23-2681
Izumi	6-12-3 Fuchu-cho, Izumi-shi	0725-41-1342
Kishiwada	3-13-1 Noda-cho, Kishiwada-shi	072-422-5681
Izumisano	583-1 Kami-kawaraya, Izumisano-shi	072-462-7701
Trung tâm bảo hiểm y tế thành phố Osaka , thành phố Sakai , thành phố Higashiosaka , thành phố Takatsuki , thành phố Toyonaka, thành phố Hirakata, thành phố Yao, thành phố Neyagawa		
Trung tâm bảo hiểm y tế thành phố Osaka	10th Floor, Abeno Medix 1-2-7-1000 Asahimachi, Abeno-ku, Osaka	06-6647-0641
Trung tâm bảo hiểm y tế thành phố Sakai	6th Floor, Sakai City Hall Main Bldg. 3-1 Minamikawaramachi, Sakai-ku, Sakai	072-222-7582
Trung tâm bảo hiểm y tế thành phố Higashiosaka	4-3-22 Iwatacho, Higashiosaka, Kirari Facility Building	072-960-3800 (đại diện)
Trung tâm bảo hiểm y tế thành phố Takatsuki	5-7 Jotocho, Takatsuki	072-661-9333
Trung tâm bảo hiểm y tế thành phố Toyonaka	4-11-1 Nakasakurazuka, Toyonaka	06-6152-7307
Trung tâm bảo hiểm y tế thành phố Hirakata	2-2-2 Ogaitocho, Hirakata	072-845-3151

Trung tâm bảo hiểm y tế thành phố Yao	1-2-5 Shimizucho, Yao	072-994-0661
Trung tâm bảo hiểm y tế thành phố Neyagawa	28-3 Yasakacho, Neyagawa	072-829-7771
Trung tâm bảo hiểm y tế thành phố Suita	19-3 Deguchichi, Suita	06-6339-2225

3. Danh sách các trung tâm chăm sóc sức khỏe trong thành phố Osaka

Tên quận	Tên cơ sở	Địa chỉ	Số điện thoại	
Kita	Trung tâm y tế và phúc lợi Kita	2-1-27 Ohgimachi, Kita-Ku, Osaka	06-6313-9882	06-6313-9968
Miyakojima	Trung tâm y tế và phúc lợi Miyakojima	2-16-20 Nakano-Cho Miyakojima-Ku, Osaka	06-6882-9882	06-6882-9968
Fukushima	Trung tâm y tế và phúc lợi Fukushima	1-8-1 Ohbiraki, Fukusima- -Ku, Osaka	06-6464-9882	06-6464-9968
Konohana	Trung tâm y tế và phúc lợi Konohana	1-8-4 Kasugade-Kita, Konohana-Ku, Osaka	06-6466-9882	06-6466-9968
Chuo	Trung tâm y tế và phúc lợi Chuo	1-2-27 Kyutaro-Machi Chuo-Ku Osaka	06-6267-9882	06-6267-9968
Nishi	Trung tâm y tế và phúc lợi Nishi	4-5-14 Shinmachi, Nishi-Ku, Osaka	06-6532-9882	06-6532-9968
Minato	Trung tâm y tế và phúc lợi Minato	1-15-25 Ichioka, Minato-Ku, Osaka	06-6576-9882	06-6576-9968
Taisho	Trung tâm y tế và phúc lợi Taisho	2-7-95 Chishima, Taisho-Ku, Osaka	06-4394-9882	06-4394-9968
Tennoji	Trung tâm y tế và phúc lợi Tennoji	20-33 Shinpoincho, Tennoji-Ku, Osaka	06-6774-9882	06-6774-9968
Naniwa	Trung tâm y tế và phúc lợi Naniwa	1-4-20 Shikitsu-Higashi Naniwa-Ku, Osaka	06-6647-9882	06-6647-9968
Nishiyodogawa	Trung tâm y tế và phúc lợi Nishiyodogawa	1-2-10 Mitejima, Nishiyodogawa-Ku, Osaka	06-6478-9882	06-6478-9968
Yodogawa	Trung tâm y tế và phúc lợi Yodogawa	2-3-3 Juso-Higashi Yodogawa-Ku, Osaka	06-6308-9882	06-6308-9968
Higashiyodogawa	Trung tâm y tế và phúc lợi Higashiyodogawa	2-1-4 Houshin Higashiyodogawa-Ku Osaka	06-4809-9882	06-4809-9968
Higashinari	Trung tâm y tế và phúc lợi Higashinari	2-8-4 Ohimazato-Nishi Higashinari-Ku, Osaka	06-6977-9882	06-6977-9968
Ikuno	Trung tâm y tế và phúc lợi Ikuno	3-1-19 Katsuyama-Minami, Ikuno-Ku, Osaka	06-6715-9882	06-6715-9968
Asahi	Trung tâm y tế và phúc lợi Asahi	1-1-17 Omiya, Asahi-Ku, Osaka	06-6957-9882	06-6957-9968
Joto	Trung tâm y tế và phúc lợi Joto	3-5-45 Chuo, Joto-Ku, Osaka	06-6930-9882	06-6930-9968
Tsurumi	Trung tâm y tế và phúc lợi Tsurumi	5-4-19 Yokozutsumi Tsurumi-Ku Osaka	06-6915-9882	06-6915-9968
Abeno	Trung tâm y tế và phúc lợi Abeno	1-1-40 Fuminosato, Abeno-Ku, Osaka	06-6622-9882	06-6622-9968
Suminoe	Trung tâm y tế và phúc lợi Suminoe	3-1-17 Misaki, Suminoe-Ku, Osaka	06-6682-9882	06-6682-9968
Sumiyoshi	Trung tâm y tế và phúc lợi Sumiyoshi	3-15-55 Minami Sumiyoshi, Sumiyoshi-Ku, Osaka	06-6694-9882	06-6694-9882
Higashisumiyoshi	Trung tâm y tế và phúc lợi Higashisumiyoshi	1-13-4 Higashi-Tanabe, Higashisumiyoshi-Ku, Osaka	06-4399-9882	06-4399-9968
Hirano	Trung tâm y tế và phúc lợi Hirano	3-8-19 Setoguchi, Hirano-Ku, Osaka	06-4302-9882	06-4302-9968

Nishinari	Trung tâm y tế và phúc lợi Nishinari	1-5-20, Kishinosato, Nishinari-Ku, Osaka	06-6659-9882	06-6659-9968
	Trung tâm sức khỏe tâm thần thành phố Osaka	3F, Miyakojima Centre Building, 5-15-21 Miyakojima-ku, Nakano-cho	06-6922-8520	06-6923-0936

Lưu ý về số điện thoại:

Hàng bên trái : Nơi hỏi về các dịch vụ có liên quan đến việc kiểm tra sức khỏe, tiêm ngừa, sơ-sổ mẹ con

Hàng bên phải : Nơi hỏi về các dịch vụ có liên quan đến việc phòng bệnh, hỗ trợ tăng cường giữ gìn sức khỏe (dịch vụ đến nhà thăm hỏi, tư vấn sức khỏe, giáo dục sức khỏe, hỗ trợ chăm sóc con v.v...)

Các thành phố, huyện, xã khác

Địa phương	Tên cơ sở	Địa chỉ	Số điện thoại
Sakai	Trung tâm y tế Sakai	3-1 Minamikawaramachi, Sakai	072-238-0123
	Trung tâm y tế Higashi	195-1 Hikisho-haraderamachi, Sakai	072-287-8120
	Trung tâm y tế Kita	5-1-4 Shin-kanaokacho, Kita-ku, Sakai	072-258-6600
	Trung tâm y tế Nishi	6-600 Ohtori-minamimachi, Nishi-ku, Sakai	072-271-2012
	Trung tâm y tế Minami	1-1-1 Momoyamadai, Minami-ku, Sakai (located in Minami Ward Office)	072-293-1222
	Trung tâm y tế Naka	2470-7 Fukai-sawamachi, Naka-ku, Sakai	072-270-8100
	Trung tâm y tế Mihara	782-11 Kuroyama Mihara-ku	0723-62-8681
	Trung tâm sức khỏe tâm thần thành phố Sakai	Health and Welfare Plaza 4-3-1 Asahigaoka Nakamachi, Sakai-ku	072-245-9192 (Mental Health Counseling: 072-243-5000)
Ikeda	Trung tâm y tế và phúc lợi tổng hợp thành phố Ikeda	3-1-40 Jonan, Ikeda	072-754-6010
Toyono	Trung tâm y tế và phúc lợi phố Toyono	1-2-6 Higashitokiwadai, Toyono	072-738-3813
Minoh	Trung tâm y tế và phúc lợi tổng hợp thành phố Minoh	5-8-1 Kayano, Minoh	072-727-9500
	Trung tâm bảo hiểm y tế thành phố Minoh	5-8-1 Kayano, Minoh	072-727-9555
Nose	Trung tâm y tế và phúc lợi phố Nose (Trung tâm Sasayuri)	82-1 Kurisu, Nose	072-731-2150
Suita	Trung tâm y tế thành phố Suita	19-2 Deguchicho, Suita	06-6339-1212
Settsu	Trung tâm y tế thành phố Settsu	5-30 Minamisenrioka, Settsu	072-633-1710
Ibaraki	Trung tâm bảo hiểm y tế thành phố Ibaraki	3-13-5 Kasuga, Ibaraki	072-625-6685
Takatsuki	Trung tâm y tế thành phố Takatsuki	5-1 Johtohcho, Takatsuki	072-661-1108
Shimamoto	Trung tâm giao lưu dân địa phương phố Shimamoto	3-4-1 Sakurai, Shimamoto-cho, Mishima-gun	075-961-1122
Hirakata	Trung tâm y tế thành phố Hirakata	2-13-13 Kinyahonmachi, Hirakata	072-840-7221

Neyagawa	Trung tâm y tế và phúc lợi thành phố Neyagawa	28-22 Ikeda-nishimachi, Neyagawa	072-824-1181
Moriguchi	Trung tâm y tế thị dân thành phố Moriguchi	1-13-7 Omiyadori, Moriguchi	06-6992-2217
Kadoma	Trung tâm y tế và phúc lợi thành phố Kadoma	14-1 Midocho, Kadoma	06-6904-6400
Daito	Trung tâm y tế bảo vệ sức khỏe và phúc lợi thành phố Daito	8-1 Saiwaicho, Daito	072-874-9500
Shijonawate	Trung tâm y tế thành phố Shijonawate	3-5-28 Nakano, Shijonawate	072-877-1231
Katano	Trung tâm y tế và phúc lợi tổng hợp thành phố Katano	5-5-1 Amanogaharacho, Katano	072-893-6400
Yao	Trung tâm y tế thành phố Yao	5-85-16 Asahigaoka, Yao	072-993-8600
Kashiwara	Trung tâm sức khỏe và phúc lợi thành phố Kashiwara	4-15-35 Oogata, Kashiwara	072-973-5516
Higashiosaka	Trung tâm y tế Higashi	1-1 Asahi-cho, Higashiosaka	072-982-2603
	Trung tâm y tế Naka	4-3-22 Iwatacho, Higashiosaka	072-965-6411
	Trung tâm y tế Nishi	2-8-27 Takaida-motomachi, Higashiosaka	06-6788-0085
Matsubara	Trung tâm y tế thành phố Matsubara	1-1-40 Taijo, Matsubara	072-337-3126
Habikino	Trung tâm y tế thành phố Habikino	4-2-3 Konda, Habikino	072-956-1000
Fujiidera	Trung tâm y tế thành phố Fujiidera	9-4-33 Koyama, Fujiidera	072-939-1112
Osakasayama	Trung tâm y tế thành phố Osakasayama	1-97-3 Iwamuro, Osakasayama	072-367-1300
Tondabayashi	Trung tâm y tế thành phố Tondabayashi	1-3-35 Koyodai, Tondabayashi	0721-28-5520
Kawachinagano	Trung tâm y tế thành phố Kawachinagano	2-1 Kidohigashimachi, Kawachinagano	0721-55-0301
Kanan	Trung tâm sức khỏe và phúc lợi Kanan	1371 Oaza Shiraki, Kanan	0721-90-4800
Taishi	Trung tâm y tế Taishi	101 Oaza Yamada, Taishi	0721-98-5520
Chihayaakasaka	Trung tâm y tế Chihayaakasaka	195-1 Oaza Mizuwake, Chihayaakasaka	0721-72-0069
Izumi	Trung tâm y tế thành phố Izumi	4-22-5 Fuchucho Izumi	0725-47-1551
Izumiotu	Trung tâm y tế thành phố Izumiotu	2-25 Miyacho, Izumiotu	0725-33-8181
Takaishi	Trung tâm y tế tổng hợp thành phố Takaishi	4-4-26 Hageromo, Takaishi	072-267-1160
Tadaoka	Trung tâm y tế phố Tadaoka	1-34-1 Tadaokahigashi, Tadaoka	0725-22-1122
Kishiwada	Trung tâm y tế thành phố Kishiwada	3-12-1 Besshocho, Kishiwada	072-423-8811
Kaizuka	Trung tâm y tế thành phố Kaizuka	1-18-8 Hatakenaka, Kaizuka	072-433-7000
Izumisano	Trung tâm y tế thành phố Izumisano	1-1-1 Ichiba Higashi, Izumisano	072-463-1212

Kumatori	Trung tâm y tế và phúc lợi tổng hợp thành phố Kumatori (trung tâm Fureai Kumatori)	1-1-8 Noda, Kumatori	072-452-6285
Tajiri	Trung tâm y tế và phúc lợi tổng hợp thành phố Tajiri (trung tâm Fureai)	883-1 Oaza Kashoji, Tajiri	072-466-5013
Sennan	Trung tâm y tế thành phố Sennan	1584-1 Shindachi-ichiba, Sennan	072-482-7615
Hannan	Trung tâm y tế thành phố Hannan	263-1 Kuroda, Hannan	072-472-2800
Misaki	Trung tâm y tế phố Misaki	2424-3 Tanagawa-tanigawa, Misaki	072-492-2424

[Return to Top](#)

IX-4 Lao động

1. Danh sách các cơ quan giới thiệu việc làm (Hello Work) trong phủ Osaka

(Các trung tâm, giới thiệu việc làm Hello Work có dịch vụ bảo hiểm thất nghiệp)

URL <https://jsite.mhlw.go.jp/osaka-hellowork/list.html>

Tên	Địa chỉ	Số điện thoại	Khu vực quản lý
Osaka-higashi	Pip Bldg 2-1-36 Nonin-bashi, Chuo-ku, Osaka-Shi Đi tàu điện ngầm (Osaka Metro) Tanimachi-Line, xuống ga Tanimachi-rokuchome, ra cửa số 8 đi bộ 5 phút	06-6942-4771	Chuo-ku (trừ khu thuộc Osaka-nishi) Higashi-nari-ku, Ten-no-ku, Joto-ku, Tsurumi-ku, Ikuno-ku
Umeda	16 F Umeda EkimaeNo. 2 Bldg, 1-2-2 Umeda, Kita-ku, Osaka Đi tàu JR Tozai-Line, xuống ga Kita-shinchi, ra cửa đông	06-6344-8609	Kita-ku, Miyakojima-ku, Asahi-ku, Konohana-ku, Fukushima-ku, Nishiyodogawa-ku
Osaka-Nishi	1-2-34, Minami-Ichioka, Minato-ku, Osaka-shi Đi tàu JR Kanzo-sen, xuống ga Taijo, đi bộ 10 phút Đi tàu điện ngầm (Osaka Metro) Nagahori Tsurumi-ryoku-chi Line, xuống ga Taijo, ra cửa số 4 đi bộ 12 phút	06-6582-5271	Nishi-ku, Naniwa-ku, Minato-ku, Taishou-ku, Selected areas in Chuo-ku below; Andojimachi, Uehonmachinishi, Tohhei, Ueshio, Nakadera, Matsuyamachi, Kawarayamachi, Kozu, Minamisenba, Shimanouchi, Dohtonbori, Sennichimae, Namba-sennichimae, Namba, Nihombashi, Higashi Shinsaibashi, Shinsaibashi-suji, Nishi Shinsaibasi, Soemoncho, Tanimachi 6 to 9 chome
Abeno	1-4-2 Fuminosato, Abeno-ku, Osaka Đi tàu JR Hanwa-sen, xuống ga Bisho-en, đi bộ 3 phút Đi tàu điện ngầm (Osaka Metro) Tanimachi-Line, xuống ga Fumi-no-Sato, đi bộ 7 phút	06-4399-6007	Abeno-ku, Nishinari-ku, Sumiyoshi-ku, Hirano-ku, Suminoe-ku, Higashisumiyoshi-ku
Yodogawa	3-4-11 Juso-Honmachi, Yodogawa-ku, Osaka Đi tàu Hankyu, xuống ga Jusho, đi bộ 3 phút	06-6302-4771	Higashiyodogawa-ku, Yodogawa-ku, Suita City
Fuse	4F AEON Fuse eki-mae ten, 1-8-37 Cho-do Higashi Osaka Shi Đi tàu Kin-tetsu Nara-sen · Osaka-sen, xuống ga Fuse, đi bộ 2 phút	06-6782-4221	Higashiosaka City, Yao City, Sakai City
Sakai	1~3F Sakai Regional Joint Government Office 2-29, Minamikawara-machi, Sakai-ku, Sakai-shi Đi tàu Nankai Koya-sen, xuống ga Sakai Higashi, đi bộ 5 phút	072-238-8301 (Press 41# for Employment Service Center for Foreigners)	Sakai City
Kishiwada	1264 Sakuzai-cho, Kishiwada Đi tàu JR Hanwa-sen, xuống ga Kishiwada, đi bộ 10 phút	072-431-5541	Kishiwada City, Kaizuka City
Ikeda	12-9 Sakae-hon-machi, Ikeda-shi Đi tàu Hankyu Takaraduka-sen, xuống ga Ikeda, đi bộ 7 phút	072-751-2595	Ikeda City, Toyonaka City, Minoh City, Toyono-gun (Toyono-cho/ Nose-cho)

Izumioitsu	2F Akutipia Osaka 22-45 Asahi-machi, Izumi-otsu-shi Đi tàu Nankai Hon-sen, xuống ga Izumi-otsu, đi bộ 3 phút	0725-32-5181	Izumioitsu City, Izumi City, Takaishi City, Senboku-gun (Tadaoka-cho)
Fuji-i Dera	3F DH Fuji-i Dera Eki-mae Bldg 10-18 2cho-me, Oka Fuji-i Dera Đi tàu Kin-tetsu Minami Osaka sen, xuống ga Fuji-i Dera, đi bộ 2 phút	072-955-2570	Kashihara City, Matsubara City, Habikino City, Fujiidera City
Hirakata	6F Vie.orner Aeon Hirakata 7-1, Okahonmachi, Hirakata Đi tàu Keihan Hon-sen, xuống ga Hirakata-shi, đi bộ 3 phút	072-841-3363	Hirakata City, Neyagawa City, Katano City
Izumisano	2-1-20 Uemachi, Izumisano Đi tàu Nankai Hon-sen, xuống ga Izumi-sano, đi bộ 5 phút, bên cạnh Sở cảnh sát Izumi-sano	072-463-0565	Izumisano City, Sennan City, Hannan City, Sennan-gun (Kumatori-cho/Tajiri-cho/Misaki-cho)
Ibaraki	1-12 Higashi-Chujocho, Ibaraki Đi tàu JR Kyoto-sen, xuống ga Ibaraki, đi bộ 8 phút, bên cạnh Trạm cứu hỏa Ibaraki Nishi	072-623-2551	Ibaraki City, Takatsuki City, Settsu City, Mishima-gun (Shimamoto-cho)
Kawachinagan o	7-2 Shouei-cho, Kawachi-nagano Đi tàu Kintetsu Nagano-sen, hoặc tàu Nankai Koya-sen, xuống ga Kawachi Nagano, đi bộ 20 phút	0721-53-3081	Kawachinagano City, Tondabayashi City, Osakasayama City, Minanikawachi-gun, Kanan-chou, Taishi-chou, Chihaya akasaka mura.
Kadoma	2F Moriguchi-Kadoma Shokokaikan Bldg. Đi tàu Keihan Hon-sen, hoặc tàu Osaka Monoreru, xuống ga Kadoma-shi, đi bộ 10 phút	06-6906-6831	Moriguchi City, Daitoh City, Kadoma City, Shijohnawate City

Trung Tâm phục vụ tuyển dụng lao động người nước ngoài

Tên	Địa chỉ	Số TEL	Khu vực quản lý
Umeda	16 F Hankyu Grand Bldg. 8-47 Kakuda-cho, Kita-ku, Osaka	06-7709-9465	Không
Sakai	Hello Work Sakai (⇒tham khảo danh sách bên trên)	072-222-5049	Sakai City

2. Danh sách Cơ quan quản lý tiêu chuẩn lao động

[URL https://jsite.mhlw.go.jp/osaka-roudoukyoku/hourei_seido_tetsuzuki/roudoukijun_keiyaku/list.html](https://jsite.mhlw.go.jp/osaka-roudoukyoku/hourei_seido_tetsuzuki/roudoukijun_keiyaku/list.html)

Tên	Địa điểm	Số TEL	Khu vực quản lý
Osaka -Chuo	1-15-10 Morinomiya-Chuo Chuo-ku Osaka Đi tàu JR Kanjo-sen, hoặc tàu điện ngầm(Osaka Metro) Chuo-sen, xuống ga Morinomiya	06-7669-8726	Chuo-ku, Higashinari-ku,
		06-7669-8727	Joto-ku, Tennohji-ku,
		06-7669-8728	Naniwa-ku, Ikuno-ku, Tsurumi-ku
Temma	Tầng 7 OAP Tower 1-8-30, Tenmabashi, Kita-ku, Osaka Đi tàu JR Kanjo-sen, xuống ga Sakura-no-miya, hoặc tàu JR Tozai-sen, xuống ga Tenmangu, đi bộ 10 phút.	06-7713-2003	Kita-ku, Miyakojima-ku, Asahi-ku
		06-7713-2004	
		06-7713-2005	

Tên	Địa điểm	Số TEL	Khu vực quản lý
Nishinoda	5-3-63 Nishikujo Konohana-ku Osaka Đi tàu JR Kanjo-sen, hoặc tàu Hanshin Nanba-sen, xuống ga Nishikujo, đi bộ 5 phút	06-7669-8787	Konohana-ku, Nishiyodogawa-ku, Fukushima-ku
		06-7669-8787	
		06-7669-8788	
Higashi Osaka	1-6-5 Wakae Nishishinmachi Higashiosaka Đi tàu Kintetsu, xuống ga Yaenosato, đi bộ 7 phút	06-7713-2025	Higashiosaka City, Yao City
		06-7713-2026	
		06-7713-2027	
Sakai	3F Sakai Regional Joint Government Office 2-29, Minamikawaramachi, Sakai-ku, Sakai Đi tàu Nankai Koya-sen, xuống ga Sakai Higashi, đi bộ 5 phút	072-340-3829	Sakai City
		072-340-3831	
		072-340-3835	
Kita Osaka	1-6-8 Higashitamiya Hirakatashi Đi tàu Keihan Hon-sen, xuống ga Hirakata-shi, đi bộ 5 phút	072-391-5825	Moriguchi City, Hirakata City, Neyagawa City, Daito City, Kadoma City, Shijonawate City, Katano City
		072-391-5826	
		072-391-5827	
Ibaraki	2-5-7 Uenakajo, Ibaraki Đi tàu JR Kyoto-sen, xuống ga Ibaraki, hoặc tàu Hankyu Kyoto-sen, xuống ga Ibaraki-shi, đi bộ 5 phút	072-604-5308	Ibaraki City, Takatsuki City, Suita City, Settsu City, Mishima-gun (Shimamoto-cho)
		072-604-5309	
		072-604-5310	
Osaka- Minami	2-13-27 Tamadenaka Nishinari-ku Osaka Đi tàu tàu điện ngầm (Osaka Metro) Yottsu-bashi-sen, xuống ga Tamade	06-7688-5580	Suminoe-ku, Sumiyoshi-ku, Nishinari-ku, Abeno-ku, Higashisumiyoshi-ku, Hirano-ku
		06-7688-5581	
		06-7688-5582	
Osaka- Nishi	9F Osaka Asterio Kitahorie 1-2-19 Kitahorie, Nishi-ku, Osaka Đi tàu tàu điện ngầm (Osaka Metro) Yottsu-bashi-sen, xuống ga Yottsu-bashi, ra cửa số 5	06-7713-2021	Nishi-ku, Minato-ku, Taisho-ku
		06-7713-2022	
		06-7713-2023	
Yodogawa	4-1-12 Nishimikuni Yodogawa-ku Osaka Đi tàu Hankyu Takara-duka-sen, xuống ga Mikuni, đi bộ 11 phút hoặc tàu điện ngầm (Osaka Metro) Midosuji-sen, xuống ga Higashi-mikuni-shi, đi bộ 16 phút	06-7668-0268	Higashiyodogawa-ku, Yodogawa-ku, Ikeda City, Toyonaka City, Minoh City, Toyono-gun (Toyono-cho/Nose-cho)
		06-7668-0269	
		06-7668-0270	

Tên	Địa điểm	Số TEL	Khu vực quản lý
Kishiwada	23-16 Kishiki-cho Kishiwada Đi tàu Nankai Hon-sen, xuống ga Tako-jizo, đi bộ 3 phút	072-498-1012	Kishiwada City, Kaizuka City, Izumisano City, Sennan City, Sennan-gun (Kumatori-cho/Tajiri-cho/Misaki- cho), Hannan City
		072-498-1013	
		072-498-1014	
Habikino	3-15-17 Konda Habikino Đi tàu Kintetsu Minami Osaka-sen, xuống ga Furuichi, đi bộ 5 phút	072-942-1308	Tondabayashi City, Kawachinagano City, Matsubara City, Kashihara City, Habikino City, Fujiidera City, Osaka-sayama City, Minami-karachi-gun(Kanan-cho/T aishi-cho/Chihaya Akasaka-mura)
		072-942-1308	
		072-942-1309	
Izumioitsu	6F Tekusupia Osaka 22-45 Asahi-machi Izumiotsu-shi Đi tàu Nankai Hon-sen, xuống ga Izumi-otsu đi bộ 3 phút	0725-27-1211	Izumioitsu City, Izumi City, Takaishi City, Senboku-gun (Tadaoka-cho)
		0725-27-1211	
		0725-27-1212	

*Số điện thoại trên: Phòng quản lý

Số điện thoại giữa: Phòng an toàn vệ sinh lao động

Số điện thoại dưới: Phòng tai nạn lao động

[Return to Top](#)

IX-5 Danh sách tổng lãnh sự quán (khu vực Kansai) / Đại sứ quán

1. Tổng lãnh sự quán và lãnh sự quán ở Kansai

Tổng lãnh sự quán và lãnh sự quán	Địa chỉ	Số điện thoại
Australia Tổng lãnh sự quán Úc ở Osaka	MID Tower Twin 21, 16f. 2-1-61 Shiromi, Chuo-ku, Osaka	06-6941-9271
China Tổng lãnh sự quán Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ở Osaka	3-9-2 Utsubohonmachi, Nishi-ku, Osaka	06-6445-9481
France Tổng lãnh sự quán Pháp ở Kyoto	8 Yoshida Izumidono-cho, Sakyo-ku, Kyoto	075-761-2988
Germany Tổng lãnh sự quán Cộng hòa liên bang Đức ở Osaka và Kobe	Umeda-Sky Bldg. Tower East. 35f. 1-1-88, Oyodonaka, Kita-ku, Osaka	06-6440-5070
India Tổng lãnh sự quán Ấn Độ ở Osaka-Kobe	Senba-I. S. Bldg. 10f. 1-9-26 Kyutaroh-machi, Chuo-ku, Osaka	06-6261-7299/9299
Indonesia Tổng lãnh sự quán Cộng hòa Indonesia ở Osaka	Nakano-shima Intes Bldg 22F, 6-2-40 Nakanoshima, Kita-ku, Osaka-shi	06-6449-9898/9883
Italy Tổng lãnh sự quán Ý ở Osaka	17F, Nakanoshima Festival Tower 2-3-18, Nakanoshima, Kita-ku, Osaka	06-4706-5820
Korea Tổng lãnh sự quán Hàn Quốc ở Osaka	2-3-4 Nishi-shinsaibashi, Chuo-ku, Osaka	06-4256-2345
Mongolia Tổng lãnh sự quán Mông Cổ ở Osaka	3F Esuteto Bakuro-machi Bldg, 1-4-10 Bakuro-machi, Chuo-ku, Osakai. Số phòng 301,303	06-4963-2572
Netherlands Tổng lãnh sự quán Vương quốc Hà Lan ở Osaka và Kobe	Kitahama 1 chome Heiwa Bldg 8F RoomB, 1-1-14 Kita-hama, Chuo-ku, Osaka	06-6484-6000
Panama Tổng lãnh sự quán Cộng hòa Panama ở Osaka	Yamamoto Bldg. 7f. 71 Kyomachi, Chuo-ku, Kobe	078-392-3361 /3362
Philippines Tổng lãnh sự quán Cộng hòa Philippines ở Osaka và Kobe	Twin 21 MID Tower 24f. 2-1-61 Shiromi, Chuo-ku, Osaka	06-6910-7881
Russia Tổng lãnh sự quán Liên bang Nga ở Osaka	1-2-1 Nishi-Midorigaoka, Toyonaka	06-6848-3451
Thailand Tổng lãnh sự quán Vương quốc Thái Lan ở Osaka	Bangkok Bank Bldg. 1f, 4f, 5f 1-9-16 Kyutaro-machi, Chuo-ku, Osaka	06-6262-9226/9227
United Kingdom Tổng lãnh sự quán Anh quốc ở Osaka	Midosuji Grand Tower 19F. 3-5-1 Bakuro-machi, Chuo-ku, Osaka	06-6120-5600
U.S.A Tổng lãnh sự quán Liên bang Hoa Kỳ ở Osaka và Kobe	2-11-5 Nishitenma, Kita-ku, Osaka	06-6315-5900
Vietnam Tổng lãnh sự quán Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở Osaka	4-2-15 Ichinocho Higashi, Sakai-ku, Sakai City	072-221-6666

(xếp theo thứ tự bảng chữ cái alphabet)

2. Đại sứ quán và Tổng lãnh sự quán danh dự ở Nhật (trường hợp không có tổng lãnh sự quán ở Kansai)

Châu Á

Đại sứ quán		Số điện thoại
Bangladesh	Đại sứ quán Cộng hòa nhân dân Bangladesh	03-3234-5801
Brunei	Đại sứ quán Brunei	03-3447-7997
Cambodia	Đại sứ quán Vương quốc Campuchia	03-5412-8521
Laos	Đại sứ quán Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào	03-5411-2291/2292
Malaysia	Đại sứ quán Malaysia	03-3476-3840
Maldives	Đại sứ quán Cộng hòa Maldives	03-6234-4315
Myanmar	Đại sứ quán Cộng hòa liên bang Myanmar	03-3441-9291/9294
Nepal	Đại sứ quán Nepal	03-3705-5558/5559
Pakistan	Đại sứ quán Cộng hòa Pakistan • Islam	03-5421-7741/7742
Sri Lanka	Đại sứ quán Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Sri Lanka	03-3440-6911/6912
Singapore	Đại sứ quán Cộng hòa Singapore	03-3586-9111/9112
Timor-Leste	Đại sứ quán Cộng hòa dân chủ Đông Timor	03-3238-0210/0215
Tổng lãnh sự quán danh dự		Số điện thoại
Buhtan	Tổng lãnh sự quán danh dự Vương quốc Buhtan ở Osaka	06-6227-4641

Bắc Mỹ

Đại sứ quán		Số điện thoại
Canada	Đại sứ quán Canada	03-5412-6200

Trung nam Mỹ

Đại sứ quán		Số điện thoại
Argentina	Đại sứ quán Cộng hòa Argentina	03-5420-7101/7105
Bolivia	Đại sứ quán Bolivia	03-6803-4362
Brazil	Đại sứ quán Cộng hòa liên bang Brazil	03-3404-5211
Chile	Đại sứ quán Cộng hòa Chile	03-3452-7561/7562/7585
Colombia	Đại sứ quán Cộng hòa Colombia	03-3440-6451
Costa Rica	Đại sứ quán Cộng hòa Costa Rica	03-6434-0426
Cuba	Đại sứ quán Cộng hòa Cuba	03-5570-3182
Dominican Republic	Đại sứ quán Cộng hòa Dominica	03-6268-9085
Ecuador	Đại sứ quán Cộng hòa Ecuador	03-6441-0122
El Salvador	Đại sứ quán Cộng hòa El Salvador	03-6804-2177
Guatemala	Đại sứ quán Cộng hòa Guatemala	03-5797-7502
Haiti	Đại sứ quán Cộng hòa Haiti	03-3486-7096
Honduras	Đại sứ quán Cộng hòa Honduras	03-4361-8142
Jamaica	Đại sứ quán Jamaica	03-3435-1861
Mexico	Đại sứ quán Liên bang Mexico	03-3581-1131/1135
Nicaragua	Đại sứ quán Cộng hòa Nicaragua	03-6265-0411
Paraguay	Đại sứ quán Cộng hòa Paraguay	03-3493-3071

Đại sứ quán		Số điện thoại
Peru	Đại sứ quán Cộng hòa Peru	03-3406-4243/4249
Uruguay	Đại sứ quán Cộng hòa Uruguay	03-6452-9150
Venezuela	Đại sứ quán Cộng hòa Venezuela	03-6275-2361
Tổng lãnh sự quán danh dự		Số điện thoại
Antigua and Barbuda	Tổng lãnh sự quán danh dự Antigua Barbuda ở Tokyo	03-3779-1341
Saint Vincent and the Grenadines	Tổng lãnh sự quán danh dự Saint Vincent và Grenadines ở Tokyo	03-3470-1040

Châu Âu

Đại sứ quán		Số điện thoại
Albania	Đại sứ quán Cộng hòa Albania	03-3543-6861
Armenia	Đại sứ quán Cộng hòa Armenia	03-6277-7453
Austria	Đại sứ quán Cộng hòa Austria	03-3451-8281/8282
Azerbaijan	Đại sứ quán Cộng hòa Azerbaijan	03-5486-4744
Belarus	Đại sứ quán Cộng hòa Belarus	03-3448-1623
Belgium	Đại sứ quán Vương quốc Bỉ	03-3262-0191/0195
Bosnia and Herzegovina	Đại sứ quán Bosnia Herzegovina	03-3556-4151
Bulgaria	Đại sứ quán Cộng hòa Bulgaria	03-3465-1021 - 1024 /1026/1028/1030
Croatia	Đại sứ quán Cộng hòa Croatia	03-5469-3014
Cyprus	Đại sứ quán Cộng hòa Cyprus	03-6432-5040~5042
Czech	Đại sứ quán Cộng hòa Czech	03-3400-8122
Denmark	Đại sứ quán Vương quốc Đan Mạch	03-3496-3001
Estonia	Đại sứ quán Cộng hòa Estonia	03-5412-7281
Finland	Đại sứ quán Phần Lan	03-5447-6000
Georgia	Đại sứ quán Georgia	03-5575-6091
Greece	Đại sứ quánGreece	03-3403-0871/0872
Hungary	Đại sứ quánHungary	03-5730-7120/7121
Iceland	Đại sứ quánIceland in Japan	03-3447-1944
Ireland	Đại sứ quán Ireland	03-3263-0695
Kazakhstan	Đại sứ quán Cộng hòa Kazakhstan	03-3589-1821/1826 (Phòng lãnh sự)
Kosovo	Đại sứ quán Cộng hòa Kosovo	03-6809-2577
Kyrgyz	Đại sứ quán Kyrgyz	03-6453-8277
Latvia	Đại sứ quán Cộng hòa Latvia	03-3467-6888
Lithuania	Đại sứ quán Cộng hòa Lithuania	03-3408-5091
Luxembourg	Đại sứ quán Luxembourg	03-3265-9621~9623
North Macedonia	Đại sứ quán Cộng hòa North Macadonia	03-6868-7110
Malta	Đại sứ quán Cộng hòa Malta	03-5404-3450/3451

Đại sứ quán		Số điện thoại
Moldova	Đại sứ quán Cộng hòa Moldova	03-5225-1622
Norway	Đại sứ quán Hoàng gia Na Uy	03-5422-1200
Poland	Đại sứ quán Cộng hòa Poland	03-5794-7020
Portugal	Đại sứ quán Bồ Đào Nha	03-6447-7870
Romania	Đại sứ quán Romania	03-3479-0311/0313
San Marino	Đại sứ quán Cộng hòa San Marino	03-5414-7745
Serbia	Đại sứ quán Cộng hòa Serbia	03-3447-3571/3572
Slovak	Đại sứ quán Cộng hòa Slovak	03-3451-2200/1033
Slovenia	Đại sứ quán Cộng hòa Slovenia	03-5468-6275
Spain	Đại sứ quán Vương quốc Tây Ban Nha	03-3583-8531/8532
Sweden	Đại sứ quán Thụy Điển	03-5562-5050
Switzerland	Đại sứ quán Thụy Sĩ	03-5449-8400
Tajikistan	Đại sứ quán Cộng hòa Tajikistan	03-6721-7455
Turkmenistan	Đại sứ quán Cộng hòa Turkmenistan	03-5766-1150
Ukraine	Đại sứ quán Ukraine	03-5474-9770
Uzbekistan	Đại sứ quán Cộng hòa Uzbekistan	03-3760-5625
Vatican City	Đại sứ quán Vatican	03-3263-6851
European Union	Phòng đại diện Liên minh Châu Âu (EU)	03-5422-6001
Tổng lãnh sự quán danh dự		Số điện thoại
Monaco	Tổng lãnh sự quán danh dự Công quốc Monaco ở Tokyo	03-3211-4994

Trung Đông

Đại sứ quán		Số điện thoại
Afghanistan	Đại sứ quán Cộng hòa hồi giáo Afghanistan	03-5574-7611
Bahrain	Đại sứ quán Vương quốc Bahrain	03-3584-8001
Iran	Đại sứ quán Cộng hòa hồi giáo Iran	03-3446-8011/8015
Iraq	Đại sứ quán Cộng hòa Iraq	03-5790-5311
Israel	Đại sứ quán Israel	03-3264-0911
Jordan	Đại sứ quán Vương quốc Jordan	03-5478-7177
Kuwait	Đại sứ quán Kuwait	03-3455-0361
Lebanon	Đại sứ quán Cộng hòa Lebanon	03-6451-2981
Oman	Đại sứ quán Oman	03-5468-1088
Qatar	Đại sứ quán Qatar	03-5475-0611~0613
Saudi Arabia	Đại sứ quán Vương quốc Saudi Arabia	03-3589-5241
Syria	Đại sứ quán Cộng hòa hồi giáo Syria	03-3586-8977/8978
Turkey	Đại sứ quán Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ	03-6439-5700
United Arab Emirates	Đại sứ quán Các tiểu vương quốc Ả Rập	03-5489-0804
Yemen	Đại sứ quán Cộng hòa Yemen	03-6261-9026

Châu Phi

	Đại sứ quán	Số điện thoại
Algeria	Đại sứ quán Cộng hòa dân chủ nhân nhân Algeria	03-3711-2661
Angola	Đại sứ quán Cộng hòa Angola	03-5430-7879
Benin	Đại sứ quán Cộng hòa Benin	03-6268-9360
Botswana	Đại sứ quán Botswana	03-5440-5676
Burkina Faso	Đại sứ quán Burkina Faso	03-3485-1930
Cameroon	Đại sứ quán Cộng hòa Cameroon	03-5430-4985
Congo (the Republic of Congo)	Đại sứ quán Cộng hòa Congo	03-6427-7858
Congo (the Democartic Republic of the Congo)	Đại sứ quán Cộng hòa dân chủ Congo	03-6456-4394
Cote d'Ivoire	Đại sứ quán Cộng hòa Cote d'Ivoire	03-5454-1401~1403
Djibouti	Đại sứ quán Cộng hòa Djibouti	03-3440-3115
Egypt	Đại sứ quán Cộng hòa hồi giáo Ai Cập	03-3770-8022/8023
Eritrea	Đại sứ quán Eritrea	03-5791-1815
Ethiopia	Đại sứ Cộng hòa dân chủ liên bang Ethiopia	03-5420-6860/6861
Gabon	Đại sứ quán Cộng hòa Gabon	03-5430-9171
Ghana	Đại sứ quán Cộng hòa Ghana	03-5410-8631/8633
Guinea	Đại sứ quán Cộng hòa Guinea	03-3770-4640
Kenya	Đại sứ quán Cộng hòa Kenya	03-3723-4006/4007
Lesotho	Đại sứ quán Vương quốc Lesotho	03-3584-7455
Liberia	Đại sứ quán Cộng hòa Liberia	03-5228-6751
Libya	Đại sứ quán Libya	03-3477-0701/0702
Madagascar	Đại sứ quán Cộng hòa Madagascar	03-3446-7252/7253
Malawi	Đại sứ quán Cộng hòa Malawi	03-3449-3010
Mali	Đại sứ quán Cộng hòa Mali	03-5447-6881
Mauritania	Đại sứ quán Cộng hòa hồi giáo Mauritania	03-6712-2147
Morocco	Đại sứ quán Vương quốc Ma rốc	03-5485-7171
Mozambique	Đại sứ quán Cộng hòa Mozambique	03-5760-6271/6272
Namibia	Đại sứ quán Cộng hòa Namibia	03-6426-5460
Nigeria	Đại sứ quán Cộng hòa liên bang Nigeria	03-5425-8011
Rwanda	Đại sứ quán Cộng hòa Rwanda	03-5752-4255
Senegal	Đại sứ quán Cộng hòa Senegal	03-3464-8451
South Africa	Đại sứ quán Cộng hòa South Africa	03-3265-3366, 3265-3369
South Sudan	Đại sứ quán Cộng hòa South Sudan	080-9443-2832
Sudan	Đại sứ quán Cộng hòa the Sudan	03-5729-6170/2200/2201
Tanzania	Đại sứ quán Cộng hòa liên minh Tanzania	03-3425-4531
Togo	Đại sứ quán Cộng hòa Togo	03-6421-1064
Tunisia	Đại sứ quán Cộng hòa Tunisia	03-3511-6622/6625

Đại sứ quán		Số điện thoại
Uganda	Đại sứ quán Cộng hòa Uganda	03-3462-7107
Zambia	Đại sứ quán Cộng hòa Zambia	03-3491-0121/0122
Zimbabwe	Đại sứ quán Cộng hòa Zimbabwe	03-3280-0331/0332
Tổng lãnh sự quán danh dự-Đại sứ quán danh dự		Số điện thoại
Central African Republic	Tổng lãnh sự quán danh dự Cộng hòa Central Africa ở Tokyo	03-3702-8808/8332
Comoros	Tổng lãnh sự quán danh dự liên minh Comoros ở Tokyo	03-3433-5769
Gambia	Tổng lãnh sự quán danh dự Cộng hòa Gambia ở Nagoya	052-684-5911
Mauritius	Tổng lãnh sự quán danh dự Cộng hòa Mauritius ở Tokyo	03-3587-7590
Niger	Tổng lãnh sự quán danh dự Cộng hòa Niger ở Tokyo	03-6384-0236
Seychelles	Tổng lãnh sự quán danh dự Seychelles ở Tokyo	03-3264-1022
Sao Tome and Principe	Tổng lãnh sự quán danh dự Cộng hòa dân chủ nhân dân Sao Tome and Principe ở Tokyo	03-6206-2572

Châu Úc

Đại sứ quán		Số điện thoại
Fiji	Đại sứ quán Cộng hòa the Fiji	03-3587-2038
Marshall	Đại sứ quán Cộng hòa the Marshall Islands	03-6432-0557
Micronesia	Đại sứ quán Micronesia	03-6452-2540
New Zealand	Đại sứ quán New Zealand	03-3467-2271
Palau	Đại sứ quán Cộng hòa Palau	03-5797-7480
Papua New Guinea	Đại sứ quán Papua New Guinea	03-3710-7001
Samoa	Đại sứ quán Samoa	03-6228-3692
Tonga	Đại sứ quán Vương quốc Tonga	03-6441-2481
Tổng lãnh sự quán danh dự-Đại sứ quán danh dự		Số điện thoại
Solomon Islands	Tổng lãnh sự quán danh dự quần đảo Solomon ở Tokyo	03-3562-7490
Tuvalu	Tổng lãnh sự quán danh dự Tuvalu ở Tokyo	03-6857-7253

[Return to Top](#)